

MẬT TÔNG-THÍCH LINH QUANG

MẬT TÔNG
KIM CANG THỪA
CHÚ GIẢI
PHẬT GIÁO PHẠM HÁN VIỆT CHÚ
NGŨ TOÀN THƯ
TẬP 1



Tỳ kheo Thích Linh Quang



Đức Phật Thích Ca Mâu Ni Lúc 41 Tuổi, do Tôn Giả Phú Lâu Na họa, hiện đang lưu giữ tại viện bảo tàng Anh Quốc.

Thích Linh Quang

**MẬT TÔNG
KIM CANG THỪA
CHÚ GIẢI
PHẬT GIÁO PHẠM HÁN VIỆT CHỨ
NGŨ TOÀN THƯ
TẬP 1**

Bản in lần thứ nhất 2012

Lời Tựa

Mật tông chính là kim cương thừa, duyên sanh ở Ấn Độ, là thời kỳ cuối cùng của đại thừa Phật giáo thuộc hệ mật thừa, hay còn gọi là chân ngôn tông. Theo lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Phật giáo có bốn giai đoạn phát triển từ nguyên thủy Phật giáo, bộ phái Phật giáo, đại thừa Phật giáo và hậu kỳ kim cương thừa. Đến công nguyên thế thứ 13, mật tông dần dần thất truyền, chỉ lưu lại ở các bản kinh Vi Đà cổ, bộ kinh ảnh hưởng rất lớn trong tông phái triết học xã hội Ấn Độ.

Mật tông phân ra thành bốn bộ phận: tác mật, hành mật, du già mật, vô thượng du già. Vô thượng du già hiện nay bị thất truyền, cũng là bộ pháp tu trì tối cao vô thượng, người tu phải chứng đạt tứ thiền mới có khả năng hành trì. Tu trì mật thừa với tông chỉ: thân, khẩu, ý tam mật thanh tịnh, diệt trừ tam chướng, chứng ngộ vô thượng bồ đề. Hành giả tu trì mật tông bước đầu nên học thông giáo lý, mới hạ công phu tu trì chân ngôn, giáo lý tức là thông(hiểu) đạo, hành trì tu niệm gọi là hành đạo, lý hành tương ứng mới đạt mục đích tối thượng "tức thân thành Phật".

Dựa vào kinh sử Phật giáo Việt Nam, mật tông rất sớm được truyền vào nước ta, bằng chứng khảo cổ đã tìm thấy nhiều trụ đá có khắc các chú ngữ ở Hoa Lư, có từ thời vua Đinh Tiên Hoàng, nhưng chính thống vẫn là Phật giáo Trung Quốc bắc truyền, nên đa số kinh chú lưu truyền chú ngữ thuộc Hán Việt. Vì vậy, các chân ngôn khi được dịch từ tiếng Hoa sang tiếng Hán Việt thì khó phân

biệt nghĩa trong câu chú,nên đã trở thành một dạng âm ngữ thần bí.Thành thật mà nói: “thần chú là những lời thề nguyện của chư Phật Bồ Tát và Thánh Thần,có nghĩa lý rõ ràng,trừ những câu từ ngữ đặc biệt thuộc tâm chân ngôn hoặc chủng tử ngữ không thể dịch giải”. Theo truyền thống Phật giáo mật tông, rất chú trọng cách phát âm Phạn ngữ với mục đích “đồng thanh tương ứng”,nên tất cả chú ngữ dựa vào cách phát âm để phiên dịch.Trải qua thời gian dài học tập,dưới sự chỉ dẫn của chư tôn đức ,thiện tri thức,và sự cố vũ thiện nam tín nữ Phật tử trong và ngoài nước đã yêu cầu dịch phát âm tiếng Việt theo bản tiếng Phạn,để tu trì mật chú nhanh chóng thành tựu và chú thích từ ngữ ý nghĩa trong câu chú.Nhằm mục đích tăng trưởng tín thành tựu,tuệ học thành tựu,thăng tiến bến bờ giác ngộ khi tu học mật chú.Trong khi chú thích không tránh sự sai sót,cầu xin chư tôn đức và thiện tri thức góp phần chỉ dạy,để đệ tử có thêm cơ hội học tập, tự hoàn thành sở học trên lộ đường giác ngộ.

Kính lời
Tỳ kheo Thích Linh Quang

Đức Phật dạy:

*Pháp thí, thắng mọi thí.
Pháp vị, thắng mọi vị.
Pháp hỷ, thắng mọi hỷ.
Ái diệt, thắng mọi khổ.*

Kinh Pháp Cú

Tất cả Như Lai quyền danh (chú) là trái tim của Ta(Phật), được thập phương Chư Phật, chư đại Bồ Tát, thánh chúng, thiên long bát bộ, thiện thần vương(vua các vị thần linh) đồng nghiêm mật thủ hộ. Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, quốc vương, đại thần, thiện nam tín nữ nào, phát tâm trì niệm và sao chép lưu truyền không cho đứt mất, thì những người đó không khác hộ pháp thần đang làm nhiệm vụ bảo vệ trái tim của ta(Phật), tự nhiên người ấy sẽ được thiện thần ngày đêm bảo vệ gia hộ, đem lại nhiều sự cát tường may mắn cho họ, sau khi lâm chung sẽ siêu sanh về mười phương Phật.

Trích mật bộ số sao

Mục lục

Dược Sư quán đảnh chân ngôn	9
Thập Nhị Thần Tướng nhiều ích hữu tình kết nguyện thần chú	12
Như ý bảo luân vương đà la ni	16
Văn Thù ngũ tự chú	21
Lục tự minh chân ngôn	24
Nhất tự chuyển luân vương đà la ni	28
Tịnh pháp giới chân ngôn	31
Văn Thù hộ thân chân ngôn	32
Văn Thù bát tự chân ngôn	33
Nhất tự Phật đảnh luân vương chú	36
Chuẩn Đề thần chú	39
Vãng sanh tịnh độ thần chú	44
Đại bi chú	48
Thất Phật diệt tội chân ngôn	80
Công đức bảo sơn thần chú	83

Thánh Vô Lượng Thọ quyết định quang minh đà la ni	86
Thiện Thiên Nữ chú	90
Đại luân kim cang đà la ni	94
Đại bảo quang bác lâu các thiện trụ bí mật đà la ni	100
Phật đánh tôn thắng đà la ni	107
Tiêu tai cát tường thần chú	124
Nghi thức trì niệm chú Đại Bi	129
Nghi thức trì niệm chú Dược Sư	140
Nghi Thức Mông Sơn Thí Thực ấn pháp	148
Nghi thức trì niệm chú Chuẩn Đề	174
Chủng Tử Ngữ	182

DƯỢC SƯ QUÁN ĐÁNH CHƠN NGÔN

bhaiṣajya-guru dhāraṇī

Đại Đường, Tam Tạng Pháp sư Huyền Trang dịch.



Kinh Dược Sư Bốn Nguyên ghi chép rằng : Đức Thích Ca Như lai bảo với Mạn Thù Thất Lợi, ở đông

phương Lưu Ly thế giới có đức Phật hiệu Dược Sư Như Lai.....Ngài đang vào định tam ma địa tên là “Dứt Trừ Tội Khổ Cho Tất Cả Chúng Sinh”,trên đỉnh nhục kế phóng ra vô số hào quang sáng lớn như bánh xe, trong hào quang ấy diễn nói ra đà la ni này .

Nếu có ai bị bệnh, nhứt tâm đọc thần chú này 108 biến,chú nguyện vào ly nước sạch rồi uống, thì các bệnh đều được bình phục. Còn có người nào chuyên tâm trì tụng thần chú này trọn đời thì không đau ốm, sống lâu, đến lúc mạng chung, được vãng sanh về thế giới của Phật Dược Sư.

Phạn ngữ chú:

Namo bhagavate bhaisajya-guru-voidūrya-prabhā-rājāya tathāgatāya arhate samyak-sambuddhāya tadyathā om bhaisajye bhaisajye bhaisajya-samudgate svāhā.

Phát âm theo Phạn ngữ chú:

Na mô, ba ga pha tê,bai sa da,gu ru,vai đu da,pơ ra ba,ra già da,ta tha ga ta da,a ha tê-sam dắc,sam bút đà da,ta đi da tha.Ôm,bai sa dê,bai sa dê,bai sa da,sa mút ga tê,soa ha.

Hoa ngữ chú:

南謨薄伽伐帝。鞞殺社。寔嚕薛琉璃。鉢喇婆。喝囉闍也。怛他揭多也。阿囉喝帝。三藐三勃陀耶。怛姪他。唵。鞞殺逝。鞞殺逝。鞞殺社。三沒揭帝莎訶。

Hán Việt ngữ chú:

Nam mô Bạt già phạt đế, bệ sát xã, lũ rô thích lưu ly, bát lật bà, hát ra xà dã, đát tha yết đa da, a ra hát đế, tam miệu tam bột đà da, đát điệt tha : Ân ,bệ sát thệ, bệ sát thệ,bệ sát xã, tam một yết đế tóa ha.

Chú thích Phạn ngữ chú:

Namo (kính lễ)bhagavate(Thế Tôn) bhaiṣajya(Dược)-guru(Sư)-vaidūrya(Lưu Ly)-prabhā-rājāya (Quang Vương)tathāgatāya(Như Lai) arhate(Ứng Cúng) samyak-saṃbuddhāya(Chánh Biến Tri) tadyathā (thuyết chú)om(quy mệnh) bhaiṣajye (y dược)bhaiṣajye (y dược)bhaiṣajya(y dược)-samudgate(xuất sanh) svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Nam mô(kính lễ) Bạt già phạt đế (Thế Tôn), bệ sát xã(Dược), lũ rô(Sư) thích lưu ly(Lưu Ly), bát lật bà(Quang), hát ra xà dã(Vương), đát tha yết đa da(Như Lai), a ra hát đế (Ứng Cúng), tam miệu tam bột đà da(Chánh Biến Tri), đát điệt tha(thuyết chú) : Ân(quy mệnh) bệ sát thệ(y dược), bệ sát thệ(y dược),bệ sát xã(y dược), tam một yết đế(xuất sanh), tóa ha(thành tựu).

THẬP NHỊ THẦN TƯỚNG KẾT NGUYỆN NHIÊU ÍCH HỮU TÌNH CHÚ

Đại Đường,Tam Tạng Pháp sư
Huyền Trang dịch.

Đà La Ni Tập Kinh ghi chép rằng:“Thập Nhị Thần Tướng Nhiêu Ích Hữu Tình Kết Nguyện Thần Chú”được trích từ “Dược Sư Lưu Ly Như Lai Bốn Nguyện Công Đức Kinh”.Tại “Đà La Ni Tập Kinh” và Dược Sư “Như Lai Nghi Quỹ ”quyển thứ nhất,thì đem “Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật Đại Đà La Ni ”xem là “Thập Nhị Thần Tướng Kết Nguyện Thần Chú”.

Nếu có người trì tụng đà la ni này,được thoát ly quá khứ nhiều kiếp sanh tử nghiệp,không đọa vào tam đồ khổ thú,dù ở bất cứ nơi nào cũng được an lạc,tâm an vui tự tại vô ngại.

Dược sư kinh ghi rằng:Lúc bấy giờ,trong pháp hội có 12 đại tướng dược-xoa, các vị ấy là:

- Cung Tỳ La Đại Tướng.
- Phật Chiết La Đại Tướng.
- Mê Xí La Đại Tướng.
- An Đế La Đại Tướng.
- Át Nễ La Đại Tướng.
- San Đế La Đại Tướng.
- Nhân Đạt La Đại Tướng.
- Ba Di La Đại Tướng.
- Ma Hổ Ha Đại Tướng.
- Chân Đạt La Đại Tướng.

- Chiêu Đồ La Đại Tướng.
- Tỳ Yết La Đại Tướng.

Mười hai vị đại tướng này mỗi vị đều có bảy ngàn Dược Xoa làm quyến thuộc đồng cất tiếng bạch Phật rằng: "Bạch Đức Thế Tôn, hôm nay chúng tôi nhờ oai lực của Phật mà được nghe danh hiệu của đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai, không còn tâm sợ sệt trong các đường ác thú nữa. Chúng tôi cùng nhau, đồng một lòng trọn đời qui y Phật, Pháp, Tăng, thề sẽ gánh vác cho chúng hữu tình, làm việc nghĩa lợi đưa đến sự nhiều ích an vui. Tùy nơi nào hoặc làng xóm, thành, nước, hoặc trong rừng cây vắng vẻ, nếu có kinh này lưu bố đến hay có người thọ trì danh hiệu đức Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai và cung kính cúng dường Ngài, thì chúng tôi cùng quyến thuộc đồng hộ vệ người ấy thoát khỏi tất cả ách nạn và khiến họ mong cầu việc chi cũng đều được thỏa mãn. Nếu có ai bệnh hoạn khổ ách, muốn cầu cho khỏi thì cũng nên đọc kinh này và lấy chỉ ngũ sắc gút danh tự chúng tôi, khi đã được như lòng mong cầu thì mới mở gút ra".

TÁN DƯỢC XOA

Thập nhị Dược xoa đại tướng,
Trợ Phật tuyên dương.
Ngũ sắc thể lữ kết kỳ danh,
Tùy nguyện tất viên thành.
Oan nghiệp băng thanh,
Phước thọ vĩnh khương ninh.

Phạn ngữ chú:

Namo ratna-trayāya,namo kumbīra vajra mekhila
anila sanila indala antala vapila mahura cīndala caudhula
vimala.

Namo, bhaiṣajya guru vaiḍūrya prabhā rājāya
tathāgatāya tadyathā: oṃ bhaiṣajye bhaiṣajye bhaiṣajya-
samudgate svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na mô,rát na-tra dà da,na mô,kum bi ra,va di ra,mê
khi la,a ni la,sa ni la,in đā la,an ta la,va pi la,ma hu ra,chin
da la ,châu đū la,vi ma la.

Na mô,bai sa da,gu ru,vai đū da,pơ ra ba,ra dá da,ta tha ga
ta da,ta đi da tha:ôm,bai sa dê,bai sa dê,bai sa da,sa mút
ga tê,soa ha.

Hoa Ngữ chú:

那謨囉怛那跢囉夜耶,那謨金毗羅,和耆囉,彌佉羅,安
陀羅,摩尼祿,素藍羅,因達羅,婆耶羅,摩休羅,真特羅,照頭
羅,毗伽羅,那謨毗舍闍瞿留,毗留耶,鉢囉頗囉闍耶,跢侄他,
毗舍是毗舍是,毗舍闍,娑摩揭帝,莎訶.

Hán Việt Chú:

Na mô la đát na đá la dạ da,na mô kim bì la,hòa kì
la,di khư la,an đà la,ma ni lộc,tổ lam la,nhân đật la,bà da
la,ma hươu la,chân đặc la,chiếu đầu la,bì ca la,na mô bì xá
đồ cù lưu,bì lưu da,bát la pha la đồ đā,đá chất tha,bì xá thị
bì xá thị,bì xá đồ,sa ma yết đế,toa ha.

Chú thích nghĩa Phạn chú:

Namo(kính lễ) ratna(tam) trayāya(Bảo),
namo(kính lễ) kumbīra (Dược xoa thần danh)vajra(Dược xoa thần danh) mekhila(Dược xoa thần danh) anila (Dược xoa thần danh) sanila(Dược xoa thần danh) indala(Dược xoa thần danh) antala(Dược xoa thần danh) vapila (Dược xoa thần danh) mahura(Dược xoa thần danh) cīndala(Dược xoa thần danh) caudhula (Dược xoa thần danh) vimala(Dược xoa thần danh).
Namo(kính lễ) bhaisajya(Dược)-guru(Sư)-vaiḍūrya(Lưu Ly)-prabhā(Quang)-rājāya(Vương) tathāgatāya(Như Lai) tadyathā(thuyết chú): oṃ(quy mệnh) bhaisajye(y dược) bhaisajye(y dược) bhaisajya(y dược)-samudgate(xuất sanh) svāhā(thành tựu viên mãn).

Chú giải nghĩa Hán Việt Chú:

Na mô(kính lễ) la đát na đá la dạ da(Tam Bảo),na mô(kính lễ) kim bì la(Dược xoa thần danh),hòa kì la(Dược xoa thần danh),di khư la(Dược xoa thần danh),an đà la(Dược xoa thần danh),ma ni lộc(Dược xoa thần danh),tổ lam la(Dược xoa thần danh),nhân đạt la(Dược xoa thần danh),bà da la(Dược xoa thần danh),ma hư la(Dược xoa thần danh),chân đặc la(Dược xoa thần danh),chiếu đầu la(Dược xoa thần danh),bì ca la(Dược xoa thần danh).

Na mô(kính lễ) bì xá đồ cù lưu(Dược Sư),bì lưu da(Lưu Ly),bát la pha la đồ da(Quang Vương),đá chất tha(thuyết chú),bì xá thị(y dược) bì xá thị(y dược),bì xá đồ(y dược),sa ma yết đế(xuất sanh),toa ha(thành tựu viên mãn).

NHU Ý BẢO LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI

cakravarti-cintāmaṇi dhāraṇī

NHU Ý BẢO LUÂN VƯƠNG ĐÀ LA NI

ॐ ॐ । ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ । ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ । ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ । ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Phật Thuyết Quán Tự Tại Bồ Tát Như Ý Tâm Đà La Ni Kinh ghi chép rằng: “Như Ý Bảo Luân Vương Đà La Ni” do Đức Quán Thế Âm Bồ Tát thương tưởng chúng sanh, Ngài muốn cho chúng sanh mãn nguyện mong cầu, nên đã phát nguyện thuyết Đà La Ni này, thần lực thần chú vô biên, khiến hóa ra những món trân báu, bảo châu tuôn xuống như mưa, tùy theo tâm nguyện khẩn cầu của người trì niệm thần chú này mà kết thành. Đà la ni này, nguyên danh “Đại Liên Hoa Phong Kim Cang Như Ý Luân ” nói rõ chúng sanh có ba chủng loại công đức (pháp thân, bát nhã, giải thoát) . “Đại” ý nghĩa là chúng sanh vô cùng tận; “liên hoa” nghĩa bốn tánh thanh tịnh; “phong” là bất động nghĩa; “kim cang” hiển hiện Bồ tâm kiên cố; “như ý luân” như một xe tốt, vận chuyển tự tại vô ngại.

Bấy giờ, đức Quán Tự Tại Bồ Tát thuyết thần chú ấy rồi, giữa vũ trụ có sáu chủng loại chấn động các cung điện. Các cung điện: long vương, được xoa, kiền đạt bà, a tu la, khẩn na la và nhiều cung điện khác điều đảo loạn không nơi trú ngụ. Giữa hư không mưa tuôn xuống những hoa báu, vật quý xinh đẹp lạ thường, các thiên thần tấu nhạc trời, dựng lên đủ món cúng dường báo màu, trong pháp hội mọi người đều hoan hỷ.

Đức Như Lai tán thán công hạnh của Bồ Tát và oai lực của chú ấy. Nếu như có người nào, tu trì trai giới, nhất tâm tinh tấn tu niệm, có thể cầu phước báo hiện tiền, hóa giải hung tinh, hành việc không chọn ngày tốt xấu, mọi sự cầu nguyện đều như ý. Nếu phạm tứ trọng ngũ nghịch từng tội, nhất tâm cầu khẩn sám hối, y pháp trì niệm sẽ được thanh tịnh, hưởng chi cầu đảo giải các bệnh tật. Oai lực của chú, trừ nạn vua, trộm cướp, oan gia, oan hồn, ác

mộng, giấc giả, thú dữ, tai nạn, chuyên tâm thọ trì thần chú trên đây, thì bao nhiêu tai ương kia đều tiêu diệt hết. Đến lúc lâm chung(chết), người trì chú ấy liền được thấy Phật A Di Đà, tiếp dẫn về tây phương cực lạc.

Nếu có thiện nam tín nữ nào,y pháp thọ trì, vua chúa quan viên cung kính yêu thương,đi đến đâu mọi người tiếp đãi nồng hậu,thập phương chư Phật thương yêu,kiếp sau không do bào thai hóa sanh mà do liên hoa hóa sanh,tướng hảo trang nghiêm,thường được túc mạng trí.

Phạn ngữ chú:

namo buddhāya. namo dharmāya. namaḥ
saṃghāya.

Namo ratna-trayāya nama-āryāvalokiteśvarāya
bodhisattvāya mahāsattvāya mahākāruṇikāya tadyathā:
oṃ cakra-vartī cintā-maṇi mahā-padme ru ru tiṣṭha
jvala-ākaraṣāya hūṃ phaṭ svāhā .oṃ padma cintā-maṇi
mahā-jvala hūṃ .oṃ varada padme- hūṃ

Phát âm theo Phạn ngữ:

Na mô-bút đa da.Na mô-đa ma da.Na ma-săng ga
da.

Na mô ,rát na-tra dà da ,na ma,a ri da ,va lô ki tê,sờ va ra
da,bô đi sát toa da,ma ha sát toa da, ma ha, kà lô ni kà
da,tát đi da tha.Ôm ,cha cờ ra-voa ti, chin ta-ma ni,ma ha-
pát mê ,ru ru ,ti si tha ,di va la -a kà ra sà da,hùm ,phát,
soa ha.Ôm , pát ma,chin ta-ma ni,di va la,hùm.Ôm , va ra
da pát mê -hùm!

Hoa ngữ chú:

南無佛馱耶。南無達摩耶。南無僧迦耶。南無觀自在菩薩摩訶薩。具大悲心者。怛姪他。唵。斫羯囉伐底。震多末尼。摩訶。鉢蹬謎。嚕嚕嚕嚕。底瑟吒。爍囉阿羯利沙夜。吽。發莎訶。唵。鉢蹋摩。震多末尼。爍囉吽。唵跋喇陀。鉢亶謎吽。

Phát âm theo Hán Việt chú:

Nam mô Phật đà da.Nam mô Đạt ma da.Nam mô Tăng dà da. Nam mô Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát, cụ đại bi tâm giả, đát diệt tha. Án, chước yết ra phạt để, chấn đa mạc ni, ma ha bát đẳng mế, rô rô rô rô, để sắc tra,thước ra a yết lỵ sa dạ ,hồng, phẩn tóa ha. Án, bát đạt ma, chấn đa mạc ni, thước ra hồng. Án, bát lật đà, bát đẳng mế hồng.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

Namo (quy kính)ratna(tam) trayāya(Bảo) nama(lễ kính)-āryā(Thánh)valokiteśvarāya(Quán Tự Tại) bodhisattvāya(Bồ Tát) mahāsattvāya(Đại Bồ Tát) mahākāruṇikāya(đại thánh từ bi) tadyathā(thuyết chú) om(quy mệnh) cakra(luân)-varti(chuyển) cintā(tư duy)-maṇi(bảo) mahā(đại)-padme(liên hoa) ruru(độ trì) tiṣṭha (an trụ)jvala(quang minh)-ākarsāya (triệu thỉnh)hūṃ(Chư Phật tâm ngữ) phaṭ(tồi phá) svāhā(thành tựu) om(quy mệnh) padma(liên hoa) cintā(tư duy)-maṇi(bảo) mahā(đại)-jvala(quang minh) hūṃ(Chư Phật bí mật ngữ) om(quy mệnh)

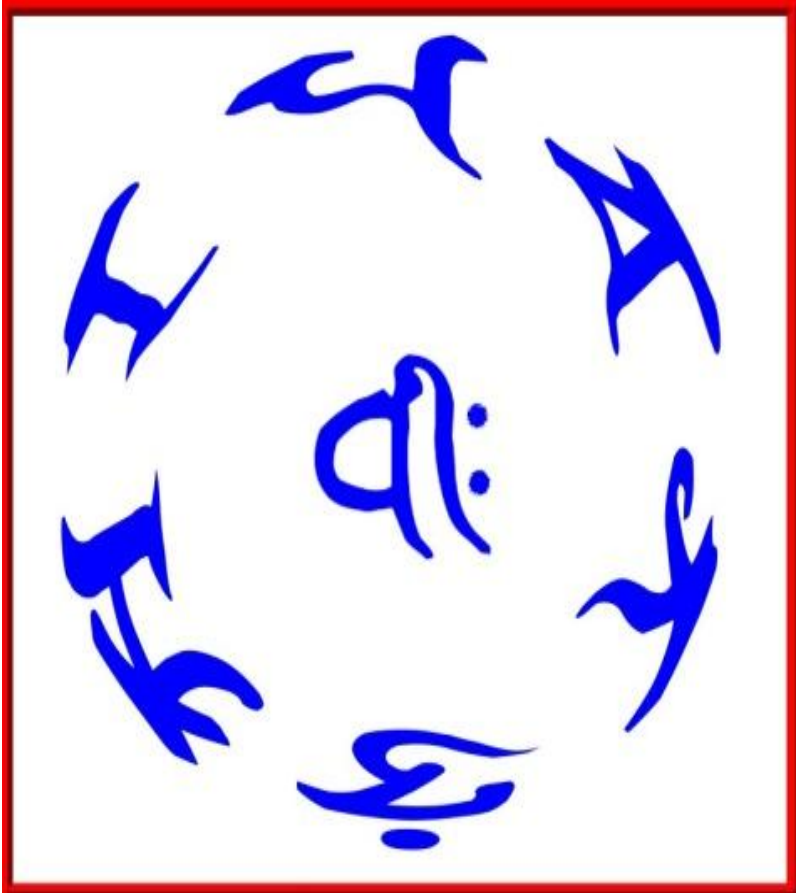
varada(nguyện bố thí) padme(liên hoa) hūṃ(Chư Phật bí mật ngữ).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú:

Nam mô(quy kính) Phật đà da(Phật).Nam mô(quy kính) Đạt ma da(Pháp).Nam mô(quy kính) Tăng dà da(Tăng). Nam mô(kính lễ) Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát (Đai Tự Tại Bồ Tát), cụ đại bi tâm giả(đại thánh từ bi),đát điệt tha(thuyết chú).Án(quy mệnh), chước yết ra phạt để(luân chuyển), chấn đa mạc ni(tư duy bảo), ma ha bát đẳng mế(đại liên hoa), rô rô rô rô(gia trì), để sắc tra(an trụ) ,thước ra(quang minh) a yết lệ sa dạ(triệu thỉnh) hồng(Chư Phật bí mật ngữ), phẩn(tồi phá) tóa ha(thành tựu). Án(quy mệnh), bát đạt ma(liên hoa), chấn đa mạc ni(tư duy bảo), thước ra(quang minh) hồng(Chư Phật bí mật ngữ) . Án(quy mệnh), bát lật đà(nguyện bố thí), bát đẳng mế(liên hoa) hồng(Chư Phật bí mật ngữ).

VĂN THÙ NGŨ TỰ CHỮ

Manjusri Five-Character Mantra
Đại Đường, Tam Tạng sa Môn Đại Quảng Trí
Bất Không dịch.



Kinh Kim Cang Đánh Siêu Thắng Tam Giới Kinh
Thuyết Văn Thù Ngũ Tự Chân Ngôn Thắng Tướng ghi
chép rằng:Nếu thiên nam tử thiện nữ nhơn nào nhất tâm
trì tụng chân ngôn này.Nếu tụng một biến năng nhập

Như Lai nhất thiết pháp bình đẳng,tất cả chân ngôn bình đẳng,nhanh chóng thành tựu ma ha bát nhã(trí tuệ).....
.Nếu hành giả tụng một biến năng trừ tất cả khổ nạn;nếu tụng hai biến năng trừ diệt ức kiếp sanh tử tội nghiệp;nếu tụng ba biến tam muội hiện tiền;nếu tụng bốn biến năng tổng trì bất vọng(ghi nhớ không quên);nếu tụng năm biến nhanh chóng thành tựu vô thượng bồ đề(thành Phật).

Phạn ngữ chú:

om a ra pa ca na-dhīḥ

Phát âm Phạn ngữ chú:

Ôm a ra pha cha na đi.

Hoa ngữ chú 1:

阿囉跛左曩

Hoa ngữ chú 2:

阿羅跛者曩

Phát âm Hán Việt chú 1:

A la bả tả năng.

Phát âm Hán Việt chú 2:

A la bả giả năng.

Chú thích:Trong Càn Long Đại Tạng Kinh bản dịch của Tam Tạng Sa Môn Quảng Trí Bất Không không có chữ án ở đầu câu chân ngôn này.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 1:

oṃ(quy mệnh)a(vô sanh) ra(thanh tịnh không
nhiễm trần) pa(vô đệ nhất nghĩa để chư pháp bình đẳng)
ca(chư pháp vô hữu chư hành) na-dhīḥ(chư pháp vô tánh
tướng).

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 2:

oṃ (quy mệnh)a(cầu giác ngộ)ra(bất xả chúng
sanh) pa(chân lý) ca(diệu hạnh) na-dhīḥ(vô tự tánh).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú 1:

A (vô sanh)la(thanh tịnh vô nhiễm trần) bả(vô đệ
nhất nghĩa để chư pháp bình đẳng) tả(chư pháp vô hữu
chư hành) năng(chư pháp vô tánh tướng).

A(cầu giác ngộ)la(bất xả chúng sanh) bả(chân lý) tả
(diệu hạnh) năng(vô tự tánh).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú 2:

A (vô sanh)la(thanh tịnh vô nhiễm trần) bả(vô đệ
nhất nghĩa để chư pháp bình đẳng) giả(chư pháp vô hữu
chư hành) năng(chư pháp vô tánh tướng).

A(cầu giác ngộ)la(bất xả chúng sanh) bả(chân lý)
giả (diệu hạnh) năng(vô tự tánh).

LỤC TỰ MINH CHÂN NGÔN



LỤC TỰ ĐẠI MINH CHÂN NGÔN

Phật Thuyết Đại Thừa Trang Nghiêm Bảo Vương Kinh chép rằng:Thiện nam tử ,Lục Tự Đại Minh đà la ni,là Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát vi diệu chân tâm,nếu biết vi diệu chân tâm,tức biết giải thoát.

Thiện nam tử! Trong Đại Thừa, pháp này là tối thắng. Vì sao thế? Đó là vì pháp này bao gồm tất cả kệ Kinh Đại Thừa, như là: Trường Hàng, Trùng Tụng, Cô Khởi, Tỳ Dụ, Nhân Duyên, Tự Thuyết, Bốn Sanh, Bốn Sự, Vị Tăng Hữu, Phương Quảng, Luận Nghị, và Thọ Ký.

Thiện nam tử! Lục Tự Đại Minh Vương này rất khó gặp. Như chỉ niệm một biến thì người này sẽ được tất cả các đức Như Lai lấy y phục, ẩm thực, thuốc thang, tọa cụ, giường nằm và những thứ vật khác để cúng dường."

Đà-la-ni này diệt trừ tất cả tai nạn, là mẹ của tất cả chư Như Lai và bát nhã ba la mật. Khi nói Lục Tự Đại Minh Vương này thì tất cả các Đức Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác cùng chư Bồ Tát thấy đều cung kính chấp tay và đánh lễ.

Lợi ích tu niệm lục tự minh chân ngôn:

1. Chín mươi chín hà sa Như Lai,vi trần số Bồ Tát ,ba mươi hai thiên vương, thiên tử điều hội tập,tứ phương hộ pháp,long thần,dược xoa thần kỳ hộ niệm,giải trừ việc xấu, thường được cát tường như ý.
2. Tiêu trừ thế gian nạn ách.
3. Giải bệnh,thân thể tráng kiện,tăng diên phúc thọ.
4. Tổ tiên ông bà được siêu sanh.
5. Bảy đời con cháu được lợi ích.
6. Biên tài vô ngại
7. Tăng trưởng trí tuệ.
8. Tiêu tai,giải nghiệp.
9. Thành tựu lục ba la mật.
10. Nếu có người trì chú này hoặc đeo trên thân,thì thân đó là kim cang thân,như tháp xá lợi, là người thân của Như Lai.

Phạn ngữ chú 1:

Oṃ maṇi padme hūṃ.

Phát âm Phạn ngữ:

Ôm ma ni, pát mê, hùm.

Phạn ngữ chú 2:

Oṃ maṇi padme hūṃ svāhā.

Phát âm Phạn ngữ 2 :

Ôm ma ni, pát mê, hùm, soa ha.

Hoa ngữ chú:

唵。嘛呢叭彌吽。

Phát âm Hán Việt chú:

Án ma ni bát di hồng.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 1 :

Oṃ (quy mệnh) maṇi (bảo ngọc) padme (liên hoa) hūṃ (Chư Phật bí mật ngữ).

Oṃ (quy mệnh) maṇi (bồ đề tâm kiên cố như ma ni) padme (tâm nghiệp thanh tịnh như liên hoa) hūṃ (Chư Phật bí mật ngữ).

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 2:

Oṃ (quy mệnh) maṇi (Phật tánh như ma ni bảo) padme (tâm vô cấu như liên hoa) hūṃ (Chư Phật bí mật ngữ) svāhā (thành tựu viên mãn).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú :

Án(quy mệnh) ma ni (bảo ngọc) bát di(liên hoa) hồng (Chư Phật bí mật ngữ).

Án(quy mệnh) ma ni (bồ đề tâm kiên cố như ma ni) bát di (tam nghiệp thanh tịnh như liên hoa) hồng(Chư Phật bí mật ngữ).

NHẤT TỰ CHUYỂN LUÂN VƯƠNG CHÚ

Đại Đường, Thiên Trúc, Ngài Tam Tạng Bảo Tư Duy
phụng chiếu dịch.



Kinh Đại Đà La Ni Mật Pháp Trung Nhất Tự Tâm Chú ghi chép rằng: Thần chú này oai lực quảng đại, thành tựu tất cả các Pháp, vô lượng kiếp không thể nói hết.....Bồ Tát, Đại Bồ Tát, Thiên Long, Bát Bộ, hết thấy các vị Chuyển Luân Vương...vv... hết lòng vui mừng..... .Chúng con xin thề rằng: “sẽ ủng hộ bảo vệ người trì chú này, nếu thấy có người và kẻ phi nhơn nào, thọ trì, đọc tụng, biên chép cung kính cúng dường, yêu mến thọ trì, khiến cho kẻ ấy không có tai hoạ”.

Nếu trong quốc gia nào, thấy có Thần chú này, tất cả chúng con sẽ cung kính những người trong quốc gia ấy như Phật. Nhờ oai lực Thần chú này, mà bảo vệ được quốc gia, khiến các Quý thần, hung tặc, mãnh tướng ác quỷ, bão lụt, nước lửa không thể làm xâm hại, trăm họ giàu mạnh, cõi nước an ninh, tiền tài, lúa gạo giàu có, không có các nạn đói khát, ôn dịch(bệnh truyền nhiễm), những việc không lành cũng đều tiêu tán,thường hoạch cát tường.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại bảo các Thiên Tiên chúng: Các người hãy lắng nghe đây, đây là "Diệu Cát Tường Đồng Tử Đà-La-Ni"..... .Nếu có người năng trì Diệu Pháp Tối Thắng Đà-La-Ni này, hoặc không biết ngày tốt xấu và các tinh sao hung kiết...vv.. Các Chư Thiên Thần chớ nên vì đó mà làm chướng ngại. Hoặc nếu có người tu hành các giáo pháp của ta, thì các chúng Chư Thiên phải hộ trì người ấy, tất cả Quỷ Thần và hết thảy ác độc Tỳ Na Dạ Ca cũng phải giữ gìn gia hộ không được làm tổn hại, hơn nữa phải dùng phương tiện mà hộ niệm gia trì, với mười lực trong kinh sách giáo điển khiến họ sanh lòng tin hiểu. Nói lời ấy xong liền nhập vào Chánh Định, gọi là "Tất cả Như Lai Đánh Sanh Tam Muội", có công năng trừ diệt bất thiện nghiệp của tất cả chúng sanh.

Thần Chú Chuyển Luân Vương này,tu trì khẩn nguyện, sở nguyện đều được thành tựu.Nếu đem tâm thanh tịnh thành tín cầu nguyện các Pháp này, quyết định thành tựu.

Phạn ngữ chú:
om bhrum.

Phát âm Phạn ngữ chú:
Ôm ,bờ rum.

Hoa ngữ chú:
唵部林.

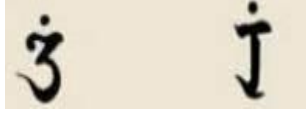
Hán Việt ngữ chú:
Án ! Bộ lâm.

Chú thích Phạn ngữ chú:

oṃ(quy mệnh) bhrūṃ(Phật tâm).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú :
Án(quy mệnh) Bộ lâm(Phật tâm)

TỊNH PHÁP GIỚI CHÂN NGÔN



Quảng Chư Ngôn Nghi Quỹ Kinh ghi chép rằng:Nếu có người nào đọc tụng hoặc ghi nhớ chân ngôn,oai lực của đà la ni này,năng lệnh tam nghiệp thanh tịnh,tất cả nghiệp chướng được tiêu trừ,y phục bất tịnh được thanh tịnh,thân thể không tắm sạch như được tắm sạch, công việc mưu sinh thành tựu viên mãn.

Phạn ngữ chú:

om ram.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Ôm, Ram.

Hoa ngữ chú :

唵 唎.

Hán Việt ngữ chú:

Án lam.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

om(quy mệnh) ram(pháp giới thanh tịnh).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Án(quy mệnh) lam(pháp giới thanh tịnh).

VĂN THÙ HỘ THÂN CHÂN NGÔN

Quảng Như Văn Thù Căn Bản Nhất Tự Chú Kinh ghi chép rằng:Chân ngôn này là Phật ngữ hộ thân bí tạng ,nếu có người nào tụng chân ngôn này,tiêu diệt thập ác ngũ nghịch tội và tất cả tội nghiệp,năng trừ tất cả bệnh khổ tai chướng ác mộng.Nếu có người nào chuyên tâm tụng một biến thủ hộ tự thân,tất cả quỷ thần, thiên ma không dám gần;nếu có người tụng hai biến thì thủ hộ người thân và bạn hữu;nếu tụng ba biến bảo vệ người thân trong thân tộc,nếu tụng bốn biến thủ hộ người trong xóm làng thành xã,niệm được bảy biến có thể bảo vệ người trong tứ thiên hạ.

Phạn ngữ chú:

om srūm

Phát âm Phạn ngữ chú:

Ôm! si rum(hợp âm).

Hoa ngữ chú:

唵齒臨.

Hán Việt ngữ chú:

Án Xỉ lâm.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

om(quy mệnh) srūm(Phật ngữ hộ thân).

Chú thích Hán Việt ngữ chú:

Án Xỉ lâm (Phật ngữ hộ thân).

VĂN THÙ BÁT TỰ CHÂN NGÔN



VĂN THÙ BÁT TỰ CHÚ

Văn Thù Sư Lợi Bảo Tạng Đà La Ni Kinh ghi chép rằng:Kim Cang Bồ Tát thiện nam tử ! Đà la ni bát tự chú là Như Lai pháp tạng xuất Phật thân kinh.Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử Bát Tự Chú là đại oai lực đà la ni.....an trí trong nhà cửa thì được phú quý,tài phú hưng thịnh,con cái học hành thông minh,trang nghiêm tướng hảo.Gia trạch nếu có tai họa thì lệnh được tiêu diệt,thiện thần bảo vệ người trong gia đình,thường được phú quý.Nếu có thiện nam

tín nữ trì tụng bảy biến,năng bảo vệ tất cả chúng sanh,được bất khả tư nghị phước đức.

Đại Phương Quảng Bồ Tát Tạng Văn Thù Sư Lợi Căn Bản Nghi Quỹ Kinh quyển thứ bốn ghi chép rằng:Thần chú là tối thượng tăng ích đại cát tường,đoạn trừ tam giới sanh tử,tiêu trừ tất cả tai hại và ác thú.Người trì niệm tâm được an lạc,công việc thành tựu,chỉ tịnh vắng lặng như thấy Phật hiện tiền.Nếu phạm ngũ nghịch tội,người trì chú này thì nghiệp ấy được thanh tịnh.

Phật cáo Kim Cang Mật Tích Bồ Tát!Nếu thiện nam tử thiện nữ như,trì tụng một biến tức được tự hộ thân,hai biến năng bảo vệ thân hữu bạn bè,ba biến thì đại hộ quốc vương,thần lực trú thập địa bồ tát không siêu qua đà la ni thần lực này,huống chi thiên ma long vương quỷ ác chúng sanh gây chướng ngại.

Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử đà la ni,nếu chuyên tâm trì niệm,tiêu tội sanh phước thành tựu sự nghiệp,sở cầu xứng ý,không thể dùng ngôn ngữ nói tận công đức,thành tựu lực pháp ba la mật.

Mười sự lợi ích trì niệm Văn Thù Sư Lợi Đồng Tử đà la ni:

1. Quốc gia không có xâm lược chiến tranh tương tàn.
2. Khống chế nhật, nguyệt, kim mộc thủy hỏa thổ ngũ hành tinh,nhị thập bát tú tinh,hung tinh biến quái mà không khởi tai ách nạn khổ.
3. Quốc gia không có ác quỷ thần và bệnh truyền nhiễm.

4. Quốc gia không có tam tai bát nạn.
5. Nhân dân trong quốc gia đó ,không có oan gia trái chủ gây hại.
6. Nhân dân trong quốc gia đó ,không có âm ma quỷ chúng ,gây chướng ngại.
7. Nhân dân trong quốc gia đó ,không có đột tử bất thường.
8. Thiên long nhập cảnh,phong điều vũ thuận, quốc thái dân an.
9. Không gặp vua chúa ác tánh,nghịch đãi dân chúng, vụ mùa hưng thịnh.
10. Nhân dân trong quốc gia đó ,không có hổ lang ác thú,chư ác tạp độc gây hại.

Phạn ngữ chú:

om a vi ra hūm kha ca raḥ.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Ôm a vi ra hùm kha cha ra.

Hoa ngữ chú:

唵阿尾羅吽佉左洛.

Hán việt ngữ chú:

Án a vĩ la hồng khư tả lạc.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

om(quy mệnh) a vi ra hūm kha ca raḥ(Như Lai pháp tạng thân,vô tướng).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Án(quy mệnh) a vĩ la hồng khư tả lạc(Như Lai pháp tạng thân,vô tướng).

NHẤT TỰ PHẬT ĐẢNH LUÂN VƯƠNG CHÚ

Đại Đường, Nam Thiên Trúc, Bồ Đề Lưu Chí
Tam Tạng Pháp Sư Dịch.



Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương Kinh và Nghi Quỹ Trì Niệm Luân Vương Chú ghi chép rằng: Nhất tự chân ngôn là tất cả tâm của Như Lai, cũng là tất cả nghi quỹ trong tối thắng tối thượng, năng thành tựu tất cả sự nghiệp. Nhất Tự Minh Vương được xưng “Chư Phật nhất thiết trí trí chân ngôn chi tướng” cũng có danh “Như Lai đệ nhất vi diệu nội tâm”. Nếu có người trì niệm chân ngôn này, chư Phật lấy tay xoa đầu, gia trì hoan hỷ, đoạn trừ tất cả ác nghiệp, khiến sanh từ tâm, an trụ diệu giác cảnh giới, viên mãn nhất thiết pháp thế gian và pháp xuất thế gian.

Những sự lợi ích trì niệm Nhất Tự Phật Đảnh Luân Vương đà la ni:

1. Tất cả nghiệp chướng được thanh tịnh.
2. Diệt tất cả tội, khiến tất cả chúng sanh đều được viên mãn sở nguyện.
3. Nếu trì tụng hoặc viết kinh chú này, tất cả người và chư thiên cung kính cúng dường.
4. Chú lực khiến chúng sanh không gặp khủng bố gây hại.
5. Phá trừ tất cả thế gian ác chú, danh xưng “ tất cả chư Phật quyền đảnh”.
6. Hành trì chân ngôn, nhất thiết xứ được vô ngại, nhất thiết kiến điều được hoan hỷ, xa rời khổ não, nơi nơi xứ xứ đều được an lạc.
7. Đoạn trừ thiên ma ngoại pháp, lệnh tự pháp thân nhanh chóng thành tựu.

Phạn ngữ chú:

namaḥ samanta buddhānām. oṃ bhrūṃ.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na ma ,sa măn ta,bút đa nam.Ôm bờ rum.

Hoa ngữ chú:

曩莫,三滿多,沒馱南,唵步嚕唵.

Hán việt ngữ chú:

Năng mạc, tam măn đa, một đà nam, úm bộ lỗ úm.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

namaḥ(kính lễ) samanta(phổ biến)
buddhānām(Phật-Thế Tôn). oṃ(quy mệnh) bhrūṃ(Như
Lai tâm).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Năng mạn(kính lễ)tam mãn đa(phổ biến)một đà
nam(Phật -Thế Tôn) úm(quy mệnh) bộ lỗ(Như Lai tâm)
úm(phụng hành).

CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ

cundi dhāraṇī

Đại Đường, Thiên Trúc, Ngài Tam Tạng Địa Bà Ha La dịch.

ॐ वृषु वृषु वृषु वृषु ॐ

CHUẨN ĐỀ THẦN CHÚ

ॐ मप्रं मयुं वृषु वृषु ॐ

वृषु ॐ वृषु वृषु वृषु वृषु

Phật Thuyết Thất Câu Chi Phật Mẫu Tâm Đại Chuẩn Đề Đà La Ni Kinh ghi chép rằng: Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di nào thọ trì đọc tụng thần chú này đủ 80 vạn biến thì tiêu diệt những tội ngũ nghịch vô gián đã tạo từ vô lượng kiếp. Sinh ra chỗ nào cũng gặp chư Phật và Bồ Tát, đời sống vật dụng đầy đủ, đời đời thường

được xuất gia, trì đủ luật nghi tịnh giới của Bồ Tát, thường sanh như thiên, không đọa ác thú, thường được chư thiên thủ hộ.

Nếu có những người tại gia nam nữ thường trì tụng, thì nhà người ấy không có khổ não tai ương, bệnh khổ. Khi làm việc gì đều được hanh thông lợi trinh, nói ra lời gì đều được tin nhận. Nếu có người tại gia không thể đoạn duyên vợ con, rượu thịt, chỉ y pháp của Phật dạy mà trì niệm đều được thành tựu.

Nếu có chúng sanh phước mỏng, không chút thiện căn, không có phần giác ngộ, nếu được nghe pháp Đà La Ni này nhanh chóng chứng đắc được vô thượng Bồ Đề Chánh Đẳng Chánh Giác. Nếu có người thường trì tụng hay ghi nhớ chú này, vô lượng thiện căn dần dần được thành tựu.

Nếu có người nào tụng thần chú này đủ 10 vạn biến trong chiêm bao thấy được chư Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, tự thấy trong miệng của mình mưa ra vật đen. Nếu có phạm ngũ nghịch tội thì không được thấy những điều mộng như vậy.

Nếu tụng đủ 70 vạn biến thì sẽ thấy những tướng trong khi ngủ, thấy mưa ra sắc trắng như sữa, cơm, vân vân thời phải biết người đó tội diệt phước sanh, được thân tâm thanh tịnh.

Nếu có người một lòng muốn dứt trừ vọng tưởng đảo điên tạp niệm, tụng đủ 20 vạn biến, 40 vạn biến, 60 vạn biến, cầu những pháp thế gian hay xuất thế gian đều được như ý nguyện.

Nếu người không có phước tướng, cầu quan không toại ý, thường trì tụng chú này, thì quan vị quyết được toại ý.

Nếu người trong bà con quyến thuộc không hòa hợp, không có tình thương với nhau, nên y pháp trì tụng chú hướng về bà con quyến thuộc, xưng tên họ, thì được hòa hợp, nghe tên thấy thân đều được hoan hỷ. Phạm cầu việc gì cũng vừa lòng toại nguyện. Nếu có người trai giới đầy đủ, nhất tâm thanh tịnh, y pháp tụng trì, thì nhất định chứng quả Bồ Đề .

Tụng trì đà la ni này thời có công năng khiến chúng sanh thọ mạng ngắn thì được tăng thêm tuổi thọ. Nếu có bệnh nan y mà trì chú này thì được trị lành, huống gì các bệnh khác mà không trị được lành.

Long Thọ Bồ Tát Tán Thán Kệ:

Chuẩn Đề công đức tụ.
Tịch tịnh tâm thường tụng.
Nhứt thiết chư đại nạn.
Vô năng xâm thị nhơn.
Thiên thượng cập nhơn gian
Thọ phước như Phật đẳng.
Ngộ thử như ý châu.
Định hoạch vô đẳng đẳng.

Tán kệ:

Ngã kim trì tụng Đại Chuẩn Đề.
Tốc phát Bồ đề quảng đại nguyện.

Nguyện ngã định huệ tốc viên minh.
Nguyện ngã công đức giai thành tựu.
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm.
Nguyện cộng chúng sinh thành Phật đạo.

Phạn ngữ chú:

namah saptānāṃ samyaksaṃbuddha-koṭīnāṃ
tadyathā oṃ cale cule cunde svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na ma,sáp ta nam ,sam dất sam bút đā,cô thi nam,
ta đi da tha:ôm,cha lê ,chu lê ,chuẩn đề,soa hoa.

Hoa ngữ chú:

南無颯哆喃。三藐三菩陀。俱胝喃。怛姪他。唵
。折戾主戾。準提娑婆訶。

Hán việt chú:

Nam mô ,tát đā nẫm tam miệu tam bồ đà câu chi
nẫm , dất điệt tha. Án, chiết lệ, chủ lệ, Chuẩn Đề sa bà ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

namah(kính lễ) saptānāṃ(thất)
samyaksaṃbuddha(Chánh Biến Tri Giác(Phật-Thế Tôn))-
koṭīnāṃ(thiên vạn) tadyathā(thuyết chú) oṃ(quy mệnh)
cale(Bất Động Tôn) cule(Thanh Tịnh Tôn) cunde(Chuẩn
Đề Tôn) svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Nam mô(kính lễ), tát đa nẫm(thất),tam miệu tam bồ đà (Chánh Biến Tri Giác(Phật-Thế Tôn))câu chi nẫm(thiên vạn) ,đát điệt tha(thuyết chú). Án(quy mệnh), chiết lệ(Bất Động Tôn), chủ lệ(Thanh Tịnh Tôn), Chuẩn Đề(Chuẩn Đề Tôn) sa bà ha(thành tựu).

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ THẦN CHÚ

sukhāvati-vyūha dhāraṇī

VÃNG SANH TỊNH ĐỘ
THẦN CHÚ

ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ		
ॐ	ॐ	ॐ				
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ		
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	ॐ	
ॐ	ॐ	ॐ		ॐ	ॐ	ॐ
ॐ	ॐ	ॐ	ॐ		ॐ	ॐ

Kinh Niệm Phật Ba La Mật, pháp sư Cưu-Ma-La-Thập dịch từ Phạn ra Hoa ngữ ghi chép rằng: Lúc bấy giờ, ngài Phổ Hiền Đại Bồ Tát bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn, con nay vì thương tưởng chúng sanh thời mật pháp, khi ấy kiếp số giảm, thọ mạng ngắn, kém phước đức, kẻ thành tâm tu hành rất ít. Con sẽ ban cho người tu niệm Phật thần chú đà ra ni này, để thủ hộ thân tâm, nhổ tận gốc, đào tận rễ nghiệp chướng, trừ sạch phiền não, được mau chóng sanh về thế giới Cực-Lạc.

Chân ngôn này, chính danh là “Bạt Nhứt Thế Nghiệp Chướng Căn Bản Đắc Sanh Tịnh Độ Đà La Ni”. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, thường trì tụng vãng sanh tịnh độ đà la ni ấy, được đức A Di Đà thường ngự ở trên đỉnh đầu, đêm ngày để ủng hộ hành giả, khiến cho kẻ oan gia trái chủ không có cơ hội trả thù, hiện đời sống an lạc, đến lúc lâm chung, tốc vãng sanh thế giới cực lạc, hà huống đêm ngày trì niệm, công đức bất khả tư nghị.

Minh Tăng Tông Bổn Tịnh Độ Hành Pháp nói : Trước khi tu trì chân ngôn này, người tu trì phải tắm rửa sạch, dùng nước súc miệng, dâng hương hoa, chấp tay cung kính, quỳ trước Phật đài, đêm ngày sáu thời trì niệm chú này. Nếu tụng bảy biến, tức diệt hết tứ trọng ngũ nghịch và thập ác phỉ báng Phật pháp, hiện đời an ổn, chế phục âm ma quỷ thần chúng. Nếu có người tụng đủ hai mươi vạn biến, tức cảm hạt giống bồ đề nảy sanh. Nếu tụng mãn ba mươi vạn biến, thì thấy được kim thân sắc tướng Phật A Di Đà, quyết định vãng sanh tây phương.

Phạn ngữ chú:

namo'mitābhāya tathāgatāya tadyathā amṛtod
bhave amṛta-siddhambhave amṛta-vikrānte amṛta-
vikrānta gāmini gagana kīrta-kāre svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na ma,a mi ta ba gia, ta tha ga ta gia, tát đi da tha: a
mi rị tốt -ba vê, a mi rị ta -sít đăm ba vê, a mi rị ta -vi kờ
răng tê, a mi rị ta -vi kờ răng ta, ga mi ni, gà ga na, kịt ta-
ka rê, soaha.

Hoa ngữ chú:

南無阿彌多婆夜。哆他伽多夜。哆地夜他。阿彌利
都婆毗。阿彌唎哆悉耽婆毗。阿彌唎多毗迦蘭帝。阿彌
唎哆毗迦蘭多。伽彌膩伽伽那。枳多迦利。娑婆訶。

Hán Việt chú:

Nam mô a di đa bà dạ, Đa tha dà đa dạ, Đa địa dạ
tha.A di rị đô bà tỳ,A di rị đa tất đăm bà tỳ,A di rị đa tì ca
lan đế,A di rị đa, tì ca lan đa,Dà di nị dà dà na,Chỉ đa ca lệ
,Ta bà ha.

Chú thích Phạn ngữ chú:

namo'(kính lễ)mitābhāya(A Di Đà)
tathāgatāya(Như Lai) tadyathā(thuyết chú) amṛtod (cam
lồ)bhave(phát sanh) amṛta(cam lồ)-siddham bhave(phát
sanh thành tựu) amṛta-(cam lồ)vikrānte (phân
tán)amṛta(cam lồ)-vikrānta(phân tán) gāmini(thắng

diệu) gagana(hư không) kīrta-kāre(danh xưng pháp vị)
svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Nam mô(kính lễ) a di đà bà dạ(A Di Đà), Đa tha dà
đà dạ(Như Lai), Đa địa dạ tha(thuyết chú).A di rị đô(cam
lồ) bà tỳ(phát sanh),A di rị đa(cam lồ) tất đām bà tỳ(phát
sanh thành tựu),A di rị đa (cam lồ)tì ca lan đế(phân tán
phổ biến pháp giới),A di rị đa(cam lồ)tì ca lan đa(phân
tán phổ biến pháp giới),Dà di nị(thắng diệu)dà dà na(hư
không),Chỉ đa ca lệ(danh xưng pháp vị) ,Ta bà ha(thành
tựu).

ĐẠI BI CHÚ

Nīlakaṇṭha Dhāraṇī

Đại Đường, Tam Tạng Già Phạm Đạt Ma dịch.

Đại bi chú phạn ngữ là Mahākàrunikacitta-dhàrani, Hán dịch “Thiên Thủ Thiên Nhãn Quán Thế Âm Đại Bi Tâm Đà La Ni” là thần chú mà được Đức Phật Thích Ca Mâu Ni giới thiệu trong Đại Bi Tâm Đà La Ni kinh. Đại bi chú như một lời thề nguyện cứu khổ chúng sanh của ngài Quán Thế Âm Bồ Tát (Arya valokitesvaraya Bodhisattvaya) trong đời ngũ trước ác thế, khi hành giả thành kính, thành tâm thọ trì phúng tụng. Trong đại tạng kinh, đại bi chú có nhiều bản dịch khác nhau, nhưng lưu hành được nhiều người biết đến, là bản dịch của ngài Già Phạm Đạt Ma Pháp Sư có 84 câu chú, đối chiếu bản Phạn ngữ hiện hành thì tương đồng. Đà la ni này, phần đông Phật tử đều thông thuộc, tu trì rất linh nghiệm, không thể dùng ngôn từ để nói tận công đức.

Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni ghi chép rằng: Nếu chúng sanh nào trì tụng thần chú Đại Bi, còn bị đọa vào 3 đường ác, tôi (Quán Âm Bồ Tát) thề không thành chánh giác.

Nếu chúng sanh nào trì tụng chú Đại Bi, nếu không được sanh về các cõi Phật, tôi (Quán Âm Bồ Tát) thề không thành chánh giác.

Nếu chúng sanh nào trì tụng thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng tam muội biện tài tôi (Quán Âm Bồ Tát) thề không thành chánh giác.

Nếu có người nữ chán ghét thân nữ, muốn được làm thân nam, trì tụng thần chú Đại Bi, nếu không chuyển nữ thành thân nam, tôi (Quán Âm Bồ Tát) thề sẽ không thành chánh giác.

Nếu có người nào phạm tội xâm tổn tài vật, thức ăn uống của thường trụ, cần đổi 10 phương chư Phật sám hối, mới có thể tiêu trừ. Khi tụng chú Đại Bi Tâm Đà Ra Ni, 10 phương chư Phật đều đến chứng minh hộ niệm, nên tất cả tội chướng thảy đều tiêu diệt.

Nếu người nào tụng chú này, tất cả tội thập ác ngũ nghịch ,phỉ báng chánh pháp, phá giới,đạp chùa phá tháp, trộm của tam bảo, làm dơ phạm hạnh người xuất gia, bao nhiêu tội ác nghiệp nặng như núi ,chỉ thành trì niệm,cầu xin sám hối ,đều được tiêu hết. Người trì niệm có nhiều sự lợi ích,thù thắng vi diệu,bất khả tư nghì công đức.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào tụng trì thần chú này, phải phát tâm Bồ Đề, thề độ tất cả loài chúng sanh, không phân biệt nhân ngã, giữ gìn trai giới,tinh tấn trì tụng. Lúc đó, sẽ có Nhựt Quang Bồ Tát, Nguyệt Quang Bồ Tát cùng vô lượng thiện thần đến chứng minh hộ niệm.Ta(Quán Âm Bồ Tát) sẽ dùng ngàn mắt chiếu soi, ngàn tay nâng đỡ, khiến cho người ấy có thể hiểu thông các điển tịch Vi Đà (bà la môn kinh) và thông suốt tất cả kinh sách thế gian.

Nếu có người nào tụng trì thần chú này, có thể trị lành tám muôn bốn ngàn thứ bệnh ở thế gian, hàng phục các thiên ma, ngoại đạo, sai khiến được tất cả chúng loại quỷ thần.

Nếu có người nào tọa thiền ở nơi động núi, đồng vắng, bị các loài sơn tinh, các quỷ mị vọng lượng làm não loạn, khiến cho tâm không nhập định, chỉ cần tụng chú này một biến, các quỷ thần ấy thấy đều bỏ chạy.

Nếu có người nào tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong muốn, điều được như ý, nếu cầu không mãn nguyện, thì thần chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni, duy trừ tâm bất thiện, không chuyên tâm chí thành trì niệm chú ấy.

Nếu có người nào tụng trì thần chú Đại Bi, thì sẽ được vô lượng, vô biên công đức, khiến cho chúng được nghe làm nhân Bồ Đề, để gieo trồng ở kiếp sau.

Nếu thiện nam và thiện nữ nào tụng trì thần đà la ni này, các đại Bồ Tát, Phạm vương, Đế Thích, Các thiện thần, long vương, thần Mẫu và 500 đấng xoa làm quyến thuộc, thường theo hộ trì bảo vệ người thọ trì thần chú Đại Bi, sau khi chết sẽ sanh về thế giới của Phật A Di Đà.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào trì tụng Đại Bi chú sẽ được 15 điều tốt lành, tránh được 15 thứ hoạn tử bức hại.

Được 15 điều tốt lành: 1. Sinh ra thường được gặp vua hiền, 2. Thường sinh vào nước an ổn, 3. Thường gặp vận may, 4. Thường gặp được bạn tốt, 5. Sáu căn đầy đủ, 6. Tâm đạo thuần thực, 7. Không phạm giới cấm, 8. Bà con hòa thuận thương yêu, 9. Của cải thức ăn thường được sung túc, 10. Thường được người khác cung kính, giúp đỡ, 11. Có của báu không bị cướp đoạt, 12. Cầu gì đều được toại ý, 13. Long thiên, thiện thần thường theo hộ vệ,

14. Được gặp Phật nghe pháp, 15. Nghe Chánh pháp được ngộ nhập nghĩa lý.

Không bị 15 thứ hoạn tử: 1. Chết vì đói khát khổ, 2. Chết vì bị gông cùm, giam cầm đánh đập, 3. Chết vì oan gia báo thù, 4. Chết vì chiến trận, 5. Chết vì bị ác thú hổ lang làm hại, 6. Chết vì rắn độc, bò cạp, 7. Chết trôi, chết cháy, 8. Chết vì bị thuốc độc, 9. Chết vì trùng độc làm hại, 10. Chết vì điên loạn mất trí, 11. Chết vì té từ cây cao hoặc rớt xuống vực thẳm, 12. Chết vì người ác trừ ếm, 13. Chết vì tà thần, ác quỷ làm hại, 14. Chết vì bệnh nặng bức bách, 15. Chết vì tự tử.

Nếu người nào nhất tâm tinh tấn trì tụng Đại Bi đà ra ni này, có thể thành tựu thập chủng tạng thân của Như Lai:

1. Tạng thân từ bi, vì cứu độ chúng sanh.
2. Tạng thân diệu pháp, vì nhiếp tất cả đà ra ni.
3. Tạng thân thiền định, vì hội đủ tam muội hiện tiền.
4. Tạng thân hư không, vì vô ngại quán sát chúng sanh.
5. Tạng thân vô úy vì thiên, long, thiện thần thường theo hộ trì.
6. Tạng thân diệu ngữ, vì thuyết pháp bất tuyệt hóa độ chúng sanh.
7. Tạng thân thường trụ, vì tam tai bất nạn, không thể làm hại.
8. Tạng thân giải thoát, vì thiên ma ngoại đạo không thể xâm hại.
9. Tạng thân dược vương, vì trị bệnh tất cả chúng sanh.
10. Tạng thân thần thông, vì được tự tại dạo chơi 10 phương chư Phật.

Nếu có chúng sanh nào nghe danh đà ra ni này ,còn được tiêu diệt tội nặng trong vô lượng kiếp, hưởng chi phát tâm trì tụng? Nếu có người nào tụng trì thần chú này , phải biết rằng người ấy đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, gieo nhiều căn lành. Nếu người nào y pháp trì tụng, không bao lâu sẽ thành Phật. (Quý vị có thể xem Kinh Đại Bi Tâm Đà Ra Ni,Dịch Giả: Hòa Thượng Thích Thiện Tâm).

Tán Kệ

Khể thủ Quán Âm đại bi chủ.
Nguyện lực hồng thâm tướng hảo thân.
Thiên tỷ trang nghiêm phổ hộ trì.
Thiên nhãn quang minh biến quán chiếu.
Chân thật ngữ trung tuyên mật ngữ.
Vô vi tâm nội khởi bi tâm.
Tốc lệnh mãn túc chư hy cầu.
Vĩnh sử diệt trừ chư tội nghiệp.
Long thiên thánh chúng đồng từ hộ.
Bách thiên tam muội đốn huân tu.
Thụ trì thân thị quang minh chàng.
Thụ trì tâm thị thần thông tạng.
Tẩy dịch trần lao nguyện tế hải.
Siêu chứng bồ đề phương tiện môn.
Ngã kim xưng tụng thệ quy y.
Sở nguyện từng tâm tất viên mãn.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tốc tri nhất thiết pháp.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đắc trí tuệ nhãn.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tốc độ nhất thiết chúng.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đắc thiện
phương tiện.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo thừa bàn
nhược thuyền.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đắc việt
khổ hải.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đắc giới
định đạo.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đặng niết
bàn sơn.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo hội vô vi xá.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm ,nguyện ngã tảo đồng pháp
tính thân.

Ngã nhược hướng đao sơn ,đao sơn tự tồ chiết.

Ngã nhược hướng hỏa thang ,hỏa thang tự khô kiệt.

Ngã nhược hướng địa ngục ,địa ngục tự tiêu diệt.

Ngã nhược hướng ngạ quỷ ,ngạ quỷ tự bão mãn.

Ngã nhược hướng tu la ,ác tâm tự điều phục.

Ngã nhược hướng súc sinh ,tự đắc đại trí tuệ.

Phạn ngữ chú:

Namo Arya valokitesvaraya Bodhisattvaya.

1. namo ratnatrayāya.
2. namah arya.
3. Avalokiteśvarāya.
4. Bodhisattvāya.
5. Mahāsatvāya.
6. Mahākārunikāya.
7. om.
8. sarva rabhaye.

9. Sudhanadasya.
- 10.nama skṛtvā imom āryā.
- 11.valokiteśvara raṃdhava.
- 12.namo narakindi.
- 13.heri mahā vadhasama.
- 14.sarva athaduśubhuṃ.
- 15.ajeyaṃ.
- 16.sarva sata.
- 17.namo vaga.
- 18.mavadudhu tadyathā.
- 19.oṃ.
- 20.avaloki locate.
- 21.Karate.
- 22.e hri.
- 23.mahā bodhisattva.
- 24.sarva sarva.
- 25.mala mala.
- 26.mahe mahṛdayam.
- 27.kuru kuru karmaṃ.
- 28.dhuru dhuru vajayate.
- 29.Mahāvajayate.
- 30.dhara dhara.
- 31.Dhirni.
- 32.Śvarāya.
- 33.cala cala.
- 34.mama vamala.
- 35.Muktele.
- 36.ehe ehe.
- 37.cinda cinda.
- 38.ārṣaṃ pracali.
- 39.vaṣa vaṣaṃ.

- 40.prāśaya.
- 41.huru huru mara.
- 42.hulu hulu hrī.
- 43.sara sara.
- 44.siri siri.
- 45.suru suru.
- 46.bodhiya bodhiya.
- 47.bodhaya bodhaya.
- 48.Maitriya.
- 49.Narakindi.
- 50.dharṣinina.
- 51.Paymnan.
- 52.Svāhā.
- 53.Siddhāya.
- 54.Svāhā.
- 55.mahā siddhāya.
- 56.Svāhā.
- 57.Siddhayoge.
- 58.Śvarāya.
- 59.Svāhā.
- 60.Narakindi.
- 61.Svāhā.
- 62.maranara
- 63.svāhā.
- 64.sirasaṃ amukhāya.
- 65.Svāhā.
- 66.sarva mahā asiddhāya.
- 67.Svāhā.
- 68.cakrā asiddhāya.
- 69.Svāhā.
- 70.padma kastaya.

- 71.Svāhā.
- 72.narakindi vagalaya.
- 73.Svāhā.
- 74.mavari śankharaya
- 75.svāhā.
- 76.namah ratnatrayāya.
- 77.namo āry.
- 78.Valokiteś.
- 79.Varāya.
- 80.Svāhā.
- 81.om sidhayantu.
- 82.Mantra.
- 83.Padāya.
- 84.svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na mô-a ri da-va lô ki tê sơ va ra da-bô đi sát toa da.

1. Na ma, rát na tra dà da.
2. Na ma a ri da.
3. A va lô ki tê soa ra da.
4. Bô đi sát toa da.
5. Ma ha sát toa da.
6. Ma ha ka ru ni kà da.
7. Ôm.
8. Sa và, ra ba dê.
9. Su đa na đát da.
- 10.Nam mô, sờ rít toa, i môm -A ri da
- 11.Va lô ki tê sơ va ra ,ram đa va.
- 12.Na mô- na ra kin đi.
- 13.Hê ri ma ha -Va đa sa mê.
- 14.Soa va, a tha,đu su hum.

- 15.A dề dam.
- 16.Sát va -sa toa.
- 17.Na mô va ga.
- 18.Ma va đu đu,Ta đi da tha:
- 19.Ôm.
- 20.A va lô ki,lô ka tê,
- 21.Ka ra tê
- 22.ê hờ ri
- 23.Ma ha bô đi sát toa.
- 24.Sa va- sa va.
- 25.Ma la- ma la.
- 26.Ma hê, ma hê đa dam.
- 27.Ku ru ku ru, ka mum.
- 28.Đu ru đu ru, va di dà tê.
- 29.Ma ha va di dà tê.
- 30.Đà ra đà ra.
- 31.Đi ri ni.
- 32.soa ra da.
- 33.Cha la cha la.
- 34.Ma ma va ma ra.
- 35.Mu ki tê lê.
- 36.Ê hê ê hê.
- 37.Chin đa chin đa.
- 38.A sam-pơ ra cha li.
- 39.Va sa va sam.
- 40.Bờ ra sá da.
- 41.Hu ru hu ru, ma ra.
- 42.Hu ru hu ru hờ ri.
- 43.Sa ra sa ra.
- 44.Si ri si ri.
- 45.Su ru su ru.

46. Bô đi da, bô đi da.
47. Bô đà da, bô đà da.
48. Mai tri da.
49. Na ra kin đi.
50. Đa si ni na.
51. Pa da ma na.
52. Soa ha.
53. Sít đà da,.
54. Soa ha.
55. Ma ha sít đà da.
56. Soa ha.
57. Sít đà dô gê.
58. Sờ va ra da.
59. Soa ha.
60. Na ra kin đi.
61. Soa ha.
62. Ma ra na ra.
63. Soa ha.
64. Si ra sam, a mu khà da.
65. Soa ha.
66. Sa va, ma ha a sít đà da.
67. Soa ha.
68. Chác ra, a sít đà da,
69. Soa ha.
70. Pát ma kát ta da.
71. Soa ha.
72. Na ra kin đi, va ga ra da.
73. Soa ha.
74. Ma va ri, sấn kha ra da.
75. Soa ha.
76. Na ma - rát na tra dà da.

- 77.Na mô- a ri da.
- 78.Va lô ki tê.
- 79.Soa ra da.
- 80.Soa ha.
- 81.Ôm.Sít dên tu.
- 82.Man tra.
- 83.Pa đa da.
- 84.Soa ha.

Hoa ngữ chú:

南無大悲會上佛菩薩。

千手千眼觀世音菩薩廣大圓滿無礙大悲心陀羅尼。

- 1. 南無、喝羅怛那、哆羅夜耶。
- 2. 南無、阿唎耶。
- 3. 婆盧羯帝、爍鉢羅耶。
- 4. 菩提薩埵婆耶。
- 5. 摩訶薩埵婆耶。
- 6. 摩訶、迦盧尼迦耶。
- 7. 唵。
- 8. 薩皤羅罰曳。
- 9. 數怛那怛寫。
- 10. 南無、悉吉栗埵、伊蒙阿唎耶。
- 11. 婆盧吉帝、室佛羅憍馱婆。
- 12. 南無、那羅謹墀。
- 13. 醯利.摩訶皤哆沙咩。
- 14. 薩婆.阿.他豆輸朋。
- 15. 阿逝孕。
- 16. 薩婆薩哆、
- 17. 那摩婆薩哆。
- 18. 摩罰特豆. 怛侄他
- 19. 唵。

20. 阿婆盧醯, 盧迦帝.
21. 迦羅帝.
22. 夷醯唎.
23. 摩訶. 菩提薩埵.
24. 薩婆薩婆.
25. 摩羅摩羅.
26. 摩醯摩醯、唎馱孕.
27. 俱盧俱盧、羯蒙.
28. 度盧度盧、罰闍耶帝.
29. 摩訶、罰闍耶帝.
30. 陀羅陀羅.
31. 地唎尼.
32. 室佛羅耶.
33. 遮羅遮羅.
34. 摩麼, 罰摩羅.
35. 穆帝隸.
36. 伊醯伊醯.
37. 室那室那.
38. 阿羅參、佛羅舍利.
39. 罰沙罰參.
40. 佛羅舍耶.
41. 呼嚧呼嚧 摩羅.
42. 呼嚧呼嚧醯利.
43. 娑羅娑羅.
44. 悉唎悉唎.
45. 蘇嚧蘇嚧.
46. 菩提夜、菩提夜.
47. 菩馱夜、菩馱夜.
48. 彌帝唎夜.
49. 那羅謹墀.
50. 地利瑟尼那.
51. 波夜摩那.
52. 娑婆訶.
53. 悉陀夜.

54. 娑婆訶.
55. 摩訶.悉陀夜.
56. 娑婆訶.
57. 悉陀喻藝.
58. 室幡羅耶.
59. 娑婆訶.
60. 那羅謹墀.
61. 娑婆訶.
62. 摩羅那羅.
63. 娑婆訶.
64. 悉羅僧、阿穆佉耶.
65. 娑婆訶.
66. 娑婆摩訶、阿悉陀夜.
67. 娑婆訶.
68. 者吉羅、阿悉陀夜.
69. 娑婆訶.
70. 波陀.摩羯.悉陀夜.
71. 娑婆訶.
72. 那羅謹墀.幡伽羅耶.
73. 娑婆訶.
74. 摩婆利.勝羯羅夜.
75. 娑婆訶.
76. 南無.喝羅怛那.哆羅夜耶.
77. 南無阿唎耶.
78. 婆嚧吉帝.
79. 娑婆訶.
80. 唵.
81. 悉殿都.
82. 漫多羅.
83. 跋陀耶.
84. 娑婆訶.

Hán Việt ngữ chú:

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.
Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

1. Nam mô hát ra đất na đá ra dạ da.
2. Nam mô a rị da.
3. Bà lô yết đế thước bát ra da.
4. Bồ đề Tát đỏa bà da.
5. Ma ha Tát đỏa bà da.
6. Ma ha ca lô ni ca da.
7. Án.
8. Tát bàn ra phạt duệ.
9. Số đất na đất tả.
10. Nam mô tất cát lật đỏa y mông a rị da.
11. Bà lô cát đế thất Phật ra lăng đà bà.
12. Nam mô na ra cần trì.
13. Hê rị ma ha bàn đả sa mế.
14. Tát bà a tha đậ du bằng.
15. A thệ dưng.
16. Tát bà tát đá
17. Na ma bà dà.
18. Ma phạt dật đậ. Đát điệt tha.
19. Án.
20. A bà lô hê ,lô ca đế.
21. Ca ra đế.
22. Di hê rị.
23. Ma ha Bồ đề Tát đỏa.
24. Tát bà tát bà.
25. Ma ra ma ra.
26. Ma hê ma hê rị đà dưng.
27. Câu lô câu lô yết mông.

- 28.Độ lô độ lô phạt xà da đế.
- 29.Ma ha phạt xà da đế.
- 30.Đà ra đà ra.
- 31.Địa rị ni.
- 32.Thất Phật ra da.
- 33.Dá ra dá ra.
- 34.Mạ mạ phạt ma ra.
- 35.Mục đế lệ.
- 36.Y hê y hê.
- 37.Thất na thất na.
- 38.A ra sâm Phật ra xá rị.
- 39.Phạt sa phạt sâm.
- 40.Phật ra xá da.
- 41.Hô lô hô lô ma ra.
- 42.Hô lô hô lô hê rị.
- 43.Sa ra sa ra.
- 44.Tất rị tất rị.
- 45.Tô rô tô rô.
- 46.Bồ đề dạ Bồ đề dạ.
- 47.Bồ đà dạ bồ đà dạ.
- 48.Di đế rị dạ.
- 49.Na ra cần trì.
- 50.Địa rị sắc ni na.
- 51.Ba dạ ma na.
- 52.Sa bà ha.
- 53.Tất đà dạ.
- 54.Sa bà ha.
- 55.Ma ha tất đà dạ.
- 56.Sa bà ha.
- 57.Tất đà du nghê.
- 58.Thất bàn ra dạ.

- 59.Sa bà ha.
- 60.Na ra cần trì.
- 61.Sa bà ha.
- 62.Ma ra na ra.
- 63.Sa bà ha.
- 64.Tất ra tăng a mục khư da.
- 65.Sa bà ha.
- 66.Sa bà ma ha a tất đà dạ.
- 67.Sa bà ha.
- 68.Giả cát ra a tất đà dạ.
- 69.Sa bà ha.
- 70.Ba đà ma yết tất đà dạ.
- 71.Sa bà ha.
- 72.Na ra cần trì bàn đà ra dạ.
- 73.Sa bà ha.
- 74.Ma bà rị thẳng yết ra dạ.
- 75.Sa bà ha.
- 76.Nam mô hát ra đát na đá ra dạ da.
- 77.Nam mô a rị da.
- 78.Bà lô cát đế.
- 79.Thước bàn ra dạ.
- 80.Sa bà ha.
- 81.Án tất điện đô.
- 82.Mạn đà ra.
- 83.Bạt đà da.
- 84.Sa bà ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

Namo(kính lễ) Arya(thánh) valokitesvaraya(Quán Thế Âm)
Bodhisattvaya(Bồ Tát).

1. Namah (quy y) Ratnatrayaya(Tam Bảo).
2. Namō (lễ kính)Arya(Thánh).
3. VaLokitesvaraya (Quán Thế Âm).
4. Bodhisattvaya(Bồ Tát Ma ha Tát).
5. Maha(đại) sattvaya(đại Bồ Tát).
6. Mahakaruniakaya.(đại từ bi).
7. Om(quy mệnh).
8. Sarva (nhất thiết) Rabhaye(Tôn Thánh).
9. Sudhanadasya(Tự Tại Thế Tôn).
- 10.Namō (lễ kính) Skrtva(nương tựa) iMom(nơi) Arya(Thánh).
- 11.Valokitesvara (Quán Tự Tại) Ramdhava (Thế Âm).
- 12.Namō(kính lễ) Narakindi(từ bi tâm,từ ái tâm,vô thương bồ đề tâm).
- 13.Heri (vô nhiễm phiền não)maha(đại) Vadhasame (quang minh).
- 14.Sarva(tất cả))Atha Dusubhum(phú(phú quý) lạc(an lạc) vô ưu(không sầu khổ)).
- 15.Ajeyam(tối thắng thành tựu)
- 16.Sarva Sadha (Nama vasatva)(quy kính thượng nhân,nhất thiết đại thân tâm Bồ Tát).
- 17.Namō (lễ kính) Vaga(Đồng Chân Khai Sĩ Quán Âm Bồ Tát pháp vương tử).
- 18.Mavadudhu(thành tựu nhất thiết) Tadyatha(thuyết chú).
- 19.Om (quy mệnh).
20. Avaloki Lokate(Quán Tự Tại).
- 21.Karate (đại bi liên hoa tâm)
- 22.Ehre(Vua sư tử).
- 23.Mahabodhisattva(đại Bồ Tát)

- 24.Sarva(nhất thiết(tất cả)) Sarva(nhất thiết(tất cả)).
- 25.Mala (ly trần cấu)Mala (ly trần cấu).
- 26.Mahe Mahredhayam(tâm tự do tự tại).
- 27.Kuru(tác) Kuru(tác) Karmam(pháp).(việc làm,công việc)
- 28.Dhuru(độ trì) Dhuru(độ trì) Vajayate(thoát ly sanh tử khổ ách).
- 29.Maha(đại) Vajayate(thoát ly sanh tử khổ ách).
- 30.Dhara(tổng trì nhất thiết pháp) Dhara(tổng trì vô lượng nghĩa).
- 31.Dhirini(tịch diệt ác nghiệp).
- 32.Svaraya(Quán Tự Tại).
- 33.Cala Cala(hành nghiệp(hành động)).
- 34.Mamavamara (vô nhiễm trần cấu)
- 35.Muktele(giải thoát)
- 36.Ehe(triệu thỉnh Thánh Giải Thoát) Ehe(triệu thỉnh Thánh Tự Tại).
- 37.Cinda(đại trí hằng nguyện) Cinda(đại trí hằng nguyện).
- 38.Arsam (ngã vi pháp không,vô ngã,tự tại) Pracali(niệm Phật khai ngộ).
- 39.vaṣa vaṣam(Bồ tát tâm từ bi hỷ xả,tùy duyên hóa độ chúng sanh).
- 40.Prasaya(Phật tánh bình đẳng(tất cả chúng sanh đều có tánh Phật,điều có khả năng thành Phật))
- 41.Huru Huru Mara(tác pháp vô ngã).
- 42.Huru Huru Hri.(tác pháp vô niệm,tác pháp tự tại)
- 43.Sara (kiên cố ý nguyện)Sara(kiên cố ý nguyện)
- 44.Siri(hùng mạnh thù thắng cát tường) Siri (hùng mạnh thù thắng cát tường).
- 45.Suru Suru(Bồ Tát cam lồ pháp vị)
- 46.Bodhiya(sở giác ngộ) Bodhiya(sở giác ngộ).
- 47.Bodhaya(năng giác ngộ) Bodhaya(năng giác ngộ).

- 48.Maitriya(từ ái giả(người từ ái)).
- 49.Narakindi(thiện hộ,ái hộ).
- 50.Dharsinina(Kim Cang Vương bảo kiếm đoạn trừ tham sân si).
- 51.Payamana(danh văn(được nhiều người biết đến)).
- 52.Svaha(thành tựu).
- 53.Siddhaya(thành tựu).
- 54.Svaha(viên mãn).
- 55.Maha Siddhaya(đại thành tựu).
- 56.Svaha(viên mãn).
- 57.Siddhayoge(thiền định).
- 58.Svaraya(tự tại).
- 59.Svaha(thành tựu).
- 60.Narakindi(hiền ái thành tựu)
- 61.Svaha(thành tựu).
- 62.Maranara(như ý).
- 63.Svaha(thành tựu).
- 64.Sirasam Amukhaya(chân lý).
- 65.Svaha(thành tựu).
- 66.Sarva(nhất thiết) Maha(đại) Asiddhaya(viên mãn).
- 67.Svaha(thành tựu).
- 68.Cakra (luân chuyển)Asiddhaya(thành tựu).
- 69.Svaha(viên mãn).
- 70.Padmakastaya(xích liên hoa(tình thương nhân loại)).
- 71.Svaha(thành tựu).
- 72.Narakindi Vagaraya(Hiền Đầu Thánh Tôn(Quán Âm hóa thân)).
- 73.Svaha(thành tựu)
- 74.Mavari Samkraya(đại nhân ái).
- 75.Svaha(thành tựu).
- 76.Namah (lễ kính)Ratnatrayaya(Tam Bảo)

- 77.Namo(lễ kính)Arya(Thánh).
- 78.Valokites(Quán Thế Âm).
- 79.Varaya(Tự Tại).
- 80.Svaha(thành tựu).
- 81.Om(quy mệnh). Siddhyantu(lệnh ngã(khiến cho tôi thành tựu)).
- 82.Mantra(chân ngôn)
- 83.Padaya(câu ngữ thần chú)
- 84.Svaha(thành tựu-viên mãn).

Chú thích Hán Việt ngữ chú:

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

1. Nam mô hát(quy y) ra đất na đá ra dạ da(Tam Bảo).
2. Nam mô(lễ kính) a rị da(Thánh).
3. Bà lô yết đế thước bát ra da(Quán Thế Âm).
4. Bồ đề Tát đỏa bà da(Bồ Tát Ma ha Tát).
5. Ma ha (đại)Tát đỏa bà da(Bồ Tát).
6. Ma ha(đại) ca lô ni ca da(từ bi).
7. Án(quy mệnh).
8. Tát bàn(nhất thiết) ra phạt duệ(Tôn Thánh).
9. Số đất na đất tả(Tự Tại Thế Tôn).
- 10.Nam mô(lễ kính) tất cát lật đỏa (nương tựa) y môn(nơi) a rị da(Thánh).
- 11.Bà lô cát đế thất Phật ra(Quán Tự Tại) lãng đà bà(Thế Âm).
- 12.Nam mô(kính lễ) na ra cần trì(từ bi tâm,tư ái tâm,vô thượng bồ đề tâm).
- 13.Hê rị(vô nhiễm phiền não) ma ha(đại) bàn đa sa mế (quang minh) .

14. Tát bà(tất cả) a tha đậu du bằng(phú(phú quý)
an(an lạc) vô ưu(không buồn phiền).
15. A thệ dưng(tối thắng thành tựu).
16. Tát bà tát đá (quy kính Thượng Nhân, nhất thiết đại
thân tâm Bồ Tát).
17. Na ma(lễ kính) bà dà(Đồng Chân Khai sĩ Quán Âm
Bồ Tát pháp vương tử)
18. Ma phạt dạt đậu(thành tựu nhất thiết)Đát diệt
tha(thuyết chú).
19. Án(quy mệnh).
20. A bà lô hê ,lô ca đế(Quán Tự Tại).
21. Ca ra đế(đại bi liên hoa tâm).
22. Di hê rị(vua sư tử).
23. Ma ha(đại) Bồ đề Tát đỏa(Bồ Tát).
24. Tát bà(nhất thiết(tất cả) tát bà(nhất thiết(tất cả)).
25. Ma ra(ly trần cấu) ma ra(ly trần cấu).
26. Ma hê ma hê rị đà dưng(tâm tự do tự tại).
27. Câu lô(tác) câu lô(tác) yết môn(pháp).(việc
làm,công việc).
28. Độ lô(độ trì) độ lô(độ trì)phạt xà da đế(thoát ly
sinh tử khổ ách).
29. Ma ha(đại) phạt xà da đế(thoát ly sinh tử khổ ách).
30. Đà ra(tổng trì nhất thiết pháp) đà ra(tổng trì nhất
thiết nghĩa).
31. Địa rị ni(tịch diệt ác nghiệp).
32. Thất Phạt ra da(Quán Tự Tại).
33. Đá ra đá ra(hành nghiệp(hành động)).
34. Mạ mạ phạt ma ra(không nhiễm trần cấu).
35. Mục đế lệ(giải thoát).
36. Y hê(triệu thỉnhThánh Giải Thoát) y hê(triệu
thỉnhThánh Tự Tại).

- 37.Thất na(đại trí hằng nguyện) thất na(đại trí hằng nguyện).
- 38.A ra sâm(ngã vi pháp không,vô ngã,tự tại) Phật ra xá rị(niệm Phật khai ngộ).
- 39.Phạt sa phạt sâm(hoan hỷ).
- 40.Phật ra xá da(Phật tánh bình đẳng(tất cả chúng sanh đều có tánh Phật,điều có khả năng thành Phật)).
- 41.Hô lô hô lô ma ra. (tác pháp vô ngã)
- 42.Hô lô hô lô hê rị(tác pháp vô niệm,tác pháp tự tại).
- 43.Sa ra(kiên cố ý nguyện) sa ra(kiên cố ý nguyện).
- 44.Tất rị(hùng mạnh thù thắng cát tường) tất rị(hùng mạnh thù thắng cát tường).
- 45.Tô rô tô rô(Bồ tát cam lồ pháp vị).
- 46.Bồ đề dạ(sở giác ngộ) Bồ đề dạ(sở giác ngộ).
- 47.Bồ đà dạ(năng giác ngộ) bồ đà dạ(năng giác ngộ).
- 48.Di đế rị dạ(từ ái giả(người từ ái)).
- 49.Na ra cần trì(thiện hộ,ái hộ).
- 50.Địa rị sắc ni na(Kim Cang Vương bảo kiếm đoạn trừ tham sân si).
- 51.Ba dạ ma na(danh văn(được nhiều người biết đến)).
- 52.Sa bà ha(thành tựu).
- 53.Tất đà dạ(thành tựu)..
- 54.Sa bà ha(viên mãn).
- 55.Ma ha tất đà dạ(đại thành tựu).
- 56.Sa bà ha(viên mãn).
- 57.Tất đà du nghệ(thiền định).
- 58.Thất bàn ra dạ(tự tại).
- 59.Sa bà ha(thành tựu).
- 60.Na ra cần trì(hiền ái thành tựu).

- 61.Sa bà ha(thành tựu).
- 62.Ma ra na ra(như ý).
- 63.Sa bà ha(thành tựu).
- 64.Tất ra tăng a mục khư da(chân lý).
- 65.Sa bà ha(thành tựu).
- 66.Sa bà(nhất thiết) ma ha(đại) a tất đà dạ(viên mãn).
- 67.Sa bà ha(thành tựu).
- 68.Giả cát ra(luân chuyển) a tất đà dạ(thành tựu).
- 69.Sa bà ha(viên mãn).
- 70.Ba đà ma yết tất đà dạ(xích liên hoa(tình thương nhân loại)).
- 71.Sa bà ha(thành tựu).
- 72.Na ra cần trì bàn đà ra dạ(Hiền Đầu Thánh Tôn(Quán Âm hóa thân)).
- 73.Sa bà ha(thành tựu).
- 74.Ma bà rị thắng yết ra dạ(đại nhân ái).
- 75.Sa bà ha(thành tựu).
- 76.Nam mô(Kính lễ) hát ra đát na đá ra dạ da(Tam Bảo).
- 77.Nam mô(kính lễ) a rị da(Thánh).
- 78.Bà lô cát đế(Quán Thế Âm).
- 79.Thước bàn ra dạ(tự tại).
- 80.Sa bà ha(thành tựu).
- 81.Án(quy mệnh) tất điện đơ(lệnh ngã(khiến cho tôi) thành tựu).
- 82.Mạn đà ra(chân ngôn).
- 83.Bạt đà da(câu ngữ thần chú).
- 84.Sa bà ha(thành tựu-viên mãn).

Đại Đường,Tam Tạng Bất Không chú thích nghĩa chú Đại Bi:

1. Nam Mô Hắc Ra Đát Na Đa Ra Dạ Da: Bốn thân Quán-Âm Bồ-Tát hóa hiện tướng hành giả cầm chuỗi lễ tụng cầu Bồ-Tát cảm ứng.
2. Nam Mô A Rị Da: Quán-Âm hóa hiện tướng tay bưng Như-Ý Pháp-Luân. Hành giả y giáo phụng hành.
3. Bà Lô Yết Đế Thước Bát Ra Da: Quán-Âm hóa hiện tướng Quán-Tự-Tại trì bát. Hành giả quán tưởng khiến chúng sanh được trường thọ.
4. Bồ Đề Tát Đỏa Bà Da: Quán Âm hiện thân Bất Không Quyên Sách Bồ Tát tự giác giác tha, phổ độ chúng sanh.
5. Ma Ha Tát Đỏa Bà Da: Quán Âm hiện tướng tụng chú, theo pháp tu trì, được thiện giải thoát.
6. Ma Ha Ca Lô Ni Ca Da: Quán Âm hóa hiện tướng Mã-Minh Bồ Tát tự giác giác tha, tự độ tự tha.
7. Ấn: Quán Âm hóa hiện tướng các Thần Quỷ Vương chấp tay tụng chú. Chư Phật quán tưởng chữ Ấn thành chánh giác.
8. Tát Bàn Ra Phật Duệ: Quán Âm hóa hiện tướng Tứ Đại Thiên Vương dùng lục độ hoá độ chúng ma.
9. Số Đát Na Đát Tỏa: Quán Âm hóa hiện tướng Bộ-Lạc Tứ Đại Thiên Vương khiến cái ác theo thiện.
10. Nam Mô Tất Kiết Lật Đỏa Y Mông A Rị Da: Quán Âm hiện tướng Long Thọ Bồ Tát hộ trì người tu hành, hàng phục tất cả ma oán.
11. Bà Lô Yết Đế Thất Phật Ra Lăng Đà Bà: Quán Âm hiện tướng Phật Viên Mãn báo Thân Lô Xá Na rộng độ vô lượng chúng sanh.
12. Nam Mô Na Ra Cẩn Trì: Quán Âm hiện tướng Phật Thanh Tịnh Pháp Thân Tỳ Lô Giá Na gia hộ chúng sanh an lạc.

13. Hê Rị Ma Ha Bàn Đa Sa Mế: Quán Âm hiện tướng Dương Đầu Thần Vương hộ trì hành giả xa lìa loài ác thú.
14. Tát Bà A Tha Đâu Du Bằng: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Cam Lộ Vương tay cầm cành dương, tay cầm bình ngọc cam lộ độ chúng sanh.
15. A Thệ Dựng: Quán Âm hiện tướng Phi Đằng Dạ Xoa Thiên Vương tuần sát bốn phương khuyến thiện ngừa ác.
16. Tát Bà Tát Đa Na Ma Bà Tát Đa Na Ma Bà Già: Quán Âm hiện tướng Thần Vương Bà Già Bà Đế độ chúng sanh có duyên.
17. Ma Phật Đạt Đâu: Quán Âm hiện tướng Quân Tra Lợi Bồ Tát mặt có ba con mắt cảm hóa ác nhưn hướng thiện.
18. Đạt Diệt Tha: Quán Âm hiện tướng A La Hán thuyết pháp độ chúng sanh.
19. Án A Bà Lô Hê: Quán Âm hiện tướng Quan Âm Bồ Tát từ bi vô lượng cứu khổ ban vui.
20. Lô Ca Đế: Quán Âm hiện tướng Đại Phạm Thiên Vương ở trong mười phương thế giới độ thoát chúng sanh.
21. Ca Ra Đế: Quán Âm hiện tướng Đế Thần ở trong mười phương thế giới thường cứu chúng sanh.
22. Di Hê Rị: Quán Âm hóa hiện tướng Thiên Thần Ma Hê Đầu La thống lãnh thiên binh độ chúng sanh.
23. Ma Ha Bồ Đề Tát Đỏa: Quán Âm dùng tâm nguyện thanh tịnh, từ bi vô ngã cảm ứng độ người chân thật tu hành.

24. Tát Bà Tát Bà: Quán Âm hiện thân Bồ Tát Hương Tích điều phục năm phương chúng quỷ theo hầu cứu giúp chúng sanh.
25. Ma Ra Ma Ra: Quán Âm hiện Bạch Y Bồ Tát tay mặt cầm Như Ý, tay trái dắt đồng tử khiến chúng sanh được trường thọ.
26. Ma Hê Ma Hê Rị Đà Dựng: Quán Âm hiện tướng Phật A Di Đà khiến chúng sanh khi hết thân này đồng sanh Cực Lạc quốc.
27. Cu Lô Cu Lô Yết Mông: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Không Thân hàng phục vạn ức thiên binh, hóa độ vô lượng chúng sanh.
28. Độ Lô Độ Lô Phạt Xà Da Đế: Quán Âm hóa thân Bồ Tát Nghiêm Tuấn áp lãnh man binh Khổng Tước Vương hàng phục các ma oán.
29. Ma Ha Phạt Xà Da Đế: Quán Âm hóa hiện Đại Lực Thiên Tướng tay cầm Bảo Xử hộ trì chúng sanh, tinh tấn tu hành.
30. Đà Ra Đà Ra: Quán Âm hiện tướng trượng phu tu khổ hạnh khiến chúng sanh phá trừ ngã chấp pháp chấp.
31. Địa Rị Ni: Quán Âm hiện tướng Sư Tử Vương xét nghiệm người tụng chú khiến chúng sanh tiêu trừ tai họa.
32. Thất Phạt Ra Da: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Thích Lịch tay cầm Kim Xử hàng phục các ma và quyến thuộc của chúng.
33. Giá Ra Giá Ra: Quán Âm hiện thân Bồ tát Tồi Toái tay cầm Kim Luân hóa độ oán ma điều phục tùng.
34. Mạ Mạ Phạt Ma Ra: Quán Âm hiện thân Đại Hàng Ma Kim Cang tay cầm Kim Luân hộ trì chúng sanh đất đại cát tường.

35. Mục Đế Lệ: Quán Âm hiện tướng chư Phật, Bồ Tát chấp tay lắng lòng nghe tụng thần chú, hành giả phụng trì chứng đắc Phật quả.
36. Y Hê Y Hê: Quán Âm hiện thân Ma Hê Thủ La Thiên Vương cảm triệu như thiên thuận tùng.
37. Thất Na Thất Na: Quán Âm hiện thân Ca Na Ma Tướng Thiên Vương, hóa lợi chư Thiên, không gây tai hại nhân gian.
38. A Ra Sâm Phật Ra Xá Lợi: Quán Âm hiện tướng tay cầm khiên, tay cầm cung tên kính tụng thần chú đắc pháp tự tại.
39. Phật Sa Phật Sâm: Quán Âm hiện thân Kim Khôi Đại Tướng cầm linh thuận thời giáo hóa độ chúng sanh.
40. Phật Ra Xá Da: Quán Âm hiện tướng Phật A Di Đà, chúng sanh tưởng niệm thì hiện tiền tương lai sẽ thấy Phật.
41. Hô Lô Hô Lô Ma Ra: Quán Âm Hiện Tướng Bát Bộ Thần Vương chấp tay niệm từ bi hàng phục chúng ma.
42. Hô Lô Hô Lô Hê Rị: Quán Âm hiện tướng Tứ Tỳ Tôn Thiên tay bưng Nhật Nguyệt chiếu sáng hóa độ như thiên.
43. Ta Ra Ta Ra: Quán Âm hóa độ Phổ Đà Sơn hiển linh bất khả tư nghì, có ý nghĩa Ta-Bà khổ như núi non hiểm trở.
44. Tất Rị Tất Rị: Quán Âm hiện tướng mạo từ bi tay cầm cành dương, tay cầm tịnh bình rưới nước cam lồ cứu khổ độ sanh.
45. Tô Rô Tô Rô: Quán Âm hóa tướng lá cây rụng, chúng sanh nghe tiếng được bốn lợi ích: quán đảnh, mát thân, tâm vui, đầy đủ.

46. Bồ Đề Dạ Bồ Đề Dạ: Quán Âm hiện tướng diện mạo từ bi thân cận trẻ con giáo hóa lợi ích chúng sanh.
47. Bồ Đà Dạ Bồ Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng A Nan tôn giả tay cầm bình bát hóa độ chúng sanh.
48. Di Đế Rị Dạ: Quán Âm hiện tướng Di Lạc Bồ Tát chỉ dạy chúng sanh tu hạnh đại bi, được chơn giác ngộ an lạc.
49. Na Ra Cẩn Trì: Quán Âm hiện tướng Địa Tạng Bồ Tát khai ngộ chúng sanh tỉnh giác mê chấp, được thoát khổ ác đạo.
50. Địa Rị Sắc Ni Na: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Bảo Tràng tay kiết ấn, tay cầm Kim Xoa làm lợi ích chúng sanh.
51. Ba Dạ Ma Na: Quán Âm hiện tướng Bảo Kim Quang Tràng Bồ Tát cầm Bạt Chiết La Xử lợi ích độ sanh.
52. Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng ba đầu Viên-Tịch Thắng-Nghĩa lợi ích độ sanh.
53. Tất Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng tôn giả Xá Lợi Phất tay kiết ấn Liêm Thủ thông đạt tất cả pháp.
54. Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Hằng Hà Sa đứng trên đầu rồng, dùng tâm cát tường hóa độ chúng sanh.
55. Ma Ha Tất Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Phóng-Quang tay cầm tràng phan báu lợi ích độ sanh.
56. Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng tôn giả Mục Kiền Liên tay cầm tích trượng, bình bát dứt trừ tai ương, cứu độ chúng sanh.
57. Tất Đà Du Nghệ: Quán Âm hiện Tây Phương Cực Lạc, tất cả chư Thiên, Bồ Tát vân tập thỉnh thọ pháp hỷ, hóa độ thập phương như thiên.

- 58.Thất Bàn Ra Dạ: Quán Âm hiện tướng Thiên Nữ Tự Tại Viên Mãn
- 59.Ta Bà Ha: Quan Âm hiện tướng tôn giả A-Xà-Na hoan hỷ bưng cao bình bát tăng trưởng tâm lợi ích độ sanh.
- 60.Na Ra Cẩn Trì: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Sơn Hải Huệ tay cầm kiếm vàng hóa độ thánh-giả Tiểu-thừa.
- 61.Ta Bà Ha: Quan Âm hiện tướng tôn giả Chiên Đà La quảy nón lá vô trụ thắng nghĩa độ hóa chúng sanh.
- 62.Ma Ra Na Ra: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Bảo Ấn Vương tay cầm búa vàng Như Ý kiếm nghiệm tâm hạnh chúng sanh.
- 63.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng tôn giả Câu Hy La mang giày cỏ đạp trên sóng nước phát sanh tiếng hải triều cảnh giác tâm chúng sanh.
- 64.Tất Ra Tăng A Mục Khê Da: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Dược Vương tay cầm dược thảo trừ bệnh khổ chúng sanh.
- 65.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng Viên Mãn Bồ Tát thân mặc y đồ chấp tay tâm viên mãn an lạc chúng sanh.
- 66.Ta Bà Ma Ha A Tất Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng Dược Thượng Bồ Tát tay cầm bình ngọc giải trừ tật khổ chúng sanh.
- 67.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng tôn giả Xá Lợi Phất tay cầm chơn kinh cứu cánh thắng nghĩa hóa đạo chúng sanh quy Tịnh Độ.
- 68.Giả Kiết Ra A Tất Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng Thần Hồ gầm, tay cầm búa kiên định tâm hàng phục ma oán.

- 69.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng chư Thiên Ma Vương tay cầm Xà Thương hóa đạo chúng sanh giải trừ tâm oán hận.
- 70.Ba Đà Ma Yết Tất Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng Linh Hương Thiên Bồ Tát bưng lư Như Ý hộ trì chúng sanh.
- 71.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng Tán Hoa Thiên Bồ Tát tay cầm bảo liên ngàn cánh thành tựu chúng sanh lợi ích an lạc.
- 72.Na Ra Cẩn Trì Bàn Đà Ra Dạ: Quán Âm hiện tướng Tôn Giả Phú Lô Na tay bưng bình bát cứu độ chúng sanh lìa tai nạn.
- 73.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Đà La Ni Từ tay bưng trái tươi bố thí độ sanh chân thật tu hành rõ pháp tánh không.
- 74.Ma Bà Lợi Thắng Yết Ra Dạ: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Tam Ma Thiên Na kiết già trên bánh xe, tay bưng đèn ngọc sáng khắp pháp giới.
- 75.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng tôn giả Đại Ca Diếp tay trái cầm chuỗi, tay mặt cầm thiền trượng chỉ dẫn chúng sanh tu hành.
- 76.Nam Mô Hắc Ra Đát na Đa Ra Dạ Da: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Hư Không Tạng cầm hoa ngòli trên đá khiến cho chúng sanh kiên định tín tâm đồng mãnh tinh tấn.
- 77.Nam Mô A Rị Da: Quán Âm hiện tướng Bồ Tát Phổ Hiền kiết già thiền tọa trên Hương Tượng khiến chúng sanh viên mãn công hạnh.
- 78.Bà Lô Yết Đế: Quán Âm hóa thân Bồ Tát Văn Thù ngòli trên sư tử tay chỉ hư không khấn chúng sanh khai ngộ.

- 79.Thước Bàn Ra Dạ: Quán Âm hiện tướng hoa sen ngàn cánh giải trừ chúng sanh ái sắc trần hư vọng, thấy tự tánh không.
- 80.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng bông thõng hai tay giải trừ nhĩ căn phân biệt thanh trần hư vọng, nghe tự tánh không.
- 81.Án Tất Điện Đô: Quán Âm hiện tướng mở hai bàn tay đoạn tỳ căn ái nhiễm hương trần, tự giác tánh không.
- 82.Mạn Đà Ra: Quán Âm hiện tay Đâu La Miên đoạn trừ căn ái nhiễm vị trần hư vọng, tự giác tánh không.
- 83.Bạt Đà Dạ: Quán Âm hiện tướng tay bưng bát hương giải trừ tham ái chạm xúc, khiến chúng sanh đoạn thân căn xúc trần hư vọng, tự giác tánh không.
- 84.Ta Bà Ha: Quán Âm hiện tướng tay cầm tràng phan giải trừ phân biệt các pháp, khiến chúng sanh đoạn ý căn chấp pháp trần hư vọng, biết tự tánh không.

THẤT PHẬT DIỆT TỘI CHÂN NGÔN

sapta-buddha-kṣaya dhāraṇī



Đại Phương Tỳ-già La Ni Kinh ghi rằng: Đức Thế Tôn nhân vì Pháp Vương Tử Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát khẩn cầu, mà thuyết quá khứ Thất Phật Diệt Tội Chú. Nếu có người tạo ra tứ trọng ngũ nghịch tội, sau khi chết phải thọ khổ báo vô cùng, hiện đời tâm lý bất an, vì muốn tiêu trừ nghiệp chướng ấy, nên phải thọ trì tụng đà là ni này, thì tất cả tội cấu điều được tiêu sạch.

Phạn ngữ chú1:

lipa-lipate, guha-guhate, taralite, nirhārate,
vimalate, svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Li pa-li pa tê,gu ha-gu ha tê,ta ra li tê, ni ra rá tê,vi
ma la tê,soa ha.

Phạn ngữ chú 2:

lipa-lipate, guha-guhate, taralite, nirhārate,
vimalate, mahā-gate, jine-kaṇṭhe, svāhā.

Phát âm Phạn ngữ 2:

Li pa-li pa tê,gu ha-gu ha tê,ta ra li tê, ni ra rá tê,vi
ma la tê,ma ha-ga tê,di nê-khan tê,soa ha.

Hoa Ngữ kinh vãn chú :

離婆離婆諦, 仇呵仇呵帝, 陀羅離帝, 尼呵羅帝
, 毘摩離帝, 莎呵.

Hoa ngữ dân gian truyền tụng chú :

離婆離婆帝, 求訶求訶帝, 陀羅尼帝, 尼訶囉帝,
毗離尼帝, 摩訶伽帝, 真尼伽帝, 薩婆訶.

Hán Việt kinh vãn chú:

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà ra ni đế, ni ha ra
đế, tỳ lê nễ đế, sa ha.

Hán việt dân gian truyền tụng chú :

Ly bà ly bà đế, cầu ha cầu ha đế, đà ra ni đế, ni ha ra
đế, tỳ lê nễ đế, ma ha dà đế, chơn lăng cang đế, ta bà ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 1:

lipa-lipate(tội chướng đã tạo), guha-guhate(tự tri(tự mình biết)), taralite(mật ý sám hối) nirhārate(giải trừ), vimalate(thanh tịnh), svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú 2:

lipa-lipate(tội chướng đã tạo), guha-guhate((tự tri(không nói ra)), taralite (mật ý sám hối) nirhārate(giải trừ), vimalate(thanh tịnh), jine-kaṇṭhe(Chư Phật chứng minh), svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt kinh văn chú:

Ly bà ly bà đế(tội chướng đã tạo), cầu ha cầu ha đế(tự tri(tự mình biết)), đà ra ni đế(mật ý sám hối), ni ha ra đế(giải trừ), tỳ lê nể đế(thanh tịnh), sa ha(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt dân gian truyền tụng chú :

Ly bà ly bà đế(tội chướng đã tạo), cầu ha cầu ha đế((tự tri(tự hiểu)), đà ra ni đế(mật ý sám hối), ni ha ra đế(giải trừ), tỳ lê nể đế(thanh tịnh), ma ha đà đế(đại thanh tịnh), chơn lãng cang đế(chư Phật chứng minh), ta bà ha(thành tựu).

CÔNG ĐỨC BẢO SƠN THẦN CHÚ

guṇa-ratna-parvata dhāraṇī

Công Đức Bảo Sơn Thần Chú

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Đại Tập Kinh ghi rằng:Nếu có thiện nam tín nữ nào,nhất tâm trì niệm chú này,tụng một biến như đánh lễ thập phương chư Phật.Nếu có người trì niệm chân ngôn này,tứ vạn thiên bách biến,dù phạm tội nghiệp như hằng hà sa,sau khi chết sẽ bị đọa vào a tỳ địa ngục,đến lúc lâm chung Phật A Di Đà tiếp dẫn về tây phương cực lạc.

Phạn ngữ chú:

namo buddhāya,namo dharmāya.namah
saṃghāya.ōṃ sītehuruhuru sindhuru-kṛpā-kṛpā
siddhaṇi-pūrṇi svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na mô,bút đa da,na mô,đa ma da.na ma,săng ga
da.Ôm sít tê- hu ru hu ru,sin đu ru,cờ ri ba-cờ ri ba,sít đa
ni,pu ru ni,sóa ha.

Hoa ngữ chú:

南無佛馱耶。南無達摩耶。南無僧伽耶。唵。悉
帝護嚕嚕。悉都嚕。只利波。吉利婆。悉達哩。布嚕哩
。娑縛訶。

Hán Việt ngữ chú:

Nam mô Phật đà da.Nam mô Đạt ma da.Nam mô
Tăng dà da.
Án, tất đế hộ rô rô, tất đô rô, chỉ rị ba, kiết rị bà, tất đạt rị,
bố rô rị, ta phạ ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

Namo(quy y) buddhāya(Phật).namo(quy y) dharmāya(Pháp) .namah(quy y) saṃghāya(Tăng). om(quy mệnh) śīte huruhuru(đại hùng lực) sindhuru-krpā-krpā(thừa tựu từ bi) siddhāṇi-pūrṇi(cứu cánh cụ túc) svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú:

Nam mô(quy y) Phật đà da(Phật).Nam mô(quy y) Đạt ma da(Pháp).Nam mô(quy y) Tăng dà da(Tăng). Án(quy mệnh), tất đế hộ rô rô(đại hùng lực), tất đô rô-chỉ rị ba- kiết rị bà(thừa tựu từ bi), tất đạt rị- bố rô rị(cứu cánh cụ túc), ta phạ ha(thành tựu).

THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

aparimita-āyur-jñāna-suviniścita-tejo-rāja dhāraṇī

THÁNH VÔ LƯỢNG THỌ
QUYẾT ĐỊNH QUANG MINH VƯƠNG ĐÀ LA NI

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Phật Thuyết Đài Thừa Thánh Vô lượng Thọ Quyết Định Quang Minh Vương Đà La Ni Kinh ghi rằng:Phật nói với Diệu Cát Tường Bồ Tát!Nếu có người tự viết hoặc bảo người viết đà la ni này,an trí trên điện lâu trang nghiêm thanh tịnh,như pháp cúng dường,người yếu mạng được trường thọ,khi lâm chung được vãng sanh về thế giới của Phật Vô Lượng Thọ Quang Minh Vương Như Lai.

Nếu có người nào tự mình viết và bảo người viết đà la ni này,hoặc lễ bái cúng dường,sau khi mệnh chung sẽ không bị đọa các đường ác,như ngoại quỷ hoặc súc sanh và địa ngục.Người thọ trì sẽ không tái sinh lại ta bà thế giới,được túc mạng trí,phước đức vô cùng tận,thành tựu bất thối chuyển vô thượng bồ đề.

Phạn ngữ chú:

Namo bhagavate aparimita-āyur-jñāna-su-viniścita-tejo-rājāya tathāgatāya arhate samyak-saṃbuddhāya tadyathā: om sarva-saṃskāra-parisuddha dharmate gagana samudgate svabhāva viśuddhe mahā-naya parivārī svāhā.

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na mô, ba ga va tê,a pa ri mi ta-à duôn-di dá na-su-vi ni sờ ci ta-tê dô-ra già da-ta tha ga ta da,a ha tê,sam dắc-sam bút đa da,ta đi da tha:Ôm,sò va -sam sá ra -pa ri sút đa,đa ma tê,gà ga na,sam mút ga tê,soa bà va,vi sút đê,ma ha-na da,pa ri và ri, sóa ha.(arhate-arahate)

Hoa ngữ chú:

唵。捺摩巴葛瓦帝。阿巴囉密沓。阿優哩阿納。
蘇必你。實執沓。牒左囉宰也。怛塔唎達也。阿囉訶帝

。三藥三不達也。怛你也塔。唵。薩哩巴。桑斯葛哩。
叭哩述沓。達囉馬帝。唵唵捺。桑馬兀唵帝。莎巴瓦比
述帝。馬喝捺也。叭哩瓦哩娑訶。

Hán Việt ngữ chú:

Án, nại ma ba cát ngỏa đế, a ba ra mật đạp, a ưu rị a
nạp, tô tất nể, thiết chất đạp, điệp tả ra tế dã, đát tháp cả
đạt dã, a ra ha đế, tam dục tam bất đạt dã, đát nể dã
tháp.Án, tát rị ba, tang tư cát rị, bót rị thuật đạp, đạt ra
mã đế, cả cả nại, tang mã ngột cả đế, ta ba ngỏa tử thuật
đế, mã hắt nại dã, bát rị ngỏa rị sa ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

namo(kính lễ) bhagavate(Thế Tôn) aparimita-
āyur(Vô Lượng Thọ)-jñāna(trí tuệ)-su-viniścita(thiện
quyết định)-tejo(Quang Minh)-rājāya(Vương)
tathāgatāya(Như Lai) arhate(Ứng Cúng) samyak-
sambuddhāya(Chánh Biến Tri) tadyathā(thuyết chú)
oṃ(quy mệnh) sarva(nhất thiết)-saṃskāra(hạnh)-
pariśuddha(biến thanh tịnh) dharmate(pháp tánh)
gagana(hư không) samudgate(xuất sanh) svabhāva(tự
tánh) viśuddhe(thanh tịnh) mahā-naya(đại đạo) parivārī
(quyển thuộc)svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Án(quy mệnh), nại ma ba cát ngỏa đế(Thế Tôn), a
ba ra mật đạp- a ưu rị a nạp(Vô Lượng Thọ), tô tất nể(trí
tuệ), thiết chất đạp(thiện quyết định), điệp tả(Quang
Minh) ra tế dã(Vương), đát tháp cả đạt dã(Như Lai), a ra
ha đế, (Ứng Cúng) tam dục tam bất đạt dã(Chánh Biến

Tri), đất nễ dã tháp(thuyết chú).Án(quy mệnh), tát rị ba(nhất thiết), tang tư cát rị(hạnh), bát rị thuật đạp(biến thanh tịnh), đạt ra mã đế(pháp tánh), cả cả nại(hư không), tang mã ngọt cả đế(xuất sanh), ta ba ngỏa tử thuật đế(tự tánh thanh tịnh), mã hắt nại dã(đại đạo), bát rị ngỏa rị(quyển thuộc) sa ha(thành tựu).

THIỆN THIÊN NỮ CHÚ

śrī-mahā-devī dhāraṇī

Thiện Thiên Nữ Chú

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Thiện thiên nữ là hộ pháp thần, hay còn gọi là Công Đức Thiên, vì muốn người tu hành đầu đủ vật dùng, nên nói chú này. Quang Minh Kinh ghi rằng: Đối với thần chú

đây, hoặc có người chuyên tâm trì tụng, dâng hương hoa cúng dường, thành tâm khẩn cầu, như vàng bạc, châu báu và tất cả vật dụng nhu cầu, đều được như ý nguyện.

Phạn ngữ chú:

namo buddhāya.namo dharmāya.namaḥ saṃghāya .namaḥ śrī-mahā-deviye, tadyathā :oṃ paripūraṇa cāre samanta-darśane mahā-vihāragate, samanta-vidhamane ,mahā-kārya pratiṣṭhāpane, sarvārtha-samanta su-praripūrune ,āyāna dharmate mahā-vikurvite ,mahā-maitri upasaṃhite , hite susaṃgrhite ,samanta-artha anupālāne svāhā

Phát âm Phạn ngữ chú:

Na mô bút đa da.Na mô,đa ma da.Na ma sảng ga da.Na ma,sờ ri-ma ha-đê vi dê,ta đi da tha:Ôm pa ri pa ra na ,cha rê,sa man ta-đà sá nê,ma ha-vi ha ra-ga tê,sa man ta-vi đà ma nê,ma ha-kà ri da ,pơ ra ti sờ tha pa nê,sò va tha-sa mam ta,su -bờ ra ni pu ru nê,à dà na,đa ma tê,ma ha-vi ku vi tê,ma ha-mai tri,u pa sam hi tê,hi tê ,su sam gờ ri hi tê,sa mam ta -a tha, a nu pà la nê,soa ha.

Hoa ngữ chú:

南無佛陀。南無達摩。南無僧伽。南無室利。摩訶提鼻耶。怛你也他。波利富樓那。遮利三曼陀。達舍尼。摩訶毗訶羅伽帝。三曼陀。毗尼伽帝。摩訶迦利野。波禰。波囉。波禰。薩利縛栗他。三曼陀。修鉢黎帝。富隸那。阿利那。達摩帝。摩訶毘鼓畢帝。摩訶彌勒帝。婁簸僧祇帝。醯帝徒。僧祇醯帝。三曼陀。阿他阿[少/免]。婆羅尼。

Hán Việt ngữ chú:

Nam mô Phật Đà.Nam mô Đạt Ma.Nam mô Tăng Đà.

Nam mô thất ly, ma ha để tử da, đát nể dã tha, ba ly phú lâu na, giá ly,tam mạn đà, đạt xá ni, ma ha tỳ ha ra dà để, tam mạn đà, tỳ ni dà để, ma ha ca rị dã, ba nể ba ra, ba nể tát rị phạ lật tha, tam mạn đà, tu bác lê để, phú lệ na, a rị na, đạt mạ để, ma ha tỳ cổ tất để, ma ha Di Lạc để, lâu phả tăng kỳ để, hê để tử, tăng kỳ hê để, tam mạn đà, a tha, A nậu đà la ni.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

Namo(quy y) buddhāya(Phật) ,namo(quy y) dharmāya(Pháp) ,namaḥ(quy y) saṃghāya(Tăng) ,namaḥ (kính lễ)śrī(cát tường) –mahā(đại)-deviye(Thiên Nữ), tadyathā(thuyết chú rằng) :oṃ(quy mệnh) paripūraṇa(viên mãn) cāre(hạnh) samanta(phổ biến)-darśane(chiếu kiến) mahā(đại)- vihāragate(tự viện), samanta(phổ biến)-vidhamane(giáo giới(dạy bảo)) ,mahā(đại)-kārya(sự nghiệp) pratiṣṭhāpane(an trú), sarvārtha(nhất thiết sự)-samamta(phổ biến) su-praripūrune(cực thiện viên mãn) ,āyāna(tiếp cận) dharmate(pháp tánh) mahā(đại)-vikurvite(thần thông) ,mahā(đại)-maitri(từ) upasaṃhite(nhiều ích) , hite (lợi ích)susaṃgrhīte(chi phối) ,samanta(phổ biến)-artha(sự nghiệp) anupālāne(hộ trì) svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Nam mô (quy y)Phật Đà(Phật).Nam mô(quy y) Đạt Ma(Pháp).Nam mô(quy y) Tăng Đà(Tăng).
Nam mô(kính lễ) thất lý(cát tường), ma ha(đại) để tử da(Thiên Nữ), đát nễ dã tha(thuyết chú), ba lý phú lâu na(viên mãn) giá lý(hạnh), tam mạn đà(phổ biến), đát xá ni(chiếu kiến), ma ha(đại) tỳ ha ra dà đế(tự viện), tam mạn đà(phổ biến), tỳ ni dà đế(giáo giới(dạy bảo)), ma ha(đại) ca rị dã(sự nghiệp), ba nễ ba ra ba nễ(an trú), tát rị phạ lật tha(nhất thiết sự), tam mạn đà(phổ biến), tu bác lê đế- phú lệ na(cực thiện viên mãn), a rị na(tiếp cận), đát mạ đế(pháp tánh), ma ha tỳ cổ tất đế(đại thần thông), ma ha Di Lặc đế(đại từ), lâu phả tăng kỳ đế(nhiều ích), hê đế tử(lợi ích), tăng kỳ hê đế(chi phối), tam mạn đà(phổ biến), a tha(sự nghiệp), A nậu đà la ni(hộ trì).

ĐẠI LUÂN KIM CANG ĐÀ LA NI



Kinh Đại Luân Kim Cang Tổng Trì Đà La Ni Kinh ghi rằng: Phật dạy Chắp Kim Cang thần: Sau khi ta diệt độ , ở Nam Diêm Phù Đề ,thời mật pháp chúng sanh bạc phước, tam tai dịch khởi, bác vạn tứ thiên thiên ma và ác độc quỷ thần...vv, cùng tùy tùng quyến thuộc của chúng,mỗi thiên ma có 5.000 quyến thuộc, sát hại chúng sanh vô lượng vô số. Các ông(Thần Kim Cang) nay trong hội này

,nghe Pháp bí mật của ta, các Ông y pháp mà phụng hành,tri chú nên trước hãy tụng "Đại Luân Kim Cang Đà-Ra-Ni" này. Nếu các ông không y lời dạy của Ta, tất cả các đà la ni(chú)dù có linh nghiệm đến đâu, cũng phải có tội hành trì ngụy pháp(trộm pháp), sau khi chết rồi phải đọa địa ngục, thọ khổ xong, phải đọa vào súc sanh,hành ngụy(trộm pháp) phải mắc tội như vậy.

Nếu có thiện nam tử ,thiện nữ nhơn và vô lượng thiên tiên Kim Cang Bồ tát, vô lượng đực xoa, tất cả quý thần ... Ta(Phật) sẽ vì các ông nói Quyền đánh thần chú,nếu tụng 21 biến thành tất cả chú pháp,thiện sự tức được thành tựu. Chú này là quá khứ thập phương Chư Phật đã nói, đà ra ni này là nhân của Chư Phật mà thành Phật. Cũng là nhân của tất cả Bồ tát tất đến Phật đạo; tất cả Kim Cang bất hoại thân; tất cả tiên nhân đều được thành tựu.

Nếu thiện nam tử thiện nữ nhơn, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Bà la môn ...vv, thọ trì đọc tụng hoặc vì người khác mà giải nói, thì sẽ được phước vô lượng,thâm nhập vô lượng trăm ngàn pháp môn đà ra ni và tất cả Kinh tạng.

Nếu có người nào trì tụng chân ngôn này, tất cả tai nạn đều tiêu diệt, khiến thiện pháp đêm ngày tăng trưởng.

Nếu người trì tụng chân ngôn này, hành giả thường được tất cả chư Phật, Bồ-tát và Thiên Long bát bộ ủng hộ,tri được tất cả bệnh,thường được an vui tự tại.

Nếu có người nào thọ mạng ngắn ngủi, nếu biết chân ngôn này, chí tâm viết chép thọ trì đọc tụng, cúng dường lễ bái, sẽ được tăng phước tiêu nghiệp.

Nếu có Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Bà la môn ...vv... đã phá giới, chí tâm thần khẩn phát nguyện sám hối, thọ trì đọc tụng thì tất cả tội cấu đều diệt trừ.

Nếu có thiên nam, người tín nữ nào tụng đà ra ni này, ngày đêm tinh tấn, thương tưởng tất cả chúng sanh trong sáu đường ác, thì những chú sanh ấy nhanh chóng xa lìa tù đày cùm trói trong ngục, hồi hướng chánh đạo giải thoát, tất cả chúng sanh thọ tội tại địa ngục đều khiến giải thoát.

Nếu thiện nam tử thiện nữ nơn, Tỳ khuru, Tỳ khuru ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, Bà la môn ..vv, đọc tụng đà la ni này, thì phải có đủ ba món phạm hạnh: một là không nói lời ác; hai là tâm không ô nhiễm; ba là thân không nhiễm ngũ dục; còn không thì khó viên mãn thành tựu oai lực của đà la ni này.

Y cứ kinh dạy, trước khi trì niệm đà la ni này, hành giả phải phát lộ sám hối, dùng hương hoa khải thỉnh chư Phật- Bồ Tát chứng minh, gia hộ người trì tụng, khiến cho thiện pháp nhanh chóng thành tựu.

Nam mô Phật-đà-gia.

Nam mô Đạt-ma-gia .

Nam mô Tăng-già-gia .

Nam mô Thập nhị bộ kinh .

Nam mô Kim Cang Tạng Bồ-tát.

Nam mô Văn-thù-sư-lợi Bồ-tát ma-ha-tát.

Nam mô Quán Thế Âm Bồ-tát ma-ha-tát.

Nam mô Đại Thế Chí Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Thập nhứt diện Quán Thế Âm Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Cứu Thoát Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Định Tự Tại Vương Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Địa Tạng Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Dược Vương Bồ-tát ma-ha-tát .

Nam mô Dược Thượng Bồ-tát ma-ha-tát.

Nam mô Di Lặc Bồ-tát ma-ha-tát.

Phạn ngữ chú:

namas tridadvikānām sarva tathāgatānām āṃ
viraji viraji mahā cakra vajira,sata-sata sārāte-
sārāte,trayi-trayi vidhamani saṃbhajani tramati
siddhāgriya traṃ svāhā.

Phát âm phạn ngữ:

Na ma,tơ ri da đi vi ka nam,sò a va,ta tha ga ta
nam,âm,vi ra di,vi ra di,ma ha,cha cờ ra,va di ra,sa ta-sa
ta,sà ra tê-sà ra tê,tơ ra i-tơ ra i,vi đà ma ni-sam ba da
ni,tơ ra ma ti,si đà gờ ri da,tơ ram,soa ha.

Hoa ngữ chú 1:

那謨娑哆梨耶,地婆伽喃,怛他羯哆南,鳴牛,毘羅時毘
羅時,摩訶斫迦羅,薩哆薩跢,莎羅帝莎羅帝,哆羅曳哆羅曳,
毘陀摩你,三盤禪你,怛羅末你,悉陀羯梨怛焰,娑訶.

Hoa ngữ chú 2(căn bốn chú):

南無悉唎哩耶,墜尾伽南,怛他伽多南,唵尾羅時尾羅時,摩訶斫羯羅,伐折梨,伐折羅,薩跢薩跢,娑羅帝娑羅帝,怛羅曳怛羅曳,毘馱末你,三盤誓你,多羅末底,悉陀阿羯哩底(哩焰莎訶.(大輪金剛陀羅尼心真言曰)

Hán việt ngữ chú 1:

Na mờ ta đá lê gia ,địa bà dà nẫm, đát tha yết đá nẫm, minh hùm ,tỳ la thời tỳ la thời ,ma ha chước ca la ,tát đá tát đá ,ta la đế ta la đế, đá la duệ đá la duệ ,tỳ đà ma nễ, tam bàn thiên nễ ,đát la mặt nễ ,tát đà yết lê đát diễm, tóa ha.

Hán việt ngữ chú 2(căn bốn chú):

Nam mô tất hí lị gia ,trụy vĩ già nẫm ,đát tha già đa nẫm, úm vĩ la thời vĩ la thời ,ma ha chước yết la ,phạt chiết lê ,phạt chiết la ,tát đá tát đá, ta la đế ta la đế, đát la duệ đát la duệ ,tỳ đà mặt nễ ,tam bàn thệ nễ, đa la mặt đế ,tát đà a yết lị đế lị diễm ,tóa ha.

Chú thích nghĩa Phạn ngữ chú:

Namas(kính lễ) tridadvikānām(tam thể) sarva(nhất thiết) tathāgatānām(Như Lai Thế Tôn) āṃ(quy mệnh) viraji(vô cấu) viraji(cực thanh tịnh) mahā(Đại) cakra(Luân) vajira(Kim Cang),sata(dũng mãnh) sata(cực dũng) sārāte(kiên cố) sārāte(cực kiên cố),trayi(Đại Thừa) trayi(vô thượng Đại Thừa) vidhamani(trí tư duy) sambhajani(chánh pháp)

tramati(tam tuệ) siddhāgriya(tối thắng quyền đánh)
tram(quy mệnh) svāhā(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú 1:

Na mờ(quy kính) Ta đá lê gia(tam) ,Địa bà dà
nằm(thế), Đát tha yết đá nằm(nhất thiết Như
Lai,Phật,Thế Tôn), Minh Hùm(Chư Phật tâm ngữ bí mật)
,Tỳ la thời(vô cấu)tỳ la thời(vô cấu) ,Ma ha (Đại) chước
ca la(Kim Cang) ,Tát đá(dũng mãnh) tát đá(dũng mãnh)
,Ta la đế (kiên cố) ta la đế(cực kiên cố), Đá la duệ(Đại
Thừa) đá la duệ(vô thượng Đại Thừa) ,Tỳ đà ma nễ, Tam
bàn thiền nễ(chánh pháp) ,Đát la mạt nễ(tam tuệ),Tát đà
yết lê đát(tối thắng quyền đánh) diễm(quy mệnh), Tóa
ha(thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt chú 2:(căn bốn chú)

Nam mô (kính lễ) Tất hí lệ gia(tam) ,Trụy vĩ già
nằm(thế) ,Đát tha già đa nằm(Như Lai ,Thế Tôn,Phật),
Úm(quy mệnh) Vĩ la thời(vô cấu) vĩ la thời(cực thanh
tịnh) ,Ma ha(Đại) chước yết la(Luân) ,Phạt chiết lê(Kim
Cang) ,Phạt chiết la(Kim Cang) ,Tát đá(dũng mãnh) tát
đá(dũng mãnh) ,ta la đế(kiên cố) ta la đế(kiên cố) Đát la
duệ(Đại Thừa) đát la duệ(vô thượng Đại Thừa) ,Tỳ đà
mạt nễ (trí tư duy),Tam bàn thệ nễ (chánh pháp), Đa la
mạt đế (tam tuệ),Tát đà a yết lệ đế lệ(tối thắng quyền
đánh)diễm(quy mệnh) ,Tóa ha(thành tựu).

ĐẠI BẢO QUẢNG BÁC LÂU CÁT THIỆN TRỤ BÍ MẬT ĐÀ LA NI

Đại Đường,Tam tạng sa môn Bất Không dịch.



大寶廣博樓閣善住秘密陀羅尼輪

Đại bảo quảng bác thiện trụ bí mật đà la ni kinh ghi rằng:Nếu có chúng sinh nào nghe Đà La Ni này, thọ trì đọc tụng tinh tấn tu tập, ghi nhớ không quên, cầu đại thành tựu. Cho đến nghe tên hoặc dùng tay chạm vào, hoặc đeo trên thân, hoặc mắt nhìn thấy, hoặc viết kinh chú này, hoặc viết trên lụa trắng, hoặc viết trên tường vách . Tất cả chúng sinh khi nhìn thấy,người phạm ngũ nghịch tứ trọng,phỉ báng Chánh Pháp, phỉ báng Thánh Nhân, thợ săn, người bán thịt, Nhi Khôi Quái, Nam Bà, Bồ Yết Sa , người mù, người điếc, người chột mắt, người lưng gù, người đã làm điều ác, người câm, người nghèo thấp kém, người có nghiệp bất định, người bị lưới ma trói buộc, người bị rơi vào Tà Kiến, người tiếp xúc với loài Tỳ Na Dạ Ca, người bị ác tinh (sao xấu) bức hại, người bị thất tinh gây hại...vv ... tất cả nghe Đà La Ni này,quyết định sẽ chứng Vô Thượng Chánh Giác(thành Phật).Thậm chí đến loài bàng sanh, hươu, chim, muỗi, ruồi , con bướm, con dế, con kiến và các loài chúng sanh khácvv...như noãn sanh, thai sanh, hoá sanh, thấp sanh... .Các chúng sanh khi nghe danh tự Đà La Ni này , quyết định chứng A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề (thành Phật) .

Phạn ngữ chú:

Namaḥ sarva tathāgate-bhyo matiṣṭamti daśadiśi.
Oṃ maṇi vajre hṛdaya vajre mārasainya vidrāvaṇi hana
hana, vajragarbhe trāsaya trāsaya sarva māra bhavanāni
hūṃ hūṃ saṃdhara saṃdhara buddha-maitrī, sarva
tathāgata vajrakara adhiṣṭhite svāhā.

Cảnh giác đà la ni:

Oṃ sarva tathāgata maṇi śatadipte, jvala jvala,
dharma-dhātu garbhe maṇi maṇi mahāmaṇi, tathāgata
hṛdaya maṇi svāhā.

Căn bốn đà la ni:

Namaḥ sarva tathāgatanām. Oṃ vipula- garbhe,
maṇi -prabhe tathāgata nidarśane maṇi maṇi suprabhe
vimale sāgara. Gambhīre hūṃ hūṃ jvala jvala Buddha
vilokite guhya dhiṣṭita garbhe svāhā.

Tâm đà la ni:

Oṃ maṇi vajre hūṃ.

Tùy tâm đà la ni:

Oṃ maṇi-dhrāe hūṃ phat

Phát âm phạn ngữ chú:

Na ma,sòa va-ta tha ga tê,bi ô-ma ti sò tam ti ,đà sa
đi si.Ôm ma ni ,va di rê, hơ ri đà da,va di rê,ma ra sai ni
da,vi đờ ra pa ni,ha na,ha na,va di ra ga bê,tờ ra sa da,tờ
ra sa da,sòa va,ma ra,ba va na ni,hùm,hùm,sam đà ra,sam
đà ra,bút đả-mai tri,sòa va,ta tha ga ta,va di ra ka ra,a đi
sò thi tê,soa hoa.

Cảnh giác đà la ni:

Ôm ,sòa va,ta tha ga ta,ma ni,sát ta đi tê,di va la,di
va la,đạt ma-đà tu,ga bê,ma ni,ma ni,ma ha ma ni-ta tha
ga ta,hơ rị đà da,ma ni,soa ha.

Căn bốn đà la ni:

Na ma, sò va, ta tha ga ta nam.ôm, vi pu la- ga bê,
ma ni- pờ ra bê, ta tha ga ta, ni ãa sá nê, ma ni ma ni,su
pờ ra bê,vi ma lê,sa ga ra. Gam bi rê, hùm,hùm,di va la,di
va la,bút ãa,vi lô ki tê,gu hi ãa ,đi sờ thi ta,ga bê,soa ha.

Tâm ãa la ni:

Ôm,ma ni,va di rê,hùm.

Tùy tâm ãa la ni:

Ôm, ma ni,đờ va rê,hùm,phát.

Hoa Ngũ chú 1:(căn bốn chú)

曩莫薩縛,怛他孽多南。唵尾補羅孽陞。麼拏鉢囉
陞,怛他多,你捺捨寧,摩拏摩拏,蘇鉢囉陞,尾麼黎娑孽囉,儼
鼻隸,吽吽,入縛羅,入縛羅,沒馱,尾盧枳帝,麼呬夜,地瑟恥
多孽陞,娑縛訶。

Hoa Ngũ chú 2:

曩莫薩縛怛他孽帝毘喻,曳底瑟綻底,娜捨,你勢,唵麼
拏縛日隸,紇哩娜也,縛日隸,磨羅,賽你也,尾捺囉跛寧,賀曩
賀曩,縛日羅孽陞,怛囉細也,怛囉細也,娑縛磨囉,娑縛曩你,
吽吽,散馱羅,散馱囉,沒馱,昧底唎,薩縛怛他孽多,縛日囉迦
臘跛,地瑟恥帝,娑縛訶。

Hán Việt ngữ chú 1: (căn bốn chú)

Năng mặc tát phộc ãa tha nghiệt ãa nam. Ân, vĩ bố
la nghiệt bệ, ma nê, bát la bệ, ãa tha ãa, nễ nại xả ninh,
ma nê ma nê, tô bát la bệ , vĩ ma lê sa nghiệt la, nghiệt tỳ
lệ, hồng hồng, nhập phộc la nhập phộc la, một ãa, vĩ lô chỉ
đế, ngu tứ ãa, ãa sắt xỉ ãa nghiệt bệ, sa phộc ha.

Hán Việt ngữ chú 2:

Năng mạc tát phộc đát tha nghiệt đế tỳ-dụ, duệ đế sắt-trán đế, na xả, nễ thế. Ân, ma nê phộc nhật-lê, hột-lý na dã, phộc nhật-lê, ma la, ti nễ-dã, vĩ nại-la bả ninh, hạ năng hạ năng, phộc nhật-la nghiệt bê, đát-la tế dã, đát-la tế dã, sa-phộc ma la, bà phộc năng nễ, hồng hồng, tán đà la tán đà la, một đà, muội đế-lợi, tát phộc đát tha nghiệt đà, phộc nhật-la ca lạp-bả, địa sắt-xỉ đế, sa-phộc ha.

Chú thích nghĩa Phạn chú ngữ:

Namaḥ(kính lễ) sarva(nhất thiết) tathāgate(Như Lai)-bhyo(mật ngữ), matiṣṭamti(trí tuệ quang minh biến chiếu) daśadiśi(thập phương). Oṃ(quy mệnh) maṇi(pháp bảo) vajre(kim cương), hṛdaya vajre(tâm kim cương), mārasainya(ma quân) vidrāvāṇi(tẩu tán), hana(đả phá(đánh phá)) hana(đả phá(đánh phá)), vajragarbhe(kim cương tạng); trāsaya(bổ vị(sợ hãi) trāsaya(bổ vị(sợ hãi), sarva (nhất thiết)māra(ma vương) bhavanāni(trú xứ), hūṃ (chư Phật tâm ngữ)hūṃ(chư Phật tâm ngữ), saṃdhara(hộ trì) saṃdhara(hộ trì) , Buddha(Phật)-maitrī(từ bi). sarva(nhất thiết) tathāgata(Như Lai) vajrakara(kim cương thủ) adhiṣṭhite(gia trì), svāhā(thành tựu viên mãn).

Cảnh giác đà la ni:

Oṃ(quy mệnh) sarva(nhất thiết) tathāgata(Như Lai) maṇi(Bảo) śatadipte(phóng quang), jvala(quang minh) jvala(quang minh), dharma-dhātu(pháp giới) garbhe(tạng), maṇi(bảo) maṇi(bảo) mahāmaṇi(đại bảo),

tathāgata(Như Lai) hṛdaya (tâm)maṇi(bảo) svāhā(thành tựu viên mãn).

Căn bốn đà la ni:

Namaḥ(kính lễ) sarva(nhất thiết) tathāgatanāṃ(Như Lai Thế Tôn). Oṃ(quy mệnh) vipula(quảng bác) garbhe(tạng), maṇi(bảo) prabhe(biến chiếu quang minh), tathāgata(Như Lai) nidarśane(hiển hiện). maṇi(bảo) maṇi(bảo) suprabhe(diệu quang minh), vimale(vô cấu) sāgara(thậm thâm như hải(biển)) .Gambhīre(vi diệu), hūṃ(mật ngữ) hūṃ(mật ngữ) jvala(quang minh) jvala(quang minh), Buddha(Phật)-vilokite(quan sát), guhya(bí mật) dhiṣṭita(gia trì) garbhe(tạng), svāhā(thành tựu viên mãn).

Tâm chân ngôn:

Oṃ(quy mệnh) maṇi(ma ni bảo) vajre(kim cang tam muội), hūṃ(mật ngữ).

Tùy tâm đà la ni:

Oṃ(quy mệnh) maṇi(ma ni bảo)-dhrāe(phá địch môn) hūṃ(mật ngữ) phat(tồi phá-hủy diệt)!

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:(căn bốn chú)

Năng mạc(kính lễ) tát phộc(nhất thiết)đát tha nghiệt đa nam(Như Lai). Án(quy mệnh), vĩ bố la nghiệt bệ(quảng bác tạng), ma nê(bảo), bát la bệ(biến chiếu quang minh), đát tha đa(Như Lai), nễ nại xả ninh(hiển

hiện), ma nê(bảo châu) ma nê(bảo châu), tô bát la bê (diệu quang minh), vĩ ma lê(vô cấu) sa nghiệt la(thậm thâm như hải(biển)), nghiêm tỳ lệ(vi diệu), hồng(chư Phật mật ngữ) hồng(chư Phật mật ngữ) , nhập phộc la(quang minh) nhập phộc la(quang minh), một đà(Phật), vĩ lô chỉ đế(quan sát), ngu tứ dạ(bí mật), địa sắt xỉ đa nghiệt bê(gia trì tạng), sa phộc ha(thành tựu viên mãn).

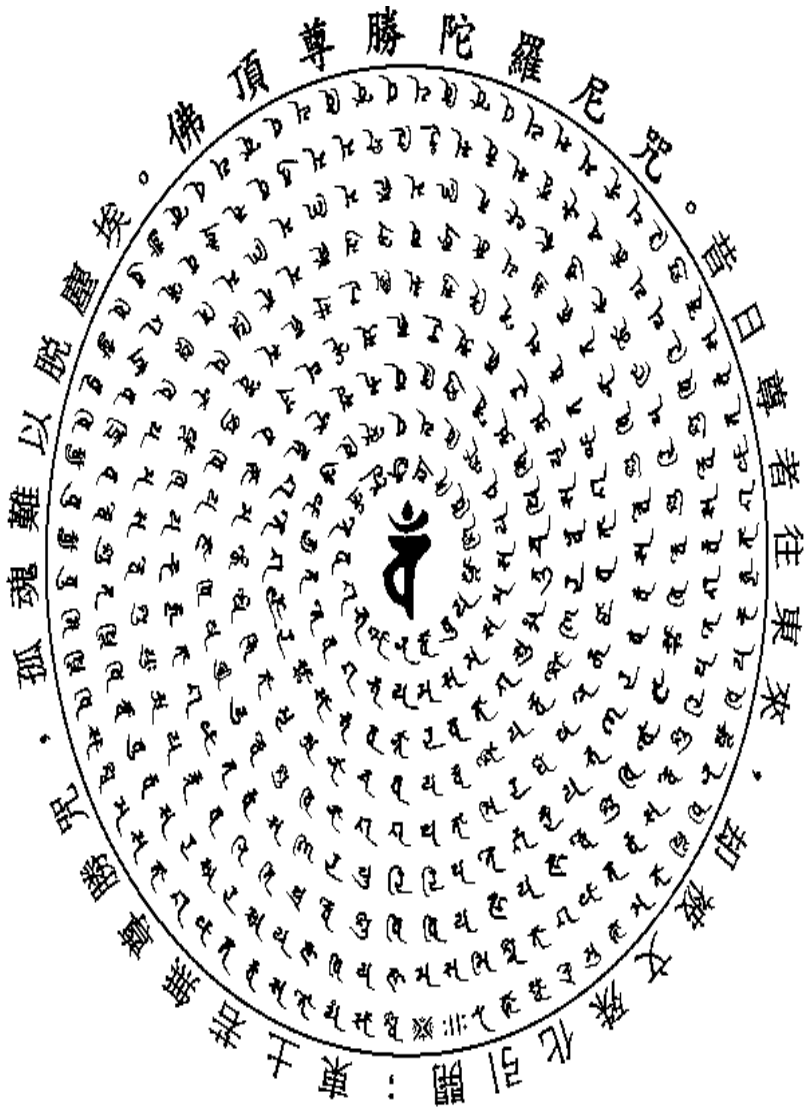
Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Năng mạc(kính lễ) tát phộc(nhất thiết) đát tha nghiệt đế(Như Lai) tỳ-du(bí mật ngữ), duệ đế sắt-trán đế(trí tuệ quang minh biến chiếu), na xả nễ thế(thập phương). Án(quy mệnh), ma nê(pháp bảo) phộc nhật-lệ(kim cương), hột-lý na dã-phộc nhật lệ(tâm kim cương), ma la ti nễ-dã(ma quân), vĩ nại-la bả ninh(quyến thuộc ma quân), hạ năng(đả phá(đánh phá) hạ năng(đả phá(đánh phá), phộc nhật-la(kim cương) nghiệt bê(tạng), đát-la tế dã(bổ vị(sợ hãi), đát-la tế dã(bổ vị(sợ hãi), sa-phộc ma la(nhất thiết ma quân), bà phộc năng nễ(trú xứ), hồng(chư Phật tâm ngữ) hồng(chư Phật tâm ngữ), tán đà la(hộ trì) tán đà la(hộ trì), một đà(Phật), muội đế-lợi(từ bi), tát phộc đát tha nghiệt đa(nhất thiết Như Lai), phộc nhật-la ca lạp-bả(kim cương thủ), địa sắt-xỉ đế(gia trì), sa-phộc ha(thành tựu viên mãn).

PHẬT ĐÁNH TÔN THẮNG ĐÀ LA NI

uṣṇiṣa-vijaya dhāraṇī

Nước Kế Tân, sa môn Phật Đà Ba Ly dịch.



Phật Đỉnh Tôn Thắng phạn danh là *uṣṇīṣa-vijaya dhāraṇī*, cũng có tên là “Trừ Cái Chướng Phật Đảnh”. Phật Đảnh Tôn Thắng là mật chú tối thượng thừa, đối với truyền thống người tu kim cương thừa, đều rất xem trọng oai lực màu nhiệm của thần chú này, được xưng danh là “Tôn Pháp Thắng”, cũng được xem “Thanh Tịnh Chư Thú Tôn Thắng Đà La Ni”. Theo Kinh Phật Đảnh Tôn Thắng Đà La Ni Kinh ghi rằng: “Như Lai Quán Đảnh Thanh Tịnh Chư Thú Phật Đảnh Tôn Thắng Đà Ra Ni” này, có tám mươi tám câu chi trăm ngàn hằng sa chư Phật đã thuyết, đồng thủ hộ tán thán, và đồng ấn chứng. Vì đà ra ni này trừ sạch tội ngũ nghịch, thập ác của chúng sanh, cứu tất cả sự khổ nạn trong cõi Diêm Ma, bàng sanh, ngạ quỷ, địa ngục, và năng độ thoát tất cả chúng sanh nghiệp dày phước mỏng, nghèo nàn, hèn hạ, đau bệnh, tàn tật, yếu thọ, xấu xa, cảm ngộ, đui điếc. Đà la ni này cũng cứu vớt các loại A Tu La, Dạ Xoa, La Sát, Phú Đơn Na, Ca Tra Phú Đơn Na, các quỷ thần, thậm chí độ thoát các loài thủy tộc, phi cầm, tẩu thú, rắn rết, ruồi muỗi, côn trùng, điều được giải thoát.

Theo Kinh Sử ghi chép vào đời Đường Cao Tông, niên hiệu Nghi Phượng, có vị cao tăng của nước Thiên Trúc, tên vị ấy là Phật Đà Ba Lợi (Buddhapāli) đi đến lễ bái thánh tích Trung Quốc. Trong dịp lễ bái thánh tích ở Ngũ Đài Sơn, Ngài gặp một ông lão khuyên bảo Ông nên trở về Thiên Trúc (Ấn Độ) thỉnh Kinh Phật Đỉnh Tôn Thắng Đà La Ni đem truyền bố cho dân nhân Trung Hoa để tu tập vì ở nơi đây nghiệp chướng thâm dày. Đến niên hiệu Vĩnh Thuận, Ngài đã đi đến thủ đô Trường An, sau khi vua nghe kể lai sự màu nhiệm ở núi Ngũ Đài, được vua sắc phong là Nhật Chiếu Tam Tạng Pháp Sư và ban

chỉ phiên dịch lưu truyền kinh này cho đến ngày nay. Thần chú này rất màu nhiệm, oai lực bất khả tư nghị, độ thoát khổ thú chúng sanh lục độ sanh tử luân hồi.

Đức Phật dạy: Phật Đảnh Tôn Thắng đà ra ni của ta đây có đủ oai thần lực, công đức rộng lớn như mặt trời sáng, như ma ni châu trong sáng, không bợn nhơ, ở nơi nào cũng phóng ánh quang minh phổ chiếu. Như 7 thứ báu thù thắng ở thế gian, tất cả hàng vua quan thần dân đều quý trọng ưa thích, mắt nhìn không chán. Môn đà ra ni này cũng như thế, nếu thọ trì đọc tụng, biên chép, hoặc cúng dường, kẻ ấy sẽ được vô lượng phước đức, tất cả hàng thiên long bát bộ đều kính trọng. Nếu có hàng vua chúa quan dânvv...biên chép đà ra ni này để trong tháp 7 báu, nơi tòa sư tử, nơi tháp ở ngã tư đường, hoặc treo trên phướn cao, dùng các thứ hương hoa, anh lạc, y phục..vv...cúng dường đà ra ni này, người cúng dường sẽ có công đức vô lượng vô biên, tăng phước trí vô lượng. Người ấy chính là con của Phật, là đại Bồ Tát, vì đã cứu vớt được vô lượng chúng sanh đi qua hoặc đi lại nơi có tôn thờ thần chú đó. Nếu có chúng sanh nào phạm tội tứ trọng, ngũ nghịch, thập ác, phạm các trọng giới và tất cả tội nặng, sau khi chết phải đọa tam đồ thọ khổ. Nếu họ có phước duyên với tam bảo mà đi qua lại tháp hoặc phướn có để đà ra ni này, được dính hạt bụi hay cơn gió đến thân mình, hoặc được bóng tháp phướn che thân thì tất cả tội nặng đều tiêu sạch, sanh về cung trời để hưởng sự an vui thù thắng, sau đó sẽ sanh về mười phương Tịnh Độ. Nên ở các nước Phật giáo, như Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc và Việt Nam các tự viện và Chư Tăng Ni Phật tử đã dựng nhiều trụ tháp, và khắc vào tháp hoặc trụ đá thần chú này, nhằm mục đích đem lại sự lợi ích cho pháp giới chúng sanh.



Tháp Tôn Thắng Đà La Ni cầu mưa ở Ấn Độ



Bảo tháp Tôn Thắng Đà La Ni ở Trung Quốc(đời Đường)



Thạch đá Tôn Thắng Đà La Ni ở Nhật Bản



Tháp Tôn Thắng Đà La Ni ở Hàn Quốc



Trụ đá Tôn Thắng Đà La Ni ở Hoa Lư, Việt Nam(Thời Đinh Tiên Hoàng).

Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, thiện nam tử, thiện nữ nơn nào thọ trì đọc tụng, công đức ấy năng trừ tội ngũ nghịch, thập ác trong vô lượng kiếp, sẽ chứng quả A nậu đà la tam miệu tam bồ đề.

Nếu có người nào thọ trì đà la ni này, trừ tất cả tai nạn tật ách, hiện kiếp được túc mạng trí, sau đó dạo chơi tự tại các cõi trời và chư Phật quốc. Người ấy sẽ được chư Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí lấy tay xoa đầu thọ ký, thường ở đạo tràng, nghe hiểu thọ trì chánh pháp. Người ấy ba nghiệp (thân, ngữ, ý) thường thanh tịnh, tâm an vui, thân khổ xúc dứt trừ, được cảm giác nhẹ , tăng thọ mạng, không bị đột tử (bất đắc kỳ tử).

Nếu có người thọ trì đọc tụng, biên chép, cúng dường đà ra ni này, sẽ được vô lượng công đức, hưởng được sự vui thù thắng, chư thiên long bát bộ kính trọng, thiện thần hộ trì, chư Bồ Tát ái kính, chư Phật hộ niệm. Người thọ trì chú này đến địa ngục, ngạ quỷ, các tội nhân ấy đều được giải thoát

Nếu có người nào bị bệnh nặng, chịu nhiều đau khổ, được nghe đà ra ni này, sẽ mau lành bệnh, tội chướng tiêu diệt. Thấm chí các loài chúng sanh nghe được chú này đều xa lìa bệnh khổ, thoát thân bào thai, do hoa sen hóa sanh, tùy theo tâm nguyện mà thọ sanh, biết được duyên sanh kiếp trước.

Nếu có người nào tụng một biến chú này vào tai của bất cứ loài cầm thú súc sanh nào, thì kiếp sau không còn thọ thân cầm thú súc sanh, dù có nghiệp nặng bị đọa vào các chủng loại địa ngục, nhờ vậy cũng được thoát ly.

Nếu người nào chưa trì tụng chú này, mà tai nghe âm thanh của đà ra ni này, tức liền thành hạt giống Phật. Thần chú này khi đã lọt vào tai, liền huân tập thành quả chánh giác, tuy nghiệp nặng cũng không thể chướng ngại. Dù người ấy dù bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh cũng không mất hạt giống bồ đề, mà còn nương oai lực thần chú ấy mà khởi tiến tu cho đến khi thành Phật.

Nếu chúng sanh nào một lần nghe được Đà Ra Ni này, kiếp sau không có các tật bệnh và khổ não, ngũ nhãn lần lần thanh tịnh, được túc mạng trí, kiết sử tiêu trừ, sẽ chứng quả vô thượng chánh giác.

Nếu người nào mỗi ngày tụng chú này, được cúng dường của tất cả thế gian, khi xả báo thân sẽ sanh về thế giới Cực Lạc.

Nếu có người thọ trì chú này, từ kiếp này trở về sau, vĩnh lìa ác đạo, ở cõi người thường được thọ sanh trong nhà quý tộc, hoặc sanh lên cõi trời, cho đến được sanh về 10 phương chư Phật tịnh độ, kết bạn đồng hành với chư Bồ Tát, và sẽ chứng quả Vô Thượng Đẳng Giác.

Nếu có người nào mới chết, hoặc chết đã lâu, có người tụng đà ra ni này, nhất tâm hồi hướng cầu nguyện về 10 phương Phật tịnh độ. Nếu người chết thần thức đã bị đọa vào địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh...vv... cũng được thoát khỏi ác đạo luân chuyển, được sanh lên cõi trời.

Căn cứ Đại Tạng Kinh Phật Giáo, Tôn Thắng đà la ni hiện lưu tồn chín bản khắc nhau, nhưng lưu hành trên thế giới là cục túc bản của Phật Đà Bà Lợi là tương đối đầy đủ. Ở trong nước, Hòa thượng Thiền Tâm dịch ra Việt

ngữ,nhưng chú ngữ là tổng hợp chín bản phạn ngữ lại thành một bản.Ở cuốn sách này chỉ giới thiệu quý vị cụ túc bản,đa số được trì tụng lưu hành trên các nước trên thế giới.Qua sự nghiên cứu nghĩa lý Phạn ngữ cụ túc bản của các chuyên gia Phật giáo,điều đồng nhất chọn bản này làm chính bản vì nó tương đồng với bản dịch Phật Đà Bà Lợi.

Phạn ngữ chú(Cụ Túc bản):

namo bhagavate trailokya-prati-viśiṣṭāya
buddhāya bhagavate tadyathā: oṃ viśuddhāya
viśuddhāya asamasama samanta-avabhāsa spharaṇa-
gati-gahana svabhāva-viśuddhe abhiñcatu mām sugata
vara-vacana-amṛta-abhiṣekai mahā-mantra-padaī āhara-
āhara-āyus saṃdhāraṇi śodhaya śodhaya gagana
viśuddhy-uṣṇiṣa vijaya viśuddhe sāhasra-raśmi
saṃcodite sarva-tathāgata-avalokani ṣaṭ-pāramitā
paripūraṇi [sarva-tathāgata] mati-daśa-bhūmi
pratiṣṭhite sarva-tathāgata-hṛdaya-adhiṣṭhāna-adhiṣṭhita
mahā-mudre vajra-kāya-saṃhatana viśuddhe. sarva-
āvaraṇa-apāya-durgati pari-viśuddhe pratinivartaya
āyus śuddhe samaya-adhiṣṭhite. Maṇi maṇi mahā-maṇi
tathatā bhūtakoti pariśuddhe visphuṭa buddhi śuddhe
jaya jaya vijaya vijaya smara smara sarva-buddha-
adhiṣṭhita śuddhe vajre vajra-garbhe vajraṃ bhavatu
mama śarīraṃ sarva-sattvānām ca kāyapariviśuddhe
sarva-gati pariśuddhe sarva-tathāgata siṃca me sama-
āśvāsayantu sarva-tathāgata sama-āśvāsa-adhiṣṭhite
bodhyā bodhyā vibodhyā vibodhyā bodhaya bodhaya
vibodhaya vibodhaya samanta-pariśuddhe .Sarva-
tathāgata-hṛdaya-adhiṣṭhāna-adhiṣṭhita mahā-mudre
svāhā.

Phạn ngữ phát âm chú:

Na mô,ba ga va tê,traï lô ky da-pơ ra ti-vi sít ta da,bút đả da,ba ga va tê,ta đi da tha:ôm vi sút đả da,vi sút đả da,a sa ma,a sa ma,sa mam ta-a va ba sa,sơ pha ra na-ga ti-ga ha na,soa ba va-vi sút đê,a bi sin cha tu,mam,su ga ta,va ra-va cha na-a mi rị ta-a bi sê kai,ma ha-man tra-pa đai,a ha ra-a ha ra-a dút,sam đà ra ni,sô đà da,sô đà da,gà ga na,vi sút đi-u si ni sa,vi già da,vi sút đê,sa ha ra-rát mi,sam cô đi tê,sòa va-ta tha ga ta-a va lô ka ni,sát -pa ra mi ta,pa ri pu ra ni(sòa va-ta tha ga ta) ma ti-đả sa-bu mi,pơ ra ti sờ thi tê,sòa va-ta tha ga ta-hơ rị đả da-a đi sờ tha na-a đi sờ thi ta-ma ha-mút rê ,va di rê-ka da-sam ha ta na,vi sút đê.Sòa va-a va ra na-a pa da-đút ga ti,pa ri-vi sút đê,pơ ra ti ni vát ta da,a dút,sút đê,sa ma da-a đi si thi tê. Ma ni,ma ni,ma ha-ma ni,ta tha ga ta,bu ta cô ti,pa ri sút đê,vít pu ta,bút đi sút đê,già da,già da,vi già da,vi già da,sờ ma ra,sờ ma ra,sòa va-bút đả-a đi si thi ta,sút đê,va di rê,va di rê-ga bê-va di ram,ba va tu,ma ma,sa ri ram,sòa va-sát toa nam,cha -ka da pa ri vi sút đê,sòa va,ga ti,pa ri sút đê.Soa va-ta tha ga ta,sin cha,mê,sa ma-ạt va sa dên tu,sòa va-ta tha ga ta,sa ma-ạt va sa-a đi si thi tê,bô đi da,bô đi da,vi bô đi da,vi bô đi da,sa mam ta-pa ri sút đê.Sòa va-ta tha ga ta-hơ rị đả da-a đi si tha na-a đi si thi ta -ma ha-mút rê,soa ha.

Hoa Ngữ chú:

曩謨,娑我縛帝,怛唎路枳也,鉢囉底,尾始瑟吒野,沒馱野,娑我縛帝,怛你也他,唵,尾戌馱野,娑麼娑麼,三滿哆,縛娑娑,娑頗囉拏,槃帝,我賀曩,娑縛,娑縛,尾秣弟,阿鼻訛左睹含,素槃哆,縛囉縛左曩,阿蜜栗哆,鼻麗鬪,摩賀曼怛囉,播乃,阿賀囉,阿賀囉,阿庾散馱囉柅,戌馱野,戌馱野,我我曩,尾秣弟,鄔瑟膩灑,尾惹野,尾秣弟,娑賀娑囉,囉濕銘,散袒你帝,薩縛怛他槃哆,縛路迦寧,殺播囉弭哆,跛哩布囉柅,薩縛怛他槃哆,紇哩娜野,地瑟吒曩,)地瑟恥跢,摩賀母捺哩,縛日囉,迦野,僧賀跢曩,尾秣弟,薩縛縛囉拏,跛野訥槃帝,跛哩尾秣弟,鉢囉底,寧襪跢野,阿欲秣弟,三摩野,地瑟恥帝,麼柅麼柅,摩賀麼柅,怛闍哆,部跢句致,跛哩秣弟,尾窣普吒,沒地秣弟,惹野惹野,尾惹野,尾惹野,娑麼囉,薩縛沒馱,地瑟恥哆秣弟,縛日哩,縛日囉槃陞,縛日覽,娑縛睹麼麼(六十四稱名)舍哩覽,薩縛薩怛縛,難左迦野,尾秣弟,薩縛我帝,跛哩秣弟,薩縛怛他槃哆,三麼濕縛娑演睹,薩縛怛他槃哆,三麼濕縛娑,地瑟恥帝,沒地野,沒地野,尾沒地野,冒馱野,冒馱野,尾冒馱野,尾冒馱野,三滿哆,跛哩秣弟,薩縛怛他槃哆,紇哩娜野,地瑟吒曩,地瑟恥哆,摩賀母捺隸,娑縛賀.

Hán Việt Chú:

Năng mô ,Bà nga phộc đế ,Đát lạt lộ chỉdã , Bát la đế ,Vĩ thủy sắt tra dã ,Mộ đà dã,Bà nga phộc đế ,Đát nễ dã tha, Án, Vĩ thú đà dã,Sa ma sa ma, tam mãn đa, Phộc bà sa,Sa phả la noa,Nghiệt đế, nga hạ năng,Bà phộc bà phộc, vĩ truật đệ,A tị tru tả đở hàm,ổ nghiệt đá ,Phộc la phộc tả năng, A mật lạt đá,Tị sái kể, Ma ha mạn đát la, bá nãi, A hạ la, a hạ la,A dữu tán đà la ni,Thú đà dã, thú đà dã,Nga nga năng, vĩ truật đệ, Ô sắt nị sái,Vĩ nhạ dã, vĩ truật đệ,Sa hạ sa la,La thấp minh,Tán tổ nễ đế,Tát phộc đát tha nghiệt đá,Phộc lộ ca nĩnh,Sát bá la nhĩ đa,Bá lệ bố la nị,Tát phộc

đát tha nghiệt đả,Hiệt lệ ná dĩa,Địa sắt xá năng,Địa sắt xỉ
đá ,Ma hạ mẫu nại lệ,Phộc nhật la, ca dĩa,Tăng hạ đá năng,
vĩ truật đệ,Tát phộc phộc la noa,Bả dĩa nạp nghiệt đế ,Bả lệ
vĩ truật đệ,Bát la để-nĩnh miệt đả dĩa,A dục truật đệ, Tam
ma dĩa,Địa sắt xỉ đế,Ma ni, ma ni,Ma ha ma ni,Đát đạt
đá,Bộ đa cú trí,Bả lệ truật đệ,Vĩ đệt-phổ tra,Một địa, truật
đệ,Nhạ dĩa nhạ dĩa,Vĩ nhạ dĩa, vĩ nhạ dĩa,Sa ma la,Tát phộc
một đà,Địa sắt xỉ đả truật đệ,Phộc nhật lệ, phộc nhật la
nghiệt bệ ,Phộc nhật lam,Ba phộc đở ma ma ,Xả lệ lam,Tát
phộc tát đát-phộc,Nan tả ca dĩa,Vĩ truật đệ,Tát phộc nga
đế, Bả lệ truật đệ,Tát phộc đát tha nghiệt đả,Tam ma thấp
phộc sa diển đở,Tát phộc đát tha nghiệt đả,Tam ma thấp
phộc sa,Địa sắt xỉ đế,Một địa dĩa, một địa dĩa,Vĩ một địa
dĩa,Mạo đà dĩa, mạo đà dĩa,Vĩ mạo đà dĩa, vĩ mạo đà dĩa,Tam
ma đả,Ba lệ truật đệ,Tát phộc đát tha nghiệt đả,Hiệt lệ ná
dĩa,Địa sắt xá năng,Địa sắt xỉ đả,Ma hạ mẫu nại lệ,Sa phộc
hạ.

Chú thích nghĩa Phạn chú:

Namo(quy y kính lễ) bhagavate(Thế Tôn)
trailokya(tam thế)-prati-viśiṣṭāya(tối thắng)
buddhāya(đại giác Phật) bhagavate(Thế Tôn)
tadyathā(thuyết chú) om(quy mệnh) viśuddhāya(lệnh
thanh tịnh) viśuddhāya(lệnh thanh tịnh) asamasama(vô
đẳng đẳng) samanta(phổ chiếu)-avabhāsa(quang minh
thần diệu) spharaṇa(phổ chiếu)-gati(lục đạo chúng
sinh)-gahana(nghiệp cảm) svabhāva(tự tánh)-viśuddhe(
ly dục thanh tịnh)abhiṣiñcatu(quyền đánh) mām
(ngã)sugata(Thiện Thệ) vara(thù thắng)-vacana(giáo
ngữ)-amṛta(cam lồ)-abhiṣekai(quyền đánh) mahā(đại)-
mantra(thần chú)-padai(danh tự)āhara(thành tự)-
āhara(viên mãn)-āyus(thọ mạng) saṃdhāraṇi(cứu tế)

śodhaya(tịnh hóa) śodhaya(tịnh hóa) gagana(như hư không) viśuddhy(lệnh thanh tịnh)-uṣṇīṣa(Phật đánh) vijaya(tối thắng) viśuddhe(lệnh thanh tịnh) sāhasrab(thiên bách)-raśmi(quang minh) samcodite(khai ngộ) .sarva(nhất thiết)-tathāgata(Như Lai)-avalokani(quán chiếu) ṣaṭ-pāramitā(lục ba la mật) paripūraṇi(thành tựu) [sarva(nhất thiết)-tathāgata(Phật)] mati(trí tuệ)-daśa(thập)-bhūmi(địa Bồ Tát) pratiṣṭhite(vị) sarva(nhất thiết)-tathāgata(Như Lai)-hṛdaya(tâm)-adhiṣṭhāna(thần lực gia trì)-adhiṣṭhita(thần lực gia trì) mahā(đại)-mudre(ấn) vajra(kim cang)-kāya(thân)-saṃhatana(bất diệt) viśuddhe(lệnh thanh tịnh) sarva(nhất thiết)-āvaraṇa(nghiệp chướng)-apāya(tam)-durgati(khổ thú) pari(phổ chiếu)-viśuddhe(lệnh thanh tịnh) pratinivartaya(lệnh tăng) āyus(thọ mạng) śuddhe(lệnh thanh tịnh) samaya(tam muội)-adhiṣṭhite(oai thần lực gia trì) .Maṇi(ma ni châu) maṇi(ma ni bảo) mahā-maṇi(đại ma ni bảo) tathatā(tự tánh chân như) bhūtakoti(chân thật) pariśuddhe(phổ biến thanh tịnh) viśphuṭa(khai hóa) buddhi(tuệ giác) śuddhe(thanh tịnh) jaya (tôn thắng) jaya(tôn thắng) vijaya(tối thắng) vijaya(tối thắng) smara(niệm) smara(niệm) sarva(nhất thiết)-buddha(Phật)-adhiṣṭhita(oai lực gia hộ) śuddhe(thanh tịnh) vajre(kim cang) vajra(kim cang) -garbhe (tạng)vajraṃ(kim cang)bhavatu(chuyển biến) mama(ngã) śarīraṃ (thân thể) sarva(nhất thiết)-sattvānām(nhất thiết hữu tình) ca(cấp) kāya(thân thể) pariviśuddhe(phổ biến thanh tịnh) sarva(nhất thiết)-gati(lục đạo chúng sanh) pariśuddhe(thanh tịnh).Sarva(nhất thiết)-tathāgata(Như Lai) since(quyền đánh) me(ngã) sama(an úy)-āśvāsayantu(cứu độ) sarva(nhất thiết)-tathāgata(Như Lai) sama(an úy)-āśvāsa(cứu độ)-adhiṣṭhite(oai lực gia

trì) bodhyā(giác) bodhyā(giác) vibodhyā(tỉnh giác)
vibodhyā(tỉnh giác) bodhaya(ngộ) bodhaya(ngộ)
vibodhaya(tỉnh ngộ) vibodhaya(tỉnh ngộ) samanta(châu
biển thập phương)-parisuddhe(phổ biến thanh tịnh)
sarva(nhất thiết)-tathāgata(Như Lai)-hr̥daya(tâm)-
adhiṣṭhāna(thần lực gia trì)-adhiṣṭhita(oai lực hộ trì)
mahā(đại)-mudre(Phật ấn) svāhā(thành tựu viên mãn).

Chú thích Hán Việt chú:

Năng mô (quy y kính lễ),Bà nga phộc đế (Thế Tôn),Đát lạt lộ chỉ dã (tam thế), Bát la đế ,Vĩ thủy sắt tra dã (tối thắng),Mộ đà dã(đại giác Phật),Bà nga phộc đế (Thế Tôn),Đát nễ dã tha(thuyết chú), Ấn(quy mệnh), Vĩ thú đà dã(lệnh thanh tịnh),Sa ma sa ma(vô đẳng đẳng), tam mãn đa(phổ chiếu), Phộc bà sa(quang minh thần diệu),Sa phả la noa(phổ chiếu),Nghiệt đế(lục đạo chúng sanh), nga hạ năng(nghiệp cảm),Bà phộc bà phộc(tự tánh), vĩ truật đệ(ly dục thanh tịnh),A tị tru tả đồ(quyền đánh) hàm(ngã),ổ nghiệt đá(Thiện Thệ) ,Phộc la(thù thắng)phộc tả năng(giáo ngữ), A mật lạt đá(cam lồ),Tị sái kế(quyền đánh), Ma ha(đại) mạn đát la(thần chú)-, bá nãi(danh tự), A hạ la(thành tựu), a hạ la(viên mãn),A dữu(thọ mạng) tán đà la ni(cứu tế) ,Thú đà dã(tịnh hóa), thú đà dã(tịnh hóa),Nga nga năng(như hư không), vĩ truật đệ(lệnh thanh tịnh), Ô sắt nị sái(Phật đánh),Vĩ nhạ dã(tối thắng), vĩ truật đệ(lệnh thanh tịnh),Sa hạ sa la(thiên bách),La thấp minh(quang minh),Tán tổ nễ đế(khai ngộ),Tát phộc đát tha nghiệt đá(nhất thiết Như Lai),Phộc lộ ca nĩnh(quán chiếu),Sát bá la nhĩ đa(lục ba la mật),Bả lị bố la nị(thành tựu),Tát phộc đát tha nghiệt đá(nhất thiết Như Lai),Hiệt lị ná dã(tâm),Địa sắt xá năng(thần lực gia trì),Địa sắt xỉ đá(thần lực gia trì) ,Ma

hạ(đại) mẫu nại lệ(ấn),Phộc nhật la(kim cang), ca
 dã(thân),Tăng hạ đá năng(bất diệt), vĩ truật đệ(lệnh
 thanh tịnh),Tát phộc phộc la noa(nghiệp chướng),Bả dã
 nạp nghiệt đế (tam khổ thú),Bả lệ vĩ truật đệ(lệnh thanh
 tịnh),Bát la đễ-nĩnh miệt đá dã(lệnh tăng),A dục(tho
 mạng) truật đệ(lệnh thanh tịnh), Tam ma dã(tam
 muội),Địa sắt xỉ đế(oai thần lực gia trì),Ma ni(ma ni
 châu), ma ni(ma ni châu),Ma ha(đại) ma ni(ma ni
 châu),Đát đạt đá(tự tánh chân như),Bộ đa cú trí(chân
 thật),Bả lệ truật đệ(phổ biến thanh tịnh),Vĩ đột-phổ
 tra(khai hóa),Một địa(tuệ giác), truật đệ(thanh tịnh),Nhạ
 dã(tôn thắng) nhạ dã(tôn thắng),Vĩ nhạ dã(tối thắng) ,
 vĩ nhạ dã(tối thắng) ,Sa ma la(niệm) ,Tát phộc(nhất
 thiết) một đà(Phật),Địa sắt xỉ đá (oai lực gia hộ)truật
 đệ(thanh tịnh),Phộc nhật lệ(kim cang), phộc nhật la(kim
 cang) nghiệt bệ(tạng) ,Phộc nhật lam(kim cang),Ba phộc
 đở(chuyển biến) ma ma(ngã),Xả lệ lam(thân thể),Tát
 phộc tát đát-phộc nan(nhất thiết hữu tình) tả(cập) ca
 dã(thân thể)-Vĩ truật đệ (phổ biến thanh tịnh),Tát phộc
 nga đế(nhất thiết lực đạo chúng sanh), Bả lệ truật
 đệ(thanh tịnh),Tát phộc đát tha nghiệt đá(nhất thiết Như
 Lai),Tam ma(an úy) thấp phộc sa diễn đở(cứu hộ),Tát
 phộc đát tha nghiệt đá(nhất thiết Như Lai),Tam ma(an
 úy) thấp phộc sa(cứu hộ),Địa sắt xỉ đế(oai lực gia trì),Một
 địa dã(giác), một địa dã(giác),Vĩ một địa dã(tỉnh
 giác),Mạo đà dã(ngộ), mạo đà dã(ngộ),Vĩ mạo đà dã(tỉnh
 ngộ), vĩ mạo đà dã(tỉnh ngộ),Tam ma đá(châu biến thập
 phương),Ba lệ truật đệ(phổ biến thanh tịnh),Tát phộc đát
 tha nghiệt đá(nhất thiết Như Lai),Hiệt lệ ná dã(tâm),Địa
 sắt xá năng(oai lực hộ trì),Địa sắt xỉ đá(oai lực hộ trì),Ma
 hạ(đại) mẫu nại lệ(Phật ấn),Sa phộc hạ(thành tựu viên
 mãn).

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

śāntika-śrīya dhāraṇī

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ

Kinh ghi chép rằng : Một hôm,Đức Phật ở tại cung trời Tịnh Cư thuyết pháp. Ngài bảo các vị sao tinh tú, các vị thiên thần trong pháp hội, cách đây không xa có Đức Phật Ta La Vương Như Lai,vì thương tưởng chúng sanh,đã tuyên thuyết thần chú “Xí Thạnh Quảng Đại Uy Đức Đà La Ni” là phương pháp để giải tai nạn và tật ách..vv... .Nếu có người nào ,trì niệm đà la ni này từ 108 biến đến 1000 biến,nhất tâm hồi hướng cầu tiêu tai giải nạn,khi tai nạn đến liền được hóa giải,sau khi chết được vãng sanh thế giới tây phương cực lạc.

Phạn ngữ chú:

namaḥ samanta-buddhānāṃ apratihata-sāsanānāṃ
tadyathā oṃ kha kha khā hi khā hi hūṃ hūṃ jvala jvala
prajvala prajvala tiṣṭhā tiṣṭhā ṣṭri ṣṭri sphaṭa sphaṭa
sāntika śrīye svāhā

Phát âm theo Phạn ngữ:

Na ma,sa mǎn ta- bút đǎ nam,a pơ ra ti ha tha,sà sa
na nam,ta đi da tha:ôm kha,kha,khà hi,khà
hi,hùm,hùm,di va la,di va la,pơ ra di va la,pơ ra di va la ,ti
si tha,sờ tri,sờ tri,sà pha ta,sà pha ta,sǎn ti ka ,sờ ri
dê,sóa ha.

Hoa ngữ chú:

曩謨三滿哆。母馱喃。阿鉢囉底。賀多舍。娑曩
喃。怛姪他。唵。佉佉。佉呬。佉呬。吽吽。入縛囉。
入縛囉。鉢囉入縛囉。鉢囉入縛囉。底瑟姪。底瑟姪。
瑟致哩。瑟致哩。娑發吒。娑發吒。扇底迦。室哩曳。
娑縛訶。

Hán Việt ngữ chú:

Năng mờ tam mãn đa, mẫu đà nắm. Á bát ra đế, hạ
đa xá ta năng nắm. Đát điệt tha. Án, khô khô, khô hế, khô
hế, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ
ra, bát ra nhập phạ ra, đế sắc sá, đế sắc sá, sắc trí rị, sắc
trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến đế ca thất rị duệ, ta
phạ ha.

Chú thích Phạn ngữ chú:

namaḥ(kính lễ) samanta(phổ chiếu)-
buddhānām(Phật- Thế Tôn) apratihata(vô chướng ngại)-
śāsanānām(giáo pháp) tadyathā(thuyết chú) oṃ(quy
mệnh) kha(hư không) kha(hư không) khā(thiên không)
hi(dung thông) khā(thiên không) hi(dung thông)
hūṃ(chư Phật mật ngữ) hūṃ (chư Phật mật
ngữ)jvala(quang minh) jvala(quang minh) prajvala(đại
quang minh) prajvala(đại quang minh) tiṣṭhā(hiện tại)
tiṣṭhā(hiện tại) ṣṭri(oan kết giải khai) ṣṭri(oan kết giải
khai) sphaṭa(tồi phá) sphaṭa(tồi phá) śāntika(tiêu tai)
śrīye(cát tường) svāhā(viên mãn thành tựu).

Chú thích nghĩa Hán Việt ngữ chú:

Năng mờ(kính lễ) tam mãn đa(phổ chiếu), mẫu đà
nắm(Phật- Thế Tôn). Á bát ra đế(vô chướng ngại), hạ đa
xá ta năng nắm(giáo pháp). Đát điệt tha(thuyết chú).
Án(quy mệnh), khô(hư không) khô(hư không),
khô(thiên không) hế(dung thông), khô(thiên không)
hế(dung thông), hồng(chư Phật mật ngữ) hồng(chư Phật
mật ngữ), nhập phạ ra(quang minh), nhập phạ ra(quang
minh), bát ra nhập phạ ra(đại quang minh), bát ra nhập

phạ ra(đại quang minh), để sắc sá(hiện tại), để sắc sá(hiện tại), sắc trí rị(oan kết giải khai), sắc trí rị(oan kết giải khai), ta phẩn tra(tồi phá), ta phẩn tra(tồi phá), phiến để ca (tiêu tai) thất rị duệ(cát tường), ta phạ ha(viên mãn thành tựu).



NGHI THỨC TRÌ NIỆM CHÚ ĐẠI BI

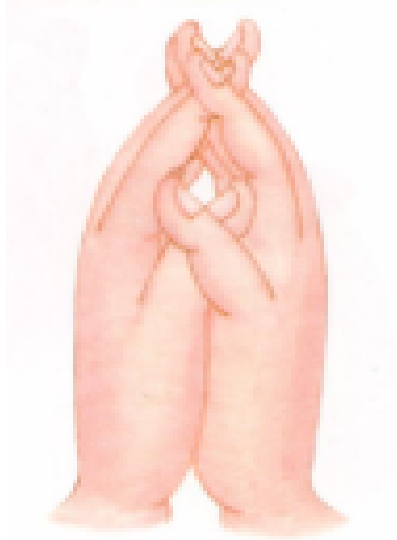
Ôm bút đa(3 lần).

Ôm đa ma(3 lần).

Ôm sãng ga da(3 lần).

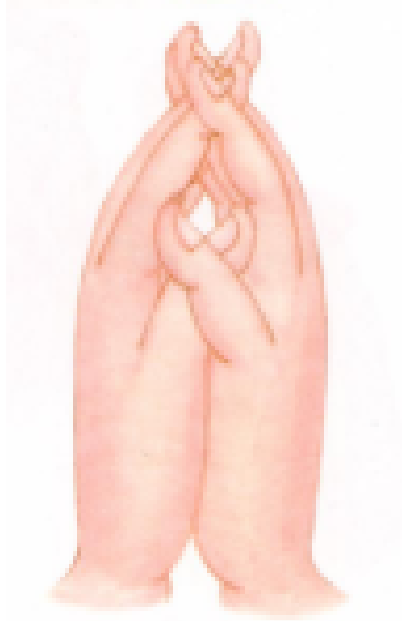
Tịnh Pháp Giới Chơn Ngôn

Ôm ram(7 lần).



Hộ Thân Chơn Ngôn

Ôm si rum(7 lần).



Nguyện Hương

Nguyện thử diệu hương vân.
Biển mãn thập phương giới.
Cúng dường nhứt thiết Phật.
Tôn pháp chư Bồ tát.
Vô biên Thanh văn chúng.
Cập nhứt thiết Thánh Hiền.
Duyên khởi quang minh đài.
Xứng tánh tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh.
Giai phát Bồ đề tâm.
Viễn ly chư vọng nghiệp.
Viên thành Vô thượng đạo.

Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát(3 lần).

Quán Tưởng

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Na mô-bút đa da (1 lạy).

Na mô-đa ma da (1 lạy).

Na mô-săng ga da (1 lạy).

Kỳ Nguyện (quỳ niệm)

Đệ tử chúng đấng, nguyện thập phương thường trú
Tam bảo, Bốn sự Thích Ca Mâu Ni Phật, Tiếp dẫn Đạo Sư
A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát, Từ bi gia hộ đệ
tử... pháp danh...Nguyện nghiệp chướng tiêu trừ, bồ đề
tâm kiên cố, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, dữ
pháp giới chúng sanh, nhứt thời đồng đắc A nậu Đa La
Tam Miệu Tam Bồ đề.(1 lạy)

Nam Mô Quá Khứ Chánh Pháp Minh Vương Phật, hiện tại
hóa thân thiên thủ thiên nhãn Quán Thế Âm Bồ Tát (3
lần)

Khể thủ Quán Âm đại bi chủ.

Nguyện lực hồng thâm tướng hảo thân.

Thiên tỷ trang nghiêm phổ hộ trì.

Thiên nhãn quang minh biến quán chiếu.

Chân thật ngữ trung tuyên mật ngữ.

Vô vi tâm nội khởi bi tâm.
Tốc lệnh mãn túc chư hy cầu.
Vĩnh sử diệt trừ chư tội nghiệp.
Long thiên thánh chúng đồng từ hộ.
Bách thiên tam muội đốn huân tu.
Thụ trì thân thị quang minh chàng.
Thụ trì tâm thị thần thông tạng.
Tỷ địch trần lao nguyện tế hải.
Siêu chứng bồ đề phương tiện môn.
Ngã kim xưng tụng thệ quy y.
Sở nguyện từng tâm tất viên mãn.

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tốc tri nhất thiết pháp. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tảo đắc trí tuệ nhãn. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tốc độ nhất thiết chúng. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tảo đắc thiện phương tiện. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tốc thừa bàn nhược thuyền. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tảo đắc việt khổ hải. (1 lay)

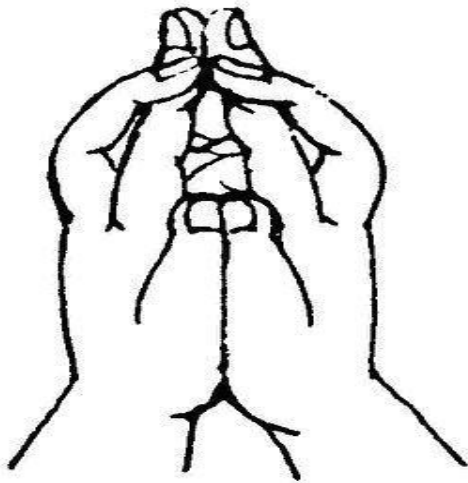
Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tốc đắc giới định đạo. (1 lay)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tảo đặng niết bàn sơn. (1 lạy)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm .
Nguyện ngã tốc hội vô vi xá. (1 lạy)

Nam mô đại bi Quán Thế Âm.
Nguyện ngã tảo đồng pháp tính thân.(1 lạy)

Đại Luân Kim Cang Đà La Ni:



(Đại Luân Kim Cang ấn)

Na ma,tơ ri da đi vi ka nam,sòa va,ta tha ga ta
nam,àm,vi ra di,vi ra di,ma ha,cha cờ ra,va di ra,sa ta-sa
ta,sà ra tê-sà ra tê,tơ ra i-tơ ra i,vi đà ma ni-sam ba da
ni,tơ ra ma ti,si đà gờ ri da,tơ ram,soa ha.(7 lần)



Đại Bi Chú Ấn

Đại Bi phạn ngữ chú:

Nam mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát.

Thiên Thủ Thiên Nhãn Vô Ngại Đại Bi Tâm Đà La Ni.

Na mô-a ri da-va lô ki tê sơ va ra da-bô đi sát toa da.

1. Na ma ,rát na tra dà da.
2. Na ma a ri da.

3. A va lô ki tê soa ra da.
4. Bô đi sát toa da.
5. Ma ha sát toa da.
6. Ma ha ka ru ni kà da.
7. Ôm.
8. Sa và, ra ba dê.
9. Su đa na đát da.
10. Nam mô, sờ rít toa, i môm -A ri da
11. Va lô ki tê sơ va ra ,ram đa va.
12. Na mô- na ra kin đi.
13. Hê ri ma ha -Va đa sa mê.
14. Soa va, a tha,đu su hum.
15. A dề dam.
16. Sát va -sa toa.
17. Na mô va ga.
18. Ma va đu đu,Ta đi da tha:
19. Ôm.
20. A va lô ki,lô ka tê,
21. Ka ra tê
22. ê hờ ri
23. Ma ha bô đi sát toa.
24. Sa va- sa va.
25. Ma la- ma la.
26. Ma hê, ma hê đa dam.
27. Ku ru ku ru, ka mum.
28. Đu ru đu ru, va di dà tê.
29. Ma ha va di dà tê.
30. Đà ra đà ra.
31. Đi ri ni.
32. soa ra da.
33. Cha la cha la.
34. Ma ma va ma ra.
35. Mu ki tê lê.

36. Ê hê ê hê.
37. Chin đa chin đa.
38. A sam-pơ ra cha li.
39. Va sa va sam.
40. Bờ ra sá da.
41. Hu ru hu ru, ma ra.
42. Hu ru hu ru hơ ri.
43. Sa ra sa ra.
44. Si ri si ri.
45. Su ru su ru.
46. Bô đi da, bô đi da.
47. Bô đà da, bô đà da.
48. Mai tri da.
49. Na ra kin đi.
50. Đa si ni na.
51. Pa da ma na.
52. Soa ha.
53. Sít đà da,.
54. Soa ha.
55. Ma ha sít đà da.
56. Soa ha.
57. Sít đà dô gê.
58. Sờ va ra da.
59. Soa ha.
60. Na ra kin đi.
61. Soa ha.
62. Ma ra na ra.
63. Soa ha.
64. Si ra sam, a mu khà da.
65. Soa ha.
66. Sa va, ma ha a sít đà da.
67. Soa ha.
68. Chác ra, a sít đà da,

69. Soa ha.
70. Pát ma kát ta da.
71. Soa ha.
72. Na ra kin đi, va ga ra da.
73. Soa ha.
74. Ma va ri, sấn kha ra da.
75. Soa ha.
76. Na ma - rát na tra dà da.
77. Na mô- a ri da.
78. Va lô ki tê.
79. Soa ra da.
80. Soa ha.
81. Ôm.Sít dên tu.
82. Man tra.
83. Pa đa da.
84. Soa ha.(3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhưt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng: bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh, diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô

quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng
tưởng cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A
nậu Đa la tam miệu tam Bồ đề.

Cổ tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại
minh chú, thị Vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng
trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư. Cổ thuyết Bát nhã Ba
la mật đa chú, tức thuyết chú viết: “Yết đế yết đế, ba la yết
đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.”

Tán Phật

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di,
Hám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang Trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ tát chúng diệc vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đẳng bỉ ngạn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại
Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.
Nam mô A Di Đà Phật. (18 lần)
Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát (3 lần)
Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (3 lần)
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát (3 lần)
Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát (3
lần)

Hồi Hương

Trì chú công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hương.
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,
Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu.
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ tát đạo.

Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.
Bất thối Bồ tát vi bạn hữu.

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.

Tam Quy Y

Tự Quy y Phật,đương nguyện chúng sanh,thể giải đại
đạo,phát Vô thượng tâm.(1 lạy)

Tự Quy y Pháp,đương nguyện chúng sanh,thâm nhập
kinh tạng,trí huệ như hải.(1 lạy)

Tự Quy y Tăng,đương nguyện chúng sanh,thống lý đại
chúng,nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)

NGHI THỨC TRÌ NIỆM CHÚ DƯỢC SƯ

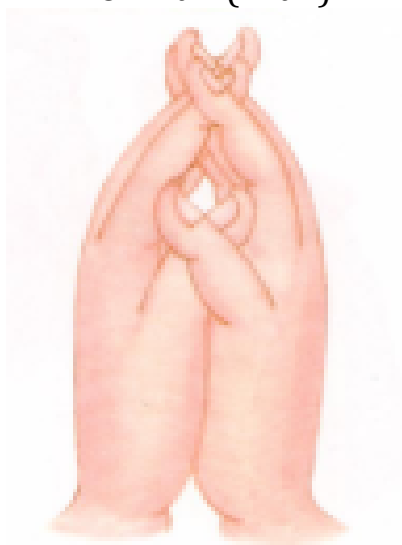
Ôm bút đa(3 lần).

Ôm đa ma(3 lần).

Ôm săng ga da(3 lần).

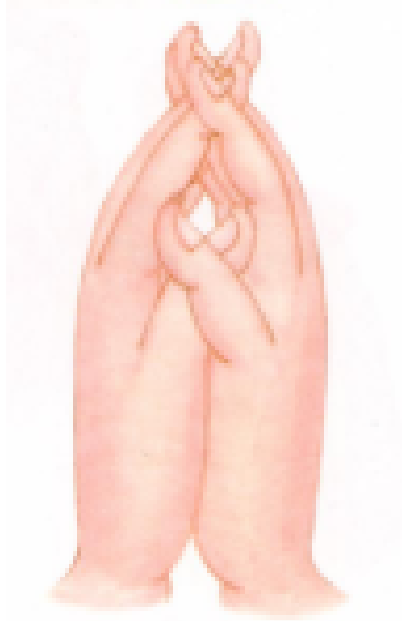
Tịnh Pháp Giới Chơn Ngôn

Ôm ram(7 lần).



Hộ Thân Chơn Ngôn

Ôm si rum(7 lần).



Nguyện Hương

Nguyện thử diệu hương vân.
Biển mẫn thập phương giới.
Cúng dường nhứt thiết Phật.
Tôn pháp chư Bồ tát.
Vô biên Thanh văn chúng.
Cập nhứt thiết Thánh Hiền.
Duyên khởi quang minh đài.
Xứng tánh tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh.
Giai phát Bồ đề tâm.
Viễn ly chư vọng nghiệp.
Viên thành Vô thượng đạo.

Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát(3 lần).

Quán Tưởng

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Na mô-bút đa da (1 lạy).

Na mô-đa ma da (1 lạy).

Na mô-săng ga da (1 lạy).

Kỳ Nguyện (quỳ niệm)

Đệ tử chúng đấng, nguyện thập phương thường trú Tam Bảo, Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật, Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát, Từ bi gia hộ đệ tử... pháp danh...Nguyện nghiệp chướng tiêu trừ, bệnh trừ tội diệt, thường hoạch cát tường, viễn ly khổ ách. Kỳ nguyện oai thần tam bảo, gia hộ đệ tử, bồ đề tâm kiên cố, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, dữ pháp giới chúng sanh, nhưt thời đồng đắc A nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề. (1 lạy)

Đệ tử.....tự tánh nhất tâm kính lễ Nam Mô Đông Phương Dược Sư Thất Phật, Như Lai Thế Tôn. (1 lạy)

Nam mô đông phương quang thắng thế giới. Thiện Danh Xưng Cát Tường Vương Như Lai. (1 lạy)

Nam mô đông phương diệu bảo thế giới. Bảo Nguyệt Trí Nghiêm Quang Âm Tự Tại Vương Như Lai. (1 lạy)

Nam mô đông phương viên mãn hương tích thế giới. Kim Sắc Bảo Quang Diệu Hạnh Thành Tựu Như Lai.(1 lạy)

Nam mô đông phương vô ưu thế giới. Vô Ưu Tối Thắng Cát Tường Như Lai.(1 lạy)

Nam mô đông phương pháp chàng thế giới. Pháp Hải Lô Âm Như Lai.

Nam mô đông phương thiện trụ bảo hải thế giới. Pháp Hải Thắng Tuệ Du hí Thần Thông Như Lai.(1 lạy)

Nam mô đông phương tịnh lưu ly thế giới. Dược Sư Lưu Ly Quang Như Lai.(1 lạy)

Nam mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát.(1 lạy)

Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát.(1 lạy)

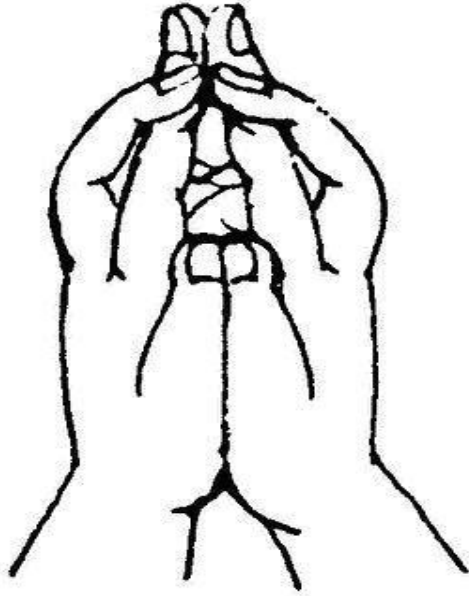
Nam mô Dược Sư Hội Thượng Phật Bồ Tát.(1 lạy)

Phụng Thỉnh 12 đại tướng Dược Xoa.

- Phụng Thỉnh Cung Tỳ La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Phạt Chiết La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Mê Xí La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh An Đế La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Át Nễ La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh San Đế La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Nhân Đạt La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Ba Di La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Ma Hổ Ha Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Chân Đạt La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Chiêu Đổ La Đại Tướng.
- Phụng Thỉnh Tỳ Yết La Đại Tướng.

Nam Mô Dược Sư Lưu Ly Quang Vương Phật(3 lần)

Đại Luân Kim Cang Đà La Ni:



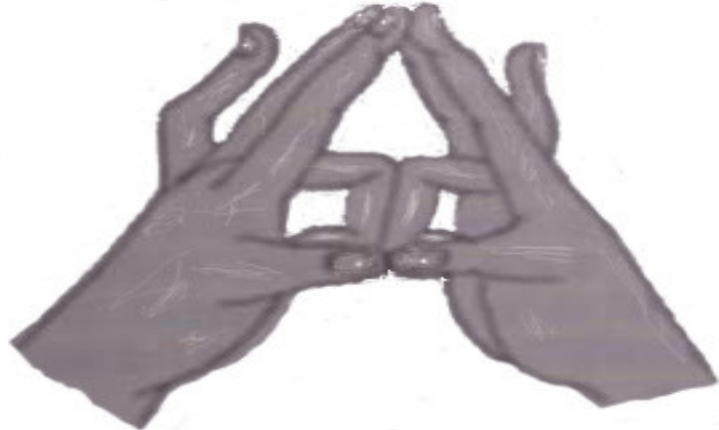
(Đại Luân Kim Cang ấn)

Na ma,tơ ri da đi vi ka nam,sòa va,ta tha ga ta
nam,àm,vi ra di,vi ra di,ma ha,cha cò ra,va di ra,sa ta-sa
ta,sà ra tê-sà ra tê,tơ ra i-tơ ra i,vi đà ma ni-sam ba da
ni,tơ ra ma ti,si đà gờ ri da,tơ ram,soa ha.(7 lần)

Thập Nhị Dược Xoa Chú:



Thập Nhị Thân Tướng ấn



*Thập Nhị Thân Tướng
khiên ấn*

Na mô-bút đa da.Na mô-đa ma da.Na ma-săng ga da.

Na mô ,rát na-tra dà da ,na ma,a ri da ,va lô ki tê,sờ va ra da,bô đi sát toa da,ma ha sát toa da, ma ha, kà lô ni kà da,tát đi da tha.Ôm ,cha cờ ra-voa ti, chin ta-ma ni,ma ha-pát mê ,ru ru ,ti si tha ,di va la -a kà ra sà da,hùm ,phát, soa ha.Ôm , pát ma,chin ta-ma ni,di va la,hùm.Ôm , va ra da pát mê -hùm!

Dược Sư Quán Đảnh Chơn Ngôn:



(Dược Sư ấn)

Na mô, ba ga pha tê,bai sa da,gu ru,vai đu da,pơ ra ba,ra già da,ta tha ga ta da,a ha tê-sam đắ,sam bút đà da,ta đi da tha.Ôm,bai sa dê,bai sa dê,bai sa da,sa mút ga tê,soa ha.(7,21,49,108 biến)

Giải kiết,giải kiết giải oan kiết,
Nghiệp chướng bao đời tiêu giải hết,
Rửa sạch lòng trần phát tâm thành kính,
Đối trước Phật đài cầu xin giải kiết,
Dược sư Phật,Dược Sư Phật,
Tiêu tai diên thọ Dược Sư Phật,
Tùy tâm mãn nguyện Dược Sư Phật.

Nam mô đông phương tịnh lưu ly thể giới。 Dược Sư Lưu Ly Quang Phật.

Nam mô Dược Sư Lưu Ly Quang Phật. (18 lần)

Nam mô Nhật Quang Biến Chiếu Bồ Tát.(3 lần)
Nam mô Nguyệt Quang Biến Chiếu Bồ Tát.(3 lần)
Nam mô Dược Sư Hội Thượng Phật Bồ Tát.(3 lần)

Hồi Hương

Trì chú công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hương.
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,
Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu.
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ tát đạo.

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.

Tam Quy Y

Tự Quy y Phật,đương nguyện chúng sanh,thể giải đại
đạo,phát Vô thượng tâm.(1 lạy)

Tự Quy y Pháp,đương nguyện chúng sanh,thâm nhập
kinh tạng,trí huệ như hải.(1 lạy)

Tự Quy y Tăng,đương nguyện chúng sanh,thống lý đại
chúng,nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)

**NGHI THỨC MÔNG SƠN
THÍ THỰC ẨM PHÁP
(CÚNG CÔ HỒN)**



Nam mô Diệm Nhiên Vương Bồ tát. (3 lần)

Mãnh hỏa diệm diệm chiếu thiết thành
Thiết thành lý diệm nhiệt cô hồn
Cô hồn nhược yếu sanh Tịnh độ
Thính tụng Hoa Nghiêm bán kệ kinh:

Nhược nhờn dục liễu tri
Tam thế nhứt thiết Phật
Ưng quán pháp giới tánh
Nhứt thiết duy tâm tạo.

PHÁ ĐỊA NGỤC CHƠN NGÔN:



(Phá địa ngục ấn)

Ấn dà ra để da Ta bà ha. (3 lần)

PHỔ TRIỆU THỈNH CHƠN NGÔN:



(Triệu thỉnh ấn)

Nam mô bộ bộ đế rị, dà rị đa rị đất đa nga đa da. (3 lần)

GIẢI OAN KIẾT CHƠN NGÔN:



(Giải oan kiết ấn)

Ấn tam đà ra dà đà Ta bà ha. (3 lần)

THỈNH TAM BẢO :



(Thỉnh tam bảo ấn)

Nam mô Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh. (3 lần)

Nam mô thường trụ thập phương Phật

Nam mô thường trụ thập phương Pháp

Nam mô thường trụ thập phương Tăng

Nam mô Bốn sư Thích Ca Mâu Ni Phật

Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát

Nam mô Minh Dương Cứu khổ Địa Tạng Vương Bồ tát

Nam mô khải giáo A Nan Đà tôn giả.

(Bảy câu trên đây tụng 3 lần)

Quy y Phật, Quy y Pháp, Quy y Tăng.

Quy y Phật lương túc tôn,

Quy y Pháp ly dục tôn,

Quy y Tăng chúng trung tôn.

Quy y Phật cánh, Quy y Pháp cánh, Quy y Tăng cánh.

(Ba câu trên đây tụng 3 lần)



(Sám hối ẩn)

Phật tử sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham, sân, si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt thiết Phật tử giai sám hối.

Hữu tình sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham, sân, si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt thiết Hữu tình giai sám hối.

Cô hồn sở tạo chư ác nghiệp,
Giai do vô thỉ tham, sân, si,
Tùng thân ngũ ý chi sở sanh,
Nhứt thiết Cô hồn giai sám hối.



(Phát nguyện ấn)

Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ,
Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thệ nguyện học,
Phật đạo Vô thượng thệ nguyện thành.
(Bốn câu trên đây tụng 3 lần)

Tự tánh chúng sanh thệ nguyện độ,
Tự tánh phiền não thệ nguyện đoạn,
Tự tánh pháp môn thệ nguyện học,
Tự tánh Phật đạo thệ nguyện thành.
(Bốn câu trên đây tụng 3 lần)

**ĐỊA TẠNG BỒ TÁT DIỆT ĐỊNH
NGHIỆP CHƠN NGÔN:**



(Địa Tạng Bồ Tát diệt định nghiệp ấn)

Án bát ra mật lân đà nãnh ta bà ha. (3 lần)

**QUÁN ÂM BỒ TÁT DIỆT NGHIỆP
CHƯƠNG CHƠN NGÔN:**



(Quán Âm Bồ Tát diệt định nghiệp ấn)

Án a lổ lạc kế ta bà ha. (3 lần)

KHAI YẾT HẦU CHƠN NGÔN:



(Khai yết hầu ấn)

Án bộ bộ để rị, dà rị đa rị, đát đa nga đa da. (3 lần)

TAM MUỘI DA GIỚI CHƠN NGÔN:



(Tam muội da giới ấn)

Án tam muội da Tát đỏa phạm. (3 lần)

BIẾN THỰC CHƠN NGÔN:



(Biến thực ấn)

Nam mô tát phạ đát tha, nga đa phạ lồ chỉ đế, án tam bạt ra, tam bạt ra hồng. (3 lần)

CAM LỒ THỦY CHƠN NGÔN:



(Cam lồ thủy ấn)

Nam mô tô rô bà da, đát tha nga đa da, đát thiết tha, án tô rô tô rô, bát ra tô rô, bát ra tô rô, Ta bà ha. (3 lần)

NHỨT TỰ THỦY LUÂN CHƠN NGÔN:



(Nhất tự thủy luân ấn)

Án noan noan noan noan noan. (3 lần)

NHŨ HẢI CHƠN NGÔN:



(Nhũ hải ấn)

Nam mô tam mãn đà mẫu đà nẫm án noan. (3 lần)



(Thất Phật gia trì ấn)

Nam mô Đa Bảo Như Lai.

Nam mô Bảo Thắng Như Lai.

Nam mô Diệu Sắc Thân Như Lai.

Nam mô Quảng Bát Thân Như Lai.

Nam mô Ly Bồ Úy Như Lai.
Nam mô Cam Lồ Vương Như Lai.
Nam mô A Di Đà Như Lai.
(Bảy câu trên đây tụng 3 lần)



(Gia trì tịnh pháp thực ấn)

Thần chú gia trì Tịnh pháp thực,
Phổ thí hà sa chúng Phật tử,
Nguyện giai bảo mãn xả xan tham,
Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,
Quy y Tam bảo phát Bồ đề,
Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,
Công đức vô biên tận vị lai,
Nhứt thiết Phật tử đồng pháp thực.

Thần chú gia trì Pháp thí thực,
Phổ thí hà sa chúng Hữu tình,
Nguyện giai bảo mãn xả xan tham,
Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,
Quy y Tam bảo phát Bồ đề,
Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,
Công đức vô biên tận vị lai,

Nhứt thiết Hữu tình đồng pháp thực.

Thần chú gia trì Cam lồ thủy,
Phổ thí hà sa chúng Cô hồn,
Nguyện giai bảo mãn xả xan tham,
Tốc thoát u minh sanh Tịnh độ,
Quy y Tam bảo phát Bồ đề,
Cứu cánh đắc thành Vô thượng đạo,
Công đức vô biên tận vị lai,
Nhứt thiết Cô hồn đồng pháp thực.
(Đến bàn thờ Cô hồn, hồi một hồi khánh và tụng)



(Bố thực ấn)

Nhữ đẳng Phật tử chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thử thực biến thập phương.
Nhứt thiết Phật tử cộng,

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dĩ Phật tử,
Giai cộng thành Phật đạo.

Nhữ đẳng Hữu tình chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thử thực biến thập phương.
Nhứt thiết Hữu tình cộng,
Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dĩ Hữu tình,
Giai cộng thành Phật đạo.

Nhữ đẳng Cô hồn chúng,
Ngã kim thí nhữ cúng,
Thử thực biến thập phương.
Nhứt thiết Cô hồn cộng,
Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dĩ Cô hồn,
Giai cộng thành Phật đạo.

THÍ VÔ GIÁ THỰC CHƠN NGÔN:



(Thí vô giá thực ấn)
Án mục lực lãng ta bà ha. (3 lần)

PHỔ CÚNG DƯỜNG CHƠN NGÔN:



(Phổ cúng dường ấn)

Án nga nga nằng tam bà, phạ phiệt nhựt ra hồng. (3 lần)
(Trở về bàn Phật)



(Bát nhã ấn)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng: bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh, diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A nậu Đa la tam miệu tam Bồ đề.

Cổ tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị Vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ chơn thiết bất hư.

Cổ thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết:
“Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.” (3 lần)

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN:



(Vãng sanh tịnh độ ấn)

Nam mô A di đà bà dạ, đà tha già đà dạ, đà diệt dạ tha. A di rị đô bà tỳ, a di rị đà, tất đăm bà tỳ. A di rị đà, tỳ ca lan đế. A di rị đà, tỳ ca lan đà, già di nị, già già na, chỉ đà ca lệ, ta bà ha. (3 lần)



(Phổ nguyện gia trì ấn)

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường
Trú dạ lục thời hằng kiết tường
Nhứt thiết thời trung kiết tường giả
Nguyện chư Thượng sư ai nhiếp thọ.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường
Trú dạ lục thời hằng kiết tường
Nhứt thiết thời trung kiết tường giả
Nguyện chư Tam bảo ai nhiếp thọ.

Nguyện trú kiết tường, dạ kiết tường
Trú dạ lục thời hằng kiết tường
Nhứt thiết thời trung kiết tường giả

Nguyện chư Hộ Pháp thường ủng hộ.

Tứ sanh đặng ư bửu địa
Tam hữu thác hóa liên trì
Hà sa Ngạ quỷ chứng Tam hiền
Vạn loại hữu tình đặng Thập địa.

TÁN PHẬT

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di,
Hám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ tát chúng diệp vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đặng bỉ ngạn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại
Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.
Nam mô A Di Đà Phật. (nhiều ít tùy ý)
Nam mô Đại Bi Quán Thế Âm Bồ tát (3 lần)
Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (3 lần)
Nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát (3 lần)
Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát
(3 lần)

SÁM NHẤT TÂM (quỳ tụng)

Nhứt tâm quy mạng, Cực lạc thế giới A Di Đà Phật,
nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã, từ thệ nhiếp ngã. Ngã
kim chánh niệm, xưng Như Lai danh, vị Bồ đề đạo, cầu
sanh Tịnh độ.

Phật tích bốn thế: nhược hữu chúng sanh, dục sanh ngã quốc chí tâm tín nhạo, xưng ngã danh hiệu, nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả, bất thủ chánh giác. Dĩ thử niệm Phật nhưn duyên, đắc nhập Như Lai. Đại thế hải trung, thừa Phật từ lực, chúng tội tiêu diệt, thiện căn tăng trưởng, nhược lâm dục mạng chung, tự tri thời chí, thân vô bệnh khổ, tâm bất tham luyến, ý bất điên đảo, như nhập thiền định. Phật cập Thánh chúng, thủ chấp kim đài, lai nghinh tiếp ngã, ư nhưt niệm khoảnh, sanh Cực lạc quốc, hoa khai kiến Phật, tức văn Phật thừa, đốn khai Phật huệ, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ đề nguyện, quảng độ chúng sanh, mãn Bồ đề nguyện.

TÁN LỄ

Tán lễ Tây phương, Cực lạc thanh lương, Liên trì cửu phẩm hoa hương, bảo thọ thành hàng; thường văn thiên nhạc kiện tương, A Di Đà Phật đại phóng từ quang, hóa đạo chúng sanh vô lượng, giáng kiết tường, hiện tiền chúng đấng ca dương, nguyện sanh an dưỡng, hiện tiền chúng đấng ca dương, đồng sanh an dưỡng.

THỊ NHỰT

Thị nhựt dĩ quá, mạng diệc tùy giảm, như thiếu thủy ngư, tư hữu hà lạc, đại chúng đương cần tinh tấn, như cứu đầu nhiên, đản niệm vô thường, thận vật phóng dật.

Hồi Hương

Phúng kinh công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hướng.
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.
Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,

Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu.
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ tát đạo.
Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.
Bất thối Bồ tát vi bạn lữ,
Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.

Tam Quy Y

Tự quy y Phật,
Đương nguyện chúng sanh,
Thể giải đại đạo,
Phát Vô thượng tâm. (1 lạy)

Tự quy y pháp,
Đương nguyện chúng sanh,
Thâm nhập kinh tạng,
Trí tuệ như hải. (1 lạy)

Tự quy y Tăng,
Đương nguyện chúng sanh,
Thống lý đại chúng,
Nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)
(Hòa Nam Thánh Chúng)

NGHI THỨC TRÌ NIỆM CHÚ CHUẨN ĐỀ

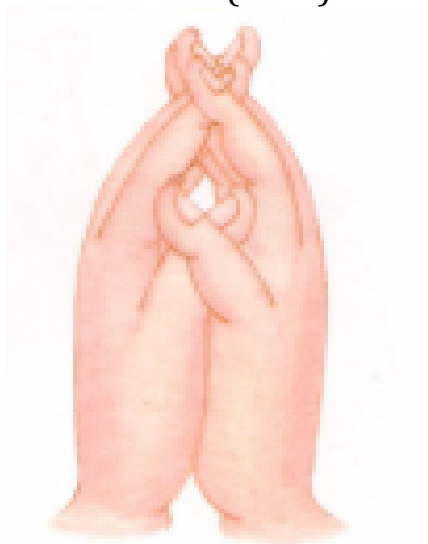
Ôm bút đa(3 lần).

Ôm đa ma(3 lần).

Ôm săng ga da(3 lần).

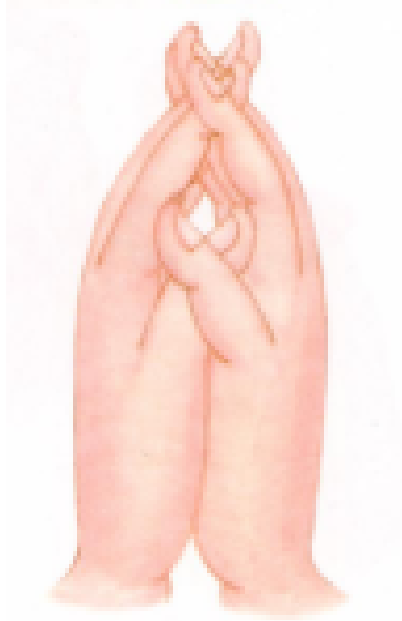
Tịnh Pháp Giới Chơn Ngôn

Ôm ram(7 lần).



Hộ Thân Chơn Ngôn

Ôm si rum(7 lần).



Nguyện Hương

Nguyện thử diệu hương vân.
Biển mẫn thập phương giới.
Cúng dường nhứt thiết Phật.
Tôn pháp chư Bồ tát.
Vô biên Thanh văn chúng.
Cập nhứt thiết Thánh Hiền.
Duyên khởi quang minh đài.
Xứng tánh tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh.
Giai phát Bồ đề tâm.
Viễn ly chư vọng nghiệp.
Viên thành Vô thượng đạo.

Nam mô Hương Cúng Dường Bồ Tát(3 lần).

Quán Tưởng

Năng lễ, sở lễ tánh không tịch,
Cảm ứng đạo giao nan tư nghì,
Ngã thử đạo tràng như Đế châu,
Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.
Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,
Đầu diện tiếp túc quy mạng lễ.

Na mô-bút đa da (1 lạy).

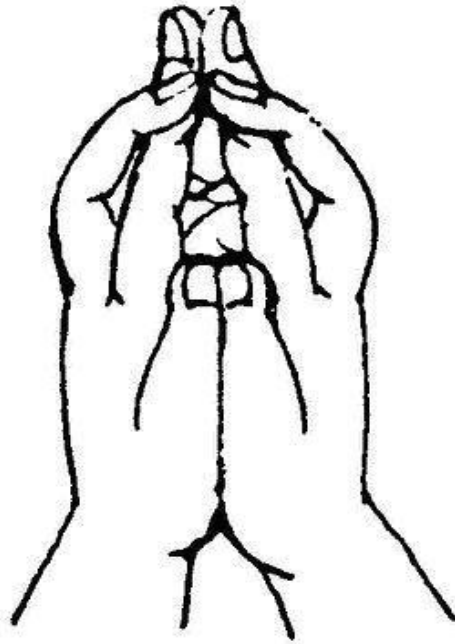
Na mô-đa ma da (1 lạy).

Na mô-săng ga da (1 lạy).

Kỳ Nguyện (quỳ niệm)

Đệ tử chúng đấng, nguyện thập phương thường trú Tam Bảo, Bốn sự Thích Ca Mâu Ni Phật, A Di Đà Phật, Đại Thánh Chuẩn Đề Vương Bồ Tát, Từ bi gia hộ đệ tử... pháp danh...Nguyện nghiệp chướng tiêu trừ, thường hoạch cát tường, viễn ly khổ ách. Kỳ nguyện oai thần tam bảo, gia hộ đệ tử, bồ đề tâm kiên cố, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, dữ pháp giới chúng sanh, nhứt thời đồng đắc A nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ đề. (1 lạy)

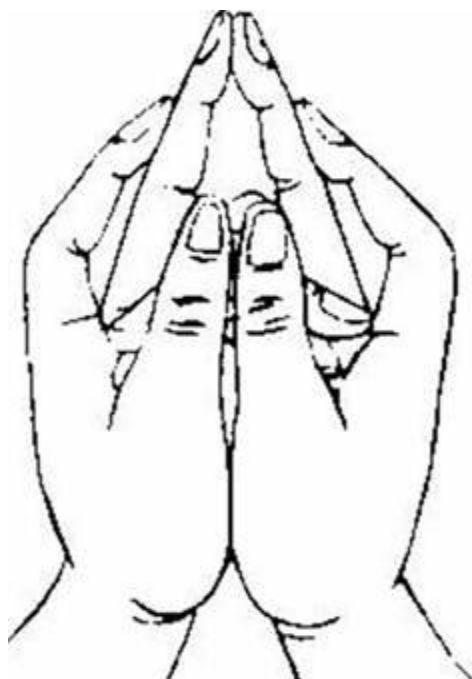
Đại Luân Kim Cang Đà La Ni:



(Đại Luân Kim Cang ấ)

Na ma,tơ ri da đi vi ka nam,sòa va,ta tha ga ta
nam,àm,vi ra di,vi ra di,ma ha,cha cờ ra,va di ra,sa ta-sa
ta,sà ra tê-sà ra tê,tơ ra i-tơ ra i,vi đà ma ni-sam ba da
ni,tơ ra ma ti,si đà gờ ri da,tơ ram,soa ha.(7 lần)

Chuẩn Đề Thần Chú:



(Chuẩn Đề ấn)

Na ma,sáp ta nam ,sam dất sam bút đa,cô thi nam,
ta đi da tha:ôm,cha lê ,chu lê ,chuẩn đề,soa hoa.(21 lần)

Tán kệ

Chuẩn Đề công đức tụ.

Tịch tịnh tâm thường tụng.
Nhứt thiết chư đại nạn.
Vô năng xâm thị nhơn.
Thiên thượng cập nhơn gian.
Thọ phước như Phật đấng.
Ngộ thử như ý châu.
Định hoạch vô đấng đấng.

Ngã kim trì tụng Đại Chuẩn Đề.
Tốc phát Bồ đề quảng đại nguyện.
Nguyện ngã định huệ tốc viên minh.
Nguyện ngã công đức giai thành tựu.
Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm.
Nguyện cộng chúng sinh thành Phật đạo.

Nam mô Chuẩn Đề Vương Bồ Tát(3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ tát hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhứt thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức, diệc phục như thị. Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng: bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị xúc, pháp; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh, diệc vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề Tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô

quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng
tưởng cứu cánh Niết bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã Ba la mật đa cố, đắc A
nậu Đa la tam miệu tam Bồ đề.

Cổ tri Bát nhã Ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại
minh chú, thị Vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng
trừ nhứt thiết khổ chơn thiệt bất hư. Cổ thuyết Bát nhã Ba
la mật đa chú, tức thuyết chú viết: “Yết đế yết đế, ba la yết
đế, ba la tăng yết đế, Bồ đề tát bà ha.”

Tán Phật

A Di Đà Phật thân kim sắc,
Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.
Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu di,
Hám mục trùng thanh tứ đại hải.
Quang Trung hóa Phật vô số ức,
Hóa Bồ tát chúng diệp vô biên,
Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,
Cửu phẩm hàm linh đấng bỉ ngạn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại
Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật.

Nam mô A Di Đà Phật. (18 lần)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ tát (3 lần)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ tát (3 lần)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ tát
(3 lần)

Hồi Hương

Trì chú công đức thù thắng hạnh,
Vô biên thắng phước giai hồi hương.
Phổ nguyện pháp giới chư chúng sanh,
Tốc vãng vô lượng quang Phật sát.

Nguyện tiêu tam chướng trừ phiền não,
Nguyện đắc trí tuệ chơn minh liễu.
Phổ nguyện tội chướng tất tiêu trừ,
Thế thế thường hành Bồ tát đạo.

Nguyện sanh Tây phương Tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh.
Bất thối Bồ tát vi bạn hữu,

Nguyện dĩ thử công đức,
Phổ cập ư nhứt thiết,
Ngã đẳng dữ chúng sanh,
Giai cộng thành Phật đạo.

Tam Quy Y

Tự Quy y Phật,đương nguyện chúng sanh,thể giải đại
đạo,phát Vô thượng tâm.(1 lạy)

Tự Quy y Pháp,đương nguyện chúng sanh,thâm nhập
kinh tạng,trí huệ như hải.(1 lạy)

Tự Quy y Tăng,đương nguyện chúng sanh,thống lý đại
chúng,nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)

Chủng Tử Ngữ



Đại Nhật Như Lai



Thích Ca Như Lai



A Di Đà Như Lai



Dược Sư Như Lai



Di Lạc Bồ Tát



Quán Âm Bồ Tát



Đại Thế Chí Bồ Tát



Địa Tạng Vương Bồ Tát

Tham khảo Và Sử Dụng Tư Liệu

Đại Chánh Đại Tạng Kinh
Càn Long Đại Tạng Kinh
Vạn Tân Tục Đại Tạng Kinh
Đại Tạng Kinh Việt Nam
Phạn Hán Đại Từ Điển
Nhật Bản Cổ Bốn Phạn Ngữ Chú
Đà La Ni Tập Kinh
Chân Ngôn Tông
Tạng Chú Truyền
Phật Giáo Chú Ngữ Bí Truyền Toàn Thư
Đà La Ni Tập
Bộ Mật Tông (HT.Thích Viên Đức-HT.Thích Thiền Tâm)
Nhị Khóa Hiệp Giải (HT. Thích Khánh Anh)
Chú giải chú Đại Bi (HT.Thích Tuyên Hóa)
Tư liệu Luật Tuệ pháp sư
Tư liệu cư sĩ Huyền Thanh

Thông Báo

Bộ Mật Tông Chú Giải Phạn Hán Việt Chú Ngữ Toàn Thư bao gồm hai tập,tập hai sẽ được phát hành in trong thời gian tới.Bộ sách này được sự đóng góp nhiều công sức chỉ dạy của chư Tôn Đức và nhiều học giả nhân sĩ trong giới nghiên cứu Phật giáo.Đặc biệt tập hai có một bộ “Bát Đại Kim Cang Thần Thông Lục Kinh”,cuốn kinh này dùng để giải trừ tất cả thế gian nạn ách, phá tà pháp ngoại đạo,thần lực bất khả tư nghì,nếu trai giới thanh tịnh,y pháp tu trì,trong giấc ngủ sẽ chiêm bao biết trước được nhiều việc xảy ra..... .Cuốn kinh này sao chép bằng tay tiếng Hán Nôm cổ, được thiền sư Phổ Am truyền,hiện nay trong đại tạng kinh đã không còn,là một bảo tạng trong Phật giáo. Vì cuốn kinh này có chánh pháp và dị pháp,nên cũng dẫn đo suy nghĩ khi công khai lưu bố,xin lược bỏ phần dị pháp . Bộ Mật Tông Chú Giải Phạn Hán Việt Chú Ngữ Toàn Thư không lưu giữ bản quyền,xin quý vị phát tâm in ấn nhằm đem lại lợi ích cho pháp giới nhân sanh.

Kính lời

Tỳ kheo Thích Linh Quang

Trích 10 điều lợi ích ấn tống kinh sách

1. Từ trước đã gây tội lỗi, nếu tội nhẹ thì liền tiêu mất, còn tội nặng thì trở thành nhẹ.
2. Thường được Thiên thần ủng hộ, giúp đỡ khỏi tai nạn, bệnh truyền nhiễm, tai nạn nước lụt, lửa cháy, giặc cướp, chiến tranh, lao ngục.
3. Đối với kẻ oán thù trước kia, đều nhờ pháp lợi ích mà được giải thoát, khỏi khổ về nạn báo thù.
4. Quý dạ xoa, quý ác không thể xen vào làm tổn hại và rắn độc, cạp đói cũng không thể làm hại.
5. Tâm được an ổn, ngày không gặp sự nguy hiểm, đêm chẳng thấy chiêm bao dữ, sắc mặt sáng ngời, sức mạnh dồi dào, việc làm được ích lợi tốt.
6. Lòng thành hiến dâng pháp, dầu không cầu mong nhưng sự ăn mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận, hưởng phước lộc lâu dài.
7. Lời nói, việc làm được Người, Trời hoan hỷ, mặc tình đến nơi nào cũng được nhiều người vui mừng yêu thương, tôn trọng, cung kính, lễ lạy.
8. Người ngu trở thành bậc trí, kẻ bệnh hoạn trở thành khỏe mạnh, người khốn khổ trở thành hưởng phước, kẻ mang thân phụ nữ nhanh chóng trở thành thân nam.
9. Trọn lia ác đạo, sanh về cõi lành, tướng mạo xinh đẹp,

bản tính vốn khôn hơn người thường, hưởng phước lộc đặc biệt hơn ai hết.

10. Hay làm cho tất cả chúng sanh gieo trồng căn lành, vì tâm chúng sanh mà làm thừa ruộng phước lớn, được vô lượng thắng quả, sanh về chỗ thường được thấy Đức Phật, nghe pháp, thắng đến mở rộng tâm huệ, đích thân chứng lục thông, chóng được thành Phật.

Người in kinh đã có công đức thù thắng như nói trên, cho nên phàm khi gặp chúc thọ đem phẩm vật tặng chúc mừng khỏi tai nạn, khỏi tai họa, cầu phước, tiến cử nhân tài, đều phải hoan hỷ mạnh dạn thực hành bố thí cúng dường.

Ấn Quang Tổ Sư dạy: Ấn tống kinh được vô lượng vô biên công đức, nên vào những dịp chúc thọ, thành hôn, cầu phước, cầu tiêu tai giải nạn, cầu tiêu trừ tật bệnh, cầu siêu độ hương linh... hãy phát tâm ấn tống kinh điển, để gieo trồng cội phước cho chính mình và thân bằng quyến thuộc.

Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả.
Đệ tử và chúng sanh,
Đều trọn thánh phật đạo.

Danh Sách Phật Tử Phát Tâm Ấn Tống

Trần Văn Hải

Trần Thị Thu Lan. PD :Diệu Xuân.

Cao Thanh Hùng

Asia Vi Trần Cao. PD:Diệu Huyền.

Kain Vương Trần Cao.PD:Quảng Trịnh.

Nguyễn Văn Hòa.PD:Huyền Minh.

Đoàn Thị Bé.PD:Diệu Nguyệt.

Huỳnh Nguyễn Elen Phương Thảo.

Nguyễn Thị Hương.PD:Diệu Nghiệm.

Lý Thu Trang.PD:Hạnh Phước.

Kỳ Siêu:Cửu Huyền Thất Tổ Trần Công.

Trần Thị Lành.

Phát Tâm Ấn Tống -Thỉnh Sách - Liên Lạc

Tỳ kheo:Thích Linh Quang

Chùa Quảng Ninh

Địa chỉ:21 capri Ter,Gainesesville,Ga 30504,USA.

Phone: 678-450-9487

Cell phone: 714-808-2210

Email:nhuancat@yahoo.com



Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát